

# **PHẬT PHÁP**

---

# **BOUDDHADHARMA**

SỐ/N. 39-04/2011

**KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN/LA GRANDE FÊTE DE VESAK**

**Hạnh  
Phúc  
Thay  
Đức  
Phật  
Đản  
Sinh**



**Hạnh  
Phúc  
Thay  
Giáo  
Pháp  
Cao  
Minh**

**Hữu tình đến gieo giống  
Nhờ đất quả vẫn sanh  
Vô tình tức không giống  
Không tánh cũng không sanh.**

Đông độ ngũ tổ Hoàng Nhãn đại sư

**Les êtres sentimentaux sèment leurs semences  
Produisant des fruits en conséquence  
Donc, pas de sentiments, pas de semences  
Pas de renaissance.**

5<sup>ème</sup> patriarche chinois : Vénérable Houng Ren





Hình Lễ Thượng Nguyên 2011



# Kinh Hoa Nghiêm

## Đại Phương Quảng Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà  
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**P**hật pháp rộng lớn không bờ mé  
**Tất cả các cõi hiện ở trong**  
**Các tướng thành hoại đều chẳng giống**  
**Tự Tại Âm Thiên ngộ môn này.**

“Phật pháp rộng lớn chẳng bờ mé.” Ở trên vị Thanh Tịnh Diệu Quang Thiên Vương thấy được cảnh giới của Phật là không hình tướng, là lìa cấu nhiễm. Bây giờ vị Tự Tại Âm Thiên Vương thấy được cảnh giới của Phật là rộng lớn không bờ mé.

Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, đối trị tám vạn bốn ngàn bệnh phiền não. Tóm lại, chúng sinh có bao nhiêu phiền não, thì chư Phật có bấy nhiêu pháp môn để đối trị. Mỗi một pháp môn trị một thứ phiền não, cho nên mới nói Phật pháp rộng lớn không bờ mé.

“Tất cả cõi nước hiện ở trong.” Tất cả cõi nước đều hiện ra ở trong Phật pháp, lại có thể nói tất cả Phật pháp hiện ra ở trong các cõi nước.

“Các tướng thành hoại đều chẳng giống.” Thế giới có thành, trụ, hoại, không, bốn tướng. Chúng sinh có sinh, già, bệnh, chết, bốn tướng. Tâm niệm có

sinh, trụ, dị, diệt, bốn tướng, tất cả đều là vô thường.

Mỗi thế giới đều có thành, trụ, hoại, không, bốn giai đoạn. Mỗi giai đoạn đều có hai mươi tiểu kiếp; tám mươi tiểu kiếp làm một đại kiếp. Tóm lại, một thế giới từ thời kỳ thành, cho đến diệt vong phải trải qua tám mươi tiểu kiếp. Trong mỗi đại kiếp bao gồm thành, trụ, hoại, không. Thế giới này thành, thì thế giới kia hoại. Thế giới kia thành, thì thế giới này hoại.

Khi thành thì địa cầu sinh tồn. Khi hoại thì địa cầu hủy diệt. Địa cầu này diệt, thì địa cầu khác lại sinh. Ở trong hư không có vô lượng thế giới, vô lượng cõi nước. Thế giới này chẳng giống thế giới kia, cõi nước này khác với cõi nước kia. Thế giới Ta Bà mà chúng ta đang ở, chẳng giống thế giới Cực Lạc.



Vườn Lâm Tỳ Ni, nơi đức Phật thị hiện Đản Sinh

Thế giới Ta Bà thì cực khổ còn thế giới Cực Lạc

thì cực vui. Trong mỗi thế giới có rất nhiều quốc gia, mà mỗi quốc gia lời nói, văn hóa, phong tục, đều chẳng giống.

“Tự Tại Âm Thiên ngộ môn này.” Cảnh giới môn giải thoát này, vị Tự Tại Âm Thiên Vương đắc được.

**Thần thông của Phật không nghĩ bàn**  
**Hiện khắp mười phương cõi rộng lớn**  
**Thấy đều nghiêm tịnh thường hiện tiền**  
**Thắng Niệm ngộ môn giải thoát này.**

“Thần thông của Phật không nghĩ bàn.” Phật là bậc Đại Giác. Ai chân chánh giác ngộ thì người đó là Phật. Nếu ai hồ đồ thì người đó là chúng sinh. Do đó đủ biết chúng sinh và Phật khác biệt giữa mê và giác. Mê là chúng sinh, giác là Phật. Lục Tổ Huệ Năng nói :

“Pháp vốn chẳng đốn tiệm,  
Mê ngộ có sớm muộn.”

Nghĩa là pháp vốn chẳng có đốn và tiệm (đốn pháp là do tiệm mà thành đốn, tiệm pháp là do đốn mà thành tiệm). Chỉ là chúng sinh mê và giác, có sớm có muộn, bất quá là thời gian sớm muộn mà thôi. Thần thông lục của Phật là gì ? Tức là ba thân, bốn trí, năm nhân, sáu thông.

Ba thân là :

- ◆ Pháp thân,
- ◆ Báo thân và
- ◆ Ứng hóa thân.

Bốn trí là :

- Thành sở tác trí.
- Diệu quán sát trí.
- Bình đẳng tánh trí.
- Đại viên cảnh trí.

Năm nhân là :

- ❖ Nhục nhân.
- ❖ Thiên nhân.
- ❖ Pháp nhân,
- ❖ Huệ nhân.
- ❖ Phật nhân.

Sáu thông là :

- ◎ Thiên nhân thông.
- ◎ Thiên nhĩ thông.
- ◎ Tha tâm thông.
- ◎ Túc mạng thông.
- ◎ Thần túc thông.
- ◎ Tật tận thông.

Cho nên nói thần thông lục của Phật không thể nghĩ bàn.

“Hiện khắp mười phương cõi rộng lớn.” Phật ở trong một niệm, hiện khắp cõi nước chư Phật trong mười phương, đi giáo hóa chúng sinh. Khi Phật thuyết Kinh Hoa Nghiêm, tuy ngồi dưới cội bồ đề, nhưng pháp thân đến cõi nước chư Phật đồng thời diễn nói giáo viên đốn.

“Thấy đều nghiêm tịnh thường hiện tiền.” Phật có thể làm cho tất cả cõi nước chư Phật hoàn toàn trang nghiêm thanh tịnh, cảnh giới này luôn luôn hiện tiền.

“Thắng Niệm ngộ môn giải thoát này.” Vị Tối Thắng Niệm Thiên Vương này, đắc được phương tiện môn giải thoát này.

## **Hạt bụi số cõi trong mười phương Thấy đều cúng dường các Như Lai Nghe pháp lia nhiễm không quên mất Diệu Âm Thiên Vương thấy môn này.**

“Hạt bụi số cõi trong mười phương” Tất cả Như Lai số nhiều như hạt bụi trong biển cõi đều phải kính phụng, đều phải cúng dường, đều phải lễ bái.

“Thấy đều cúng dường các Như Lai.” Phật Thích Ca khi còn tại nhân địa, thì cung kính cúng dường các Như Lai nhiều như số hạt bụi biển cõi.

“Nghe pháp lia nhiễm không quên sót.” Khi Phật tại nhân địa tu hành, thì nghe tất cả các pháp, xa rời tất cả vô minh, tất cả nhiễm ô, không bỏ qua tất cả các pháp, dù pháp rất vi tế, pháp không quan trọng cũng không quên được, cũng đặc biệt chú ý không bỏ sót. Vì y theo pháp tu hành, cho nên lia nhiễm, không quên sót.

“Diệu Âm Thiên Vương thấy môn này.” Pháp môn đại dụng này vị Khả Ái Lạc Thanh Tịnh Diệu Âm Thiên Vương minh bạch được.

## **Phật trong vô lượng biển đại kiếp Nói bậc phương tiện chẳng ai bằng Sở thuyết vô biên vô cùng tận Thiện Tư Âm Thiên biết nghĩa này.**

“Phật trong vô lượng biển đại kiếp.” Phật Thích Ca trong quá khứ, khi còn tại nhân địa, trải qua vô lượng vô biên số đại kiếp, vì đại kiếp quá nhiều, giống như biển, không cách chi tính được số chắc chắn, cho nên gọi là biển đại kiếp.

“Nói bậc phương tiện chẳng ai bằng.” Trong lúc này, Đức Phật khéo nói tất cả địa nghĩa. Đất dùng sinh trưởng làm nghĩa, vạn vật đều từ đất sinh trưởng lớn lên. Bậc nghĩa tức là từ bậc phàm phu mà đạt đến bậc Thánh nhân. Ở trong khoảng giữa này phải trải qua thời gian rất dài, mới có thể



thành tựu địa vị Thánh nhân, cho nên bậc nghĩa là dùng đủ thứ phương tiện để giảng nói. Chẳng ai bằng tức là bất cứ Thánh nhân nào cũng không thể sánh được.

“Sở thuyết vô biên vô cùng tận.” Sở thuyết pháp phương tiện chẳng có bờ mé, nói không hết được, nói ngang nói dọc cũng nói chẳng hết.

“Thiện Tư Âm Thiên biết nghĩa này.” Cảnh giới đạo lý này, vị Thiện Tư Duy Âm Thiên Vương minh bạch được.

## **Như Lai thần biến vô lượng môn Một niệm hiện trong tất cả chỗ Đản sinh thành đạo đại phương tiện Trang Nghiêm Âm được giải thoát này.**

“Như Lai thần biến vô lượng môn.” Thần thông biến hóa của Phật vô lượng vô biên. Chẳng giống như thần thông của A La Hán, chỉ có mười tám thứ biến hóa. Cũng chẳng giống như thần thông của Bồ Tát. Tuy nhiên có trăm ngàn vạn ức biến hóa nhưng vẫn còn có bờ mé. Còn thần thông của Phật thì biến hóa vô cùng vô tận.

Thần biến là gì ? Thần là thần diệu không dò được. Phạm phu chúng ta không thể dùng tâm để suy nghĩ, cũng không thể dùng lời nói để hình dung. Biến là thiên biến vạn hóa, biến hóa vô cùng, từ một môn mà sinh ra vô lượng môn, vô lượng môn quy về một môn.

“Một niệm hiện trong tất cả chỗ.” Thần thông biến hóa, một tức là nhiều, nhiều tức là một, một nhiều không hai, một nhiều vô lượng. Như vậy thì mới có thể khoảng một niệm hiện tiền, hiện trong tất cả chỗ. Phật không động đạo tràng mà biến khắp pháp giới, vẫn ngồi nhập định ở đó. Song ở trong hư không khắp pháp giới, chẳng có một chỗ nào mà chẳng phải

Phật hiện tiền. Cho nên nói một niệm trong tất cả chỗ.

“Đản sinh thành đạo đại phương tiện.” Tất cả Bồ Tát muốn thành Phật, trước hết đều phải ở cung trời Đâu Suất đời cơ duyên thành thực, thì bèn hàng sinh xuống nhân gian hậu bổ Phật vị, giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh lia khổ được vui.

Hiện tại Bồ Tát Di Lạc đang ở tại cung trời Đâu Suất, đời tương lai sẽ đến thế giới này thành Phật, làm giáo chủ. Khi nào Bồ Tát Di Lạc mới thành Phật ? Bây giờ là trụ kiếp, kiếp thứ chín của kiếp giảm. Tuổi thọ của con người khoảng bảy mươi. Mỗi một trăm năm giảm xuống một tuổi, giảm đến mười tuổi thì mới tăng thêm tuổi thọ, cũng một trăm năm tăng lên một tuổi. Tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì mới giảm, giảm xuống tuổi thọ con người còn tám vạn tuổi, thì Bồ Tát Di Lạc bèn cười voi trắng sáu ngà từ cung trời Đâu Suất hàng sinh nhân gian, giáo hóa chúng sinh. Chỉ cần thời gian một ngày một đêm, thì những chúng sinh đáng được độ thì độ xong. Vào thời Đức Phật Thích Ca còn lại những chúng sinh không thể giáo hóa, họ có duyên với Bồ Tát Di Lạc, tương

lai sẽ được giáo hóa mà được giải thoát. Bây giờ Bồ Tát Di Lạc ở Nội Viện cung trời Đâu Suất trong hội Long Hoa vì chúng sinh mà thuyết pháp.

Ngài Vô Trước lúc còn ở Ấn Độ, mỗi ngày đi lên cung trời Đâu Suất nghe Kinh, về lại nhân gian ghi

chép lại thành bộ Du Già Sư Địa Luận.

Nội dung là nói về pháp tướng vạn pháp duy thức do Phật Thích Ca nói, lược thành sáu trăm sáu mươi pháp. Sau đó em của Ngài là Thế Thân Bồ Tát đúc kết lại thành Bách Pháp Minh Môn Luận.

“Trang Nghiêm Âm được giải thoát này.” Cảnh giới này vị Trang Nghiêm Âm Thiên Vương minh bạch được. (còn tiếp)



Cây bồ đề trong vườn Lâm Tỳ Ni

# Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Pháp sư Cửu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**C**ác Bồ Tát bất thối  
Số đông như Hằng sa  
Đều nhất tâm suy cầu  
Cũng chẳng thể biết được.  
Lại nữa Xá Lợi Phất !  
Vô lậu chẳng nghĩ bàn  
Pháp thâm sâu nhiệm màu  
Ta nay đã được đủ  
Chỉ ta biết tướng đó  
Mười phương Phật cũng thế.  
Xá Lợi Phất nên biết !  
Lời chư Phật không khác  
Pháp của Phật nói ra  
Nên sinh sức tin lớn  
Pháp Thế Tôn lâu sau  
Cần phải nói chân thật.  
Này các chúng Thanh Văn !  
Và người cầu Duyên Giác  
Ta khiến cho thoát khổ  
Sớm đắc được Niết bàn.  
Phật dùng sức phương tiện  
Mở bày ba thừa giáo  
Chúng sinh nỡ nể chấp  
Dẫn dắt họ ra khỏi.

Các Bồ Tát bất thối, số đông như Hằng sa : Có khi Bồ Tát mới phát tâm cũng thối thất bồ đề tâm, vì chưa có định lực chân chánh. Những vị Bồ Tát này đã chứng được ba bất thối :

1. **Vị bất thối** : Quả vị của những Bồ Tát này, ở đại thừa không thể thối về nhị thừa.
2. **Hạnh bất thối** : Các Ngài tu hành tinh tấn, chẳng giải đãi.

3. **Niệm bất thối** : Các Ngài chẳng bao giờ khởi tâm niệm thối chuyển.

Những Bồ Tát này nhiều như số cát sông Hằng. "Đều nhất tâm suy cầu". Đều chuyên tâm nhất chí cùng nghiên cứu trí huệ chân thật của Phật. "Cũng chẳng thể biết được" : Bồ Tát bất thối vị, tuy là bất thối, nhưng vẫn chẳng đắc được trí huệ chân thật. Các Ngài chỉ có quyền trí, còn trí huệ chân thật của Phật, thì các Ngài không thể biết được.



Vườn Lộc Uyển, nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên độ năm anh em Kiều Trần Như.

Phật Thích Ca nói : "Lại nữa Xá Lợi Phất ! Vô lậu chẳng nghĩ bàn, pháp thâm sâu vi diệu, ta nay đã được đủ". Đây là các pháp thật tướng, trí huệ chân thật, ta Phật Thích Ca Mâu Ni đã hoàn toàn đắc được, đầy đủ chẳng thiếu chẳng thừa. Chỉ ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng thế. "Xá Lợi Phất nên biết" ! Đức Phật lại gọi Xá Lợi Phất phải biết. "Lời chư Phật không khác" : Lời của chư Phật nói đều là dị khẩu đồng âm nói lời chân thật. Lời của Như Lai là chân, là thật, là như, chẳng hư vọng, chẳng khác. Cho nên pháp của mỗi vị Phật nói đều như nhau. Trí huệ chân thật của Phật, chẳng có ai biết được, chỉ có Phật với Phật minh bạch được pháp này. "Pháp của Phật nói ra, nên sinh sức tin lớn". Bạn nên sinh



đại tín tâm. Niềm tin lớn tức là chẳng có tâm nghi hoặc, chỉ có tín tâm, sức tin này lớn vô cùng. Tại sao gọi là sức tin? Vì Phật pháp như biển cả, bạn muốn vào được chỉ có niềm tin. Nếu bạn chẳng có sức tin, thì không thể minh bạch đạo lý Phật pháp, cho nên nói:

"Tin là nguồn đạo mẹ công đức".

Tin là nguồn gốc của đạo lý, là mẹ của tất cả công đức.

"Nuôi lớn tất cả mầm căn lành".

Bạn có niềm tin mới nuôi lớn căn lành được, nếu chẳng có niềm tin, thì căn lành không thể lớn lên được. Cho nên niềm tin là quan trọng nhất. "Pháp Thế Tôn lâu sau": Ta Thế Tôn, lúc ban đầu thành Phật, thì nói Tam Tạng giáo, đây là bán tự giáo, dùng để giáo hóa Thanh Văn chúng sinh, thế nhưng khi ta nói pháp, nói đến lúc cuối cùng, thì cần phải nói chân thật. Ta phải nói ra hết tất cả pháp chân thật giáo hóa Bồ Tát thật trí, chẳng giống như lúc trước nói pháp phương tiện, bây giờ nói pháp chân thật. Ví như lúc trước bạn có chút mao bệnh, có thể từ từ trừ, chẳng quan trọng. Bây giờ thì thế nào? Phải chân thật mà tu hành, một chút mao bệnh cũng không thể tồn tại. Bạn phải thật thà mà dụng công tu hành, phát tâm Bồ



Tháp do Vua A Dục xây, tưởng niệm nơi đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên.

Tát đại thừa, dùng giống như lúc trước kéo dài ngày giờ. Kéo dài là gì? Hôm nay thì đợi ngày mai mới tu hành, ngày mai lại chẳng tu hành, đợi đến ngày mốt mới tu. Giống như tôn giả A Nan, tự cho rằng mình là em chú bác với Đức Phật, thì Phật sẽ ban cho tam muội, đó là tư tưởng sai lầm. Tu đạo thì sinh tử của mình tự mình lo, ai ăn người đó no. Sinh tử của bạn chắc chắn phải tự mình dụng công tu hành, người khác chẳng cách chi trợ giúp bạn. Phật nói trợ giúp bạn, đó chỉ là pháp phương tiện, khiến cho chính bạn phát tâm tu hành. Nếu chính bạn chẳng tu hành, thì cũng giống như người khác ăn cơm bạn không thể no được. Cho nên phải tự mình dụng công hành thực tiễn.

"Này các chúng Thanh Văn và người cầu Duyên Giác": Ta nói pháp môn bốn Diệu Đế, bảo tất cả

chúng Thanh Văn. Lại nói pháp mười hai Nhân Duyên, để giáo hóa đệ tử Duyên Giác thừa. "Ta khiến cho thoát khổ". Tâm từ bi của Phật, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều lìa khổ được vui, liễu sinh thoát tử. Vì vô thường mau chóng, nếu bạn chẳng tu hành thì quý vô thường chẳng nể vì, đợi đến khi nó đến mời bạn đi châu vua Diêm Vương, thì nó sẽ chẳng nể nang chút nào. Dù bạn dùng bao nhiêu tiền để mua chuộc quý vô thường, kêu nó hoãn lại một thời gian, để cho bạn sống thêm mấy năm cũng không thể nào được. Quý vô thường chẳng ăn hối lộ, chẳng giống như người nhân gian chúng ta tham quan ô sủ, thấy tiền thì sáng mắt ra, việc gì cũng có thể làm được. Do đó, tiền là thần thông, bạn có tiền thì việc làm không được cũng làm được; bạn phạm pháp, cầm tiền đến thì pháp cũng chẳng phạm. Song, quý vô thường chẳng có tâm tham như thế, chúng chẳng tham tiền. "Sớm đắc được Niết Bàn". Phật dùng sức phương tiện, mở bày

ba thừa giáo: Phật vì một Phật thừa mà mở bày ba thừa. Ba thừa là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa; mục đích cuối cùng của ba thừa là Phật thừa. Mà hiện tại đến lúc cuối cùng ta phải nói Phật thừa pháp chân thật này. "Chúng sinh nơi nơi chấp, dẫn dắt họ ra khỏi": Một số chúng

sinh bất cứ đến hoàn cảnh nào, thì họ chấp trước vào địa vị đó, mà chẳng di động; thậm chí ở trong địa ngục, thì có sự chấp trước về địa ngục; ở trong súc sinh, thì có sự chấp trước về súc sinh; ở trong nhân loại, thì có sự chấp trước về nhân loại; ở trong ngạ quỷ, thì có sự chấp trước về ngạ quỷ. Cho nên nói nơi nơi đều chấp. Nơi nơi tức là bất cứ ở hoàn cảnh nào. Ngũ luân ở gia đình: Anh, em, cha, mẹ, tổ, ai cũng đều có sự chấp trước; trong cơ quan chính phủ quốc gia, mỗi bộ môn, mỗi cấp bậc cũng có chấp trước của họ. Pháp của Phật nói là vì phá chấp trước của chúng sinh. Tại sao có Phật pháp? Vì Chúng ta có chấp trước. Nếu chẳng có chấp trước thì đâu có dùng pháp phá chấp trước. (còn tiếp)

# Chú Lăng Nghiêm

## giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

### 105. A ca la.

Kê :

Vô thượng đại bi tâm ấn văn  
Tây Phương Liên Hoa bộ chúng thần  
Cánh gia từ hỷ kiêm thí xả  
Diệu vận xảo đoạt tạo hoá công.

Tạm dịch :

Vô thượng đại bi tâm ấn văn  
Tây Phương Liên Hoa bộ chúng thần  
Từ bi hỷ xả vô lượng tâm  
Diệu dụng khéo đoạt công tạo hóa.

Giảng giải : **A Ca La** tức là "vô thượng đại bi tâm", "vô thượng Đại Bi Chú".

“Vô thượng đại bi tâm ấn văn.” Tâm ấn diệu pháp này.

“Tây Phương Liên Hoa bộ chúng thần.” Tây Phương Liên Hoa bộ tất cả hộ pháp thiện thần.

“Từ bi hỷ xả vô lượng tâm.” Bạn phải dùng tâm đại bi, tâm đại từ, tâm đại hỷ, tâm đại xả, dùng bốn tâm vô lượng viên mãn thì : “Diệu dụng khéo đoạt công tạo hóa.” Bạn phải dùng vừa vận đến chỗ diệu, thì có thể đoạt được công năng tạo hóa của trời đất, khiến cho người đáng chết nhưng không chết, người đáng hư hỏng nhưng không hư hỏng, việc bất như ý đều hóa thành cát tường. Đó là khéo đoạt được tạo hóa, công dụng này diệu vô cùng. Cho nên các bạn phải biết, từ đây bắt đầu là "**năm đại tâm Chú**", rất là quan trọng, rất là hữu dụng, quan trọng nhất trong Chú Lăng Nghiêm.

### 106. Mật li trụ.

Kê : Kinh sơn trì xử biến hư không  
Đông phương Kim Cang trấn ma quân  
Bát vạn tứ thiên thường ủng hộ  
Năng sử hành nhân nhập đại trung.

Tạm dịch :

Bưng núi cầm chùy khắp hư không  
Đông phương Kim Cang trấn ma quân  
Tám vạn bốn ngàn thường ủng hộ  
Hay khiến người hành nhập đại định.

Giảng giải : “**Sất Đà Nễ, A Ca La, Mật Li Trụ, Bát Li Đạt La Gia, Ninh Yết Li.**” Năm câu Chú này gọi là "**năm đại tâm Chú**", là **năm tâm Chú của Phật ở năm phương**.

Năm tâm Chú này chuyên phá chú thuật của thiên ma ngoại đạo. Bất cứ chúng có yêu chú tà pháp gì, khi bạn tụng năm đại tâm Chú này, thì yêu thuật tà pháp của chúng đều bị phá sạch. Không những phá yêu ma quỷ quái ở nhân gian, mà còn phá thiên ma ngoại đạo ở trên trời. Khi bạn gặp thiên ma ngoại đạo mà tụng năm đại tâm Chú này thì chúng không thể nào loạn tâm của bạn. Bất cứ chúng có pháp thuật gì, cũng đều không linh nghiệm. Cho nên năm đại tâm Chú này vô cùng quan trọng trong Chú Lăng Nghiêm, vô cùng linh cảm, không thể nghĩ bàn.

**Mật Li Trụ** dịch là "Kim Cang" là một trong 108 Kim Cang. Đây thuộc về phương đông Kim Cang Bộ, là **tâm Chú của Kim Cang Bộ**, cho nên nói :

“Bưng núi cầm chùy khắp hư không.” Tám vạn bốn ngàn Kim Cang Bồ Tát này bưng núi cầm chùy khắp cõi hư không.

“Đông phương Kim Cang trấn ma quân.” Kim Cang Bộ thuộc phương đông, trấn phục tất cả thiên ma ngoại đạo, thì tu hành dễ dàng thanh tịnh, dễ dụng công tu hành. Cho nên tu hành phải nội công ngoại đức, bên trong thì phải có công, bên ngoài phải bồi đức, phải tài bồi đức hạnh.



“Tám vạn bốn ngàn thường ủng hộ.” Tám vạn Kim Cang Tạng Bồ Tát thường ủng hộ bạn.

“Hay khiến người hành nhập đại định.” Hay khiến người tu hành đắc được Lăng Nghiêm đại định, thường thường sinh trí huệ chân chánh.

## 107. Bát li đất la gia.

Kê : Như ý luân bảo diệu nan tu  
Nam phương hoá sinh vô úy thí  
Tâm Chú thọ trì nguyên hình hiện  
Lị Mị Vọng Lượng thiết hấp thạch.

Tạm dịch :

Như ý luân báu diệu khó lường  
Phương nam hóa sinh vô úy thí  
Tâm Chú thọ trì hiện nguyên hình  
Lị Mị Vọng Lượng sắt hút đá.

Giải : “Như ý luân báu diệu khó lường.” Đây là diệu bảo tâm Chú, cũng giống như hạt châu Như Ý không thể nghĩ bàn.

“Phương nam hóa sinh vô úy thí.” Phương nam Bảo Sinh Bộ biến hóa vô cùng. Có bố thí vô úy, Như Ý bảo châu bố thí khắp cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều đắc được đủ thứ của báu.

“Tâm chú thọ trì hiện nguyên hình.” Khi niệm năm tâm Chú này, thì bất cứ yêu ma quỷ quái gì cũng đều hiện nguyên hình, thì bạn sẽ biết chúng là những thứ gì.

“Lị Mị Vọng Lượng sắt hút đá.” Bất cứ là Lị Mị, Vọng Lượng, hoặc là quái vật gì, khi bạn niệm Chú này, thì giống như hút sắt đá, hút chúng vào thì chúng không thể biến hóa. Đây thật là :

“Pháp vi diệu thâm sâu vô thượng  
Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được  
Con nay nghe thấy được thọ trì  
Nguyện hiểu tam muội nghĩa chân thật.”

Tụng Kinh trì Chú, tu tất cả pháp môn đều phải thành tâm, trai giới tắm rửa sạch sẽ, thân tâm thanh tịnh, trừ khử tất cả vọng tưởng, để tu pháp môn này, mới đắc được cảm ứng đạo giao, như tiếng ứng thanh. Nếu bạn không thành tâm, thì dù Chú có linh nghiệm gì cũng đều không linh. Cho nên nói : “Tâm thành tắc linh”, nếu tâm không thành thì sẽ không linh. Tâm thành là gì ? Tức là

không có tâm hoài nghi. Sức lực tin Chú chân chánh không thể nghĩ bàn. Sức lực tin Chú chân chánh, không thể không thành tựu. Nếu bạn có tâm thành chân chánh, thì tu hành sẽ thành tựu, không có tâm thành, thì chẳng thành tựu. Có người tu hành trải qua thời gian lâu dài cũng chẳng có cảm ứng gì. Phải chăng là Phật pháp không linh ? Hoặc Kinh Chú không có oai lực cảm ứng đạo giao ? Không phải ! Vì bạn không có tâm thành, luôn luôn cầu thả lơ là, không đem chân tâm ra. Cho nên chúng ta học Chú Lăng Nghiêm phải đầy đủ tâm chân thật, đó là quan trọng nhất.

Hỏi : Làm thế nào dùng Chú đối phó với Lị Mị Vọng Lượng ?

Đáp : Pháp thuật ngoại đạo, yêu ma quỷ quái, có lúc hoặc làm bạn đau đầu, đau răng, đau mắt, sây sầm mặt mày, phát cuồng, nói bậy bạ. Lúc này bạn tụng Chú này, thì sẽ phá pháp thuật của chúng, khiến cho pháp thuật của chúng không linh. Chú chẳng phải kêu bạn tự nhiên đi đối phó với Lị Mị Vọng Lượng. Hàng ngày trong tâm bạn có Lị Mị Vọng Lượng, thì dù chẳng có Lị Mị Vọng Lượng, cũng tự chiêu chúng đến. Trong tâm bạn gọi đi thiệp mời nói : Ê ! Lị Mị Vọng Lượng mau đến, ta có Chú đối phó với người ! Đây là đầu lại thêm đầu. Nên biết, Chú này nói là ai gặp vấn đề gì, thì bạn có thể dùng Chú này để phá pháp thuật, chú chẳng phải hàng ngày kêu bạn đi phá, vậy Vọng Lượng có nhiều như thế, hàng ngày bạn phải phá. Bất cứ Lị Mị Vọng Lượng gì, pháp thuật gì, khi gặp Chú này, thì khí của chúng đều tán mất bỏ chạy, đều vô dụng. Trong tâm bạn trước thỉnh mời Lị Mị Vọng Lượng đến, đương nhiên chúng tâm chú gì cũng có. Tâm Chú, tâm Chú tức là trong tâm của bạn phải có Chú, phải sạch sẽ, gì cũng chẳng có, đến lúc dùng thì tự nhiên sẽ linh nghiệm. Thọ trì chú không phải vì hàng phục yêu ma quỷ quái. Đây cũng giống như tụng trì Chú Đại Bi tức là niệm, lâu dần không niệm mà niệm, tự nhiên sẽ có một thứ lực của Chú lại hộ trì bạn. Thậm chí đến thời, bạn tụng Chú, không tụng Chú, đều có cảm ứng, vì bạn bình thường tu trì tốt cho nên cảnh giới đến thì tự nhiên nghênh nhận mà giải, vấn đề gì cũng đều không có. (còn tiếp)

**C**hú Đại Bi, vốn chẳng có cách gì giảng được, vì Chú là mật ngữ bí mật. Nếu muốn biết ý nghĩa của Chú Đại Bi thì trước hết tôi nói một bài kệ. Bài kệ này nói về Chú Đại Bi :

**Đại bi đại Chú thông thiên địa  
Nhất bách nhất thiên Thập Vương hoan  
Đại bi đại từ năng khử bệnh  
Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền.**

"Đại bi đại Chú thông thiên địa" : Bạn đọc Chú Đại Bi thì trên trời cũng chấn động, dưới đất cũng chấn động, thông thiên triệt địa.

"Nhất bách nhất thiên thập vương hoan" : Mỗi ngày bạn tụng 108 biến, tụng một ngàn (1000) ngày; một năm có 365 ngày, một ngàn ngày tức khoảng ba năm. Bạn tụng ba năm mà mỗi ngày tụng chẳng gián đoạn. Mỗi ngày lúc nào bạn tụng Chú Đại Bi thì nhất định tụng vào lúc đó, dù bận thế nào bạn cũng tụng 108 biến. "Thập Vương" là mười ông vua ở dưới địa ngục, còn gọi là thập điện Diêm Vương, các vị ấy đều vui mừng, đó gọi là "nhất bách nhất thiên thập vương hoan".

"Đại từ đại bi năng khử bệnh" : Vì sao Chú Đại Bi gọi là Chú Đại Bi ? Vì "bi hay cứu khổ", hay cứu tất cả khổ nạn của chúng sinh; đó là "cứu khổ ban vui", cho nên gọi là Chú Đại Bi. Cứu khổ ban vui, chủ yếu là có thể trị bệnh; bất cứ có bệnh gì, bạn tụng Chú Đại Bi thì bệnh đều khỏi hẳn. Có người nói : "Tôi tụng Chú Đại Bi sao bệnh không khỏi

hẳn ?" Vì bạn chẳng thành tâm; nếu bạn thành tâm, thì nhất định sẽ có cảm ứng của Chú Đại Bi.

"Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền": Mỗi ngày bạn tụng 108 biến, mà tụng một ngàn ngày, tức cũng khoảng thời gian ba năm, thì mười ông vua Diêm Vương đều vui mừng, bệnh gì cũng đều có thể trị được. Lúc đó bạn lập được rất nhiều công; vì trong thời gian ba năm, hằng ngày bạn đều tụng Chú, chẳng tạo nghiệp. Dưới địa ngục có một tấm gương gọi là "nghiệt kính đài", bất cứ bạn tạo tội nghiệp gì,

thì đều hiển hiện ra ở trong tấm gương đó, giống như màn ảnh truyền hình. Một đời bạn làm gì, như bạn giết người, thì trong tấm gương đó sẽ hiện ra tình hình bạn giết người; bạn trộm cắp vật của người, thì trong tấm gương đó sẽ hiện ra cảnh tượng bạn trộm cắp; nếu bạn đi đốt nhà phóng lửa, thì trong tấm gương đó sẽ hiện ra nghiệp bạn đã làm. Nếu bạn chẳng có nghiệp gì thì sao? thì trong tấm gương đó chẳng có cảnh giới gì để hiện ra. Cho nên trong ba năm bạn tụng Chú Đại Bi, nếu chẳng uống rượu, chẳng ăn thịt, chẳng ăn ngũ tân (hành, hành tây, họ, tỏi, nén) thì khi tấm gương



Đại Tháp ở Bồ Đề Đạo Tràng, do Vua A Dục xây, tưởng niệm nơi Đức Phật thành đạo.

"nghiệt kính đài" chiếu lên thì bạn chẳng có nghiệp chướng gì; ở dưới địa ngục cho bạn mang tấm bảng nói rằng : "Người đó

tụng trì Chú Đại Bi, đã tiêu trừ nghiệp của họ, tất cả quỷ thần dưới địa ngục thấy người đó, đều cúi đầu đánh lễ cung kính như chư Phật ba đời và đều bảo hộ người đó như bảo hộ tất cả chư Phật, và cũng đi khắp nơi nói với các quỷ thần khác rằng thấy người đó đừng có nhiễu loạn họ". Cho nên Chú Đại Bi có oai lực như thế, thật là không thể nghĩ bàn. Bây giờ giảng về Chú Đại Bi.



## 1. Nam Mô Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia.

Chúng ta thường niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", "Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật"; niệm thì niệm, vậy cứu kính hai chữ "Nam Mô" nghĩa là gì? Rất ít người biết. Trước kia tôi từng hỏi nghĩa hai chữ "Nam Mô" như thế nào? Chẳng có ai trả lời được như ý, họ đều chẳng biết.

"Nam Mô" là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "quy y", cũng là "quy mạng kính đầu". Quy mạng là đem mạng sống của mình giao cho Phật, mình chẳng cần; Phật kêu ta sống thì ta sống, kêu ta chết thì ta chết, nghe sự chỉ đạo của Phật. Kính là cung kính; đầu là nương tựa. Kính đầu tức là cung kính nương tựa vào Phật. Chúng ta quy mạng tức là thân của chúng ta cũng quy y cho Phật, tâm cũng quy y cho Phật; thân tâm đều quy y cho Phật.

"Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia": Nói tổng quát tức là mười phương vô lượng vô tận Tam Bảo, trên hình vẽ nói là bốn thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Tuy là bốn thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tức cũng là quy y mười phương chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Niệm câu Chú này ra, chẳng phải chỉ kêu ta quy y mười phương vô tận thường trụ Tam Bảo, mà cũng khiến cho tất cả chúng sinh nghe được câu mật ngữ này, thì đều quy mạng nương tựa vào mười phương ba đời vô tận vô tận thường trụ Tam Bảo. Tam Bảo như bạn đã biết là Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Bạn phải biết trên thế gian cao quý nhất là Phật Bảo, cao quý nhất là Pháp Bảo, cao quý nhất cũng là Tăng Bảo. Chẳng có gì cao quý hơn bằng Tam Bảo. Chẳng những trong thế gian, mà dù xuất thế gian cho đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, cũng chẳng cao quý bằng Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo. Cho nên trong mười pháp giới thì pháp giới của Phật là cao nhất. Cao nhất là Tam Bảo, nên chúng ta phải quy y, phải cung kính, phải tin

nhận, đừng có tư hào tâm hoài nghi; phải sinh tâm tin sâu sắc.

Quy y Tam Bảo có lợi ích gì? Quy y Phật thì chẳng đọa địa ngục; quy y Pháp thì chẳng đọa làm ngựa quý; quy y Tăng thì chẳng đọa làm súc sinh. Đó là nói sơ về quy y Tam Bảo.

Song, bạn quy y thì phải làm các điều lành mới được, nếu bạn vẫn giống như trước, sát sinh giết người, phóng hỏa, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, chẳng có gì mà chẳng làm, thì bạn chẳng tránh khỏi ba đường ác. Vì trong Phật pháp chẳng nói gì đến nhân tình. Chẳng phải nói: "Bạn đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng. Quy y Phật thì chẳng



Cội bồ đề nơi Đức Phật đã thành đạo cách đây gần 26 thế kỷ.

đọa vào địa ngục; quy y Pháp thì chẳng đọa làm ngựa quý; quy y Tăng thì chẳng đọa làm súc sinh. Vậy thì bạn cứ tùy tiện muốn làm gì thì làm", chẳng phải vậy. Bạn phải cải ác hướng thiện, vĩnh viễn không làm việc xấu nữa mới được. Nếu bạn vẫn làm việc xấu thì vẫn đọa địa ngục như nhau. Chẳng giống như các

ngoại đạo khác nói: "Chỉ cần bạn tin Chúa thì dù bạn tạo tội nghiệp cũng được

lên thiên đàng; nếu bạn chẳng tin Chúa, thì dù bạn làm công đức cũng đọa địa ngục". Chẳng phải đạo lý như thế. Dù bạn tin Phật, nếu bạn tạo tội nghiệp thì nhất định cũng đọa địa ngục như nhau; dù bạn chẳng tin Phật, nếu bạn làm công đức, cũng được sinh về cõi trời như nhau. Phật pháp chẳng phải là một thứ đạo lý mê hoặc lòng người, nói: "Người phải tin ta thì muốn gì cũng đều được", chẳng phải như thế. Bạn tin Phật cũng phải đừng tạo tội nghiệp mới được; nếu bạn tạo tội nghiệp thì vẫn bị đọa địa ngục như thường. Tức nhiên đọa địa ngục như nhau, vậy tại sao còn phải quy y Tam Bảo? Quy y Tam Bảo thì bạn phải cải ác hướng thiện, sửa đổi lỗi lầm, làm con người mới, từ nay về sau chỉ làm việc lành, chẳng làm việc xấu nữa, như thế thì mới được lợi ích. Cho nên câu này là quy y mười phương vô tận vô tận Tam Bảo.

Bạn niệm câu Chú này thì bạn cũng được tiêu tai. Bạn có tai nạn gì, mà thường niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", thì tai nạn của bạn sẽ được giải trừ, tai nạn lớn thì sẽ biến thành tai nạn nhỏ, tai nạn nhỏ thì sẽ biến thành chẳng có tai nạn. Cho nên đây là "tiêu tai pháp".

"Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" còn là "tăng ích pháp". Tăng ích pháp tức là bạn vốn đã có căn lành rồi, mà bạn niệm Chú này, thì căn lành của bạn càng tăng thêm, đắc được lợi ích càng nhiều, cho nên gọi là tăng ích pháp.

Bạn thường niệm Chú Đại Bi, niệm riêng một câu "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", thì bất cứ bạn muốn gì, mong cầu gì, bạn sẽ được sở cầu như ý, sở nguyện toại tâm, đây là "thành tựu pháp".

Bạn cầu gì cũng đều sẽ thành công. Ví như chẳng có con, muốn cầu con thì bạn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì sẽ được con. Chẳng có bạn trăm năm mà bạn muốn tìm một người bạn tốt, thì bạn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì cũng sẽ được người bạn tốt. Song bạn phải thành tâm, chẳng phải niệm một ngày, hai ngày, mà ít nhất bạn phải niệm ba năm. Nếu bạn niệm hết toàn bài Chú thì càng tốt, nếu không niệm hết thì niệm một câu "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" cũng thành tựu công đức không thể nghĩ bàn.

Giống như tại Đông Bắc bên Trung Quốc, có một thú ngoại đạo gọi là "Lý môn". Chúng chẳng niệm gì khác, chỉ niệm một câu này. Vị lãnh tụ tối cao ngồi ở đó thọ người lễ lạy, ai ai cũng đều cuối đầu lạy anh ta. Trong tâm anh ta chỉ chuyên môn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", đó là pháp linh cảm của Lý môn. Một vị ngồi kế bên anh ta gọi là "lãnh chánh", còn vị nữa gọi là "bang chánh", ba người ngồi ở tại đó, giống như là "phóng diệm khẩu" (chấn tế cô hồn). Đó tức là Lý môn. Nếu có ai đi "tại lý" thì anh ta truyền một câu mật ngữ. Câu mật ngữ này kêu bạn duỗi tay ra, tức là "Quán, Thế, Âm, Bồ, Tát", chỉ mấy chữ; tại lý xong rồi thì coi như đã "triện thượng", triện thượng rồi thì về sau chẳng cần mở miệng niệm; phải niệm

ở trong tâm : "Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát", chẳng niệm ra lời. Câu pháp này "phụ tử bất qua, thê tử bất truyền", giữa cha và con cũng không thể truyền, dù vợ chồng cũng không được nói. Đắc được năm chữ này rồi thì gọi là "ngũ tự chân ngôn". Sau đó lại bảo bạn "tại lý", không niệm như vậy nữa, mà phải "bế khẩu tàng thiệt", cầm miệng, lưỡi thì ẩn nấu đi; "thiệt tiêm đình thượng ngạc", "khí khác tâm niệm", niệm ở trong tâm; "ý căn pháp hiện". Đây nói thật là hảo diệu, hảo thần mật. Tại phương bắc có một cái hội gọi là "giới yên tửu hội", hội này chủ yếu là không uống rượu, không hút thuốc, tức gọi "tại lý công sở". Ở Trung Quốc gần hơn một trăm năm đến nay "công sở đạo" rất là thịnh hành, họ nương vào câu Chú này. Làm Pháp Sư ngồi tại chánh tòa "tòa lý" niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na



Kim cương toà, dưới cội bồ đề, nơi Đức Phật thành đạo.

Đa La Dạ Gia". Vì trước kia những nơi này tôi đều đã đi qua cho nên tôi đều biết.

Câu Chú này cũng là "hàng phục pháp", hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo. Tất cả thiên ma ngoại đạo nghe

thấy câu Chú này thì đều bỏ chạy, song chẳng phải là "câu triệu pháp";

câu triệu pháp tức là một khi niệm câu Chú này, thì bắt thiên ma quỷ quái lại. Cho nên câu Chú "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" này có công năng không thể nghĩ bàn; nếu nói ra nhiều thì vô cùng vô tận.

"Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia": Nam Mô : Là "quy mạng kính đầu". Hắc La Đất Na : là "Bảo". Đa La Dạ : Là "Tam". Gia : Là "lễ". Hợp lại nghĩa là nói dùng thân tâm tính mạng của chúng ta quy y mười phương ba đời vô tận vô tận Tam Bảo, chúng ta cúi đầu đánh lễ Tam Bảo.

Vô tận là gì ? Chư Phật quá khứ chẳng cùng tận, chư Phật hiện tại chẳng cùng tận, chư Phật vị lai cũng chẳng cùng tận; đó gọi là vô tận Tam Bảo.

(còn tiếp)

Quý vị nào chưa nhận thơ và báo Phật Pháp Chùa Kim Quang, muốn nhận xin liên lạc về Chùa.



# Kinh Bát Nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

**T**ùy phiền não lớn thứ ba là phóng dật. Sao gọi là phóng dật? Phóng tức là phóng khai (mở toang). Dật tức là tản mát. Phóng dật tản mát cũng là không thủ quy củ, luật lệ. Không những không giữ quy củ mà lại còn hy vọng người người đều không giữ quy luật. Chính họ thích uống rượu, cũng muốn mọi người đều đến biển rượu để uống. Họ thích việc gì liền rủ kéo người khác đi theo. Họ muốn nhảy đầm, liền kéo mọi người đi theo. Họ thích đi xem chiếu bóng, liền kéo mọi người mà họ quen biết đi xem. Họ thích xuống địa ngục, liền kéo mọi người xuống địa ngục. Họ thích làm ngựa quý, nói: "Làm ngựa quý hay lắm. Chư vị hãy mau đi theo tôi!", nên dẫn tất cả thân bằng quyến thuộc đi vào đường ngựa quý. Họ muốn loài người hay làm chó cũng được, nhưng làm chó lại hay hơn. Chư vị thấy mấy con chó, chúng đâu cần phải làm việc, mà lại có người hằng ngày cấp cho đồ ăn, được người che chở bảo hộ. Vậy có vui lắm không!"

Không những muốn làm chó mà lại khiến thân bằng quyến thuộc nhập vào dòng chó nữa.

Thứ tư là hôn trầm. Mọi người phải nên tránh đi. Nghe giảng kinh, ngồi tọa thiền, họ đều nhập định cả, nhưng kỳ thực là hôn trầm, nói: "Tôi nghe giảng kinh rất rõ ràng. Đầu tôi chỉ nghiêng xuống, muốn làm bạn với đôi chân thôi".

Đó là hôn trầm. Hôn trầm cũng là khi chư vị làm bất cứ việc gì mà tinh thần không thể khởi lên được, nên muốn ngủ. Nói rằng ngủ, nhưng không giống ngủ. Bảo rằng không ngủ, lại không tỉnh táo. Nghe giảng "N hư thị ngã văn (tôi nghe như vậy)", nói: "Tôi đâu có nghe gì đâu!".

Đó gọi là hôn trầm.

Thứ năm là trạo cử. Trạo nghĩa là nghiêng qua một bên. Cử là khởi cử dậy. Như đang nghe kinh, đầu chư vị lại động dậy. Đây không phải như ngài A Nan, vì muốn xem hào quang của Phật Thích Ca, nên nghiêng đầu qua phải trái để xem. Nếu tự mình động dậy cũng không biết ai bảo mình động dậy, thì đó gọi là trạo cử. Nếu tâm luôn bị phiền não thì phát sanh trạo cử. Một khi phiền não phát sanh, thì tâm không an, không biết chi là hay là dở, nghe giảng kinh mà không để ý đến, ngồi thiền mà cảm giác như

thân đang ngồi trên bàn châm, thống khổ, đau nhức. Tâm bất an lạc cũng gọi là trạo cử. Chư vị hãy xem, nếu tôi không giảng thì chư vị không biết những tật xấu này, nhưng nó chính là phiền não lớn trong tám thứ tùy phiền não. Chư vị hãy nói xem trạo cử là gì



Dại tháp Niết Bàn ở Cầu Thi Na, nơi Đức Phật thị hiện vào Niết Bàn.

? Chư vị bảo trạo cử không phải là trạo cử sao? Cử không phải là cử sao? Nếu chư vị trạo cử mà không trạo cử, đó là cử. Không cử, chính là trạo cử.

Thứ sáu là thất niệm. Thất nghĩa là mất. Thất niệm tức là quên mất chánh niệm. Hoặc giả chư vị nói rằng thất niệm chính là không còn vọng tưởng, vậy rất tốt. Tại sao có phiền não? Chỉ vì quên mất chánh niệm. Tựa như chư vị muốn niệm Phật, nhưng khi niệm đến câu thứ ba "Nam mô A Di Đà Phật", thì tuy niệm mà quên mất chánh niệm. Chư vị muốn tụng chú Lăng Nghiêm, niệm câu "Diệu trạm tổng trì bất động

Tôn, thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu ... A! Lại đến câu gì?"

Giống như tụng kinh, niệm chú, tụng niệm đến lúc mọi người đều dừng lại hết, không biết niệm đến chỗ nào. Đây không phải hiển thị là chư vị nhập định, như vậy là gì? Đó là quên mất chánh niệm. Niệm kinh, niệm chú, dần dần quên mất chánh niệm, lại không phải là chư vị đều không niệm, mà niệm không ra tiếng, mọi người đều nhập vào tam muội (định), không âm thanh. Đây là chư vị quên mất chánh niệm.

Thứ sáu là không có chánh tri kiến (bất chánh tri). Không có chánh tri tức là tà tri tà kiến. Không có chánh tri chánh kiến, việc đúng bảo là sai, việc sai bảo là đúng, trắng bảo là đen, đen bảo là trắng, việc tốt bảo là hư hoại, việc hư hoại bảo là việc tốt. Như tôi có vài đệ tử thường nói: "Ăn nhiều là hành khổ hạnh".

Thế nên, họ ăn nhiều thực mạng, mà lại bảo đó là hành khổ hạnh. Họ giống như những người mà tôi đã giảng ở bên trên. Họ bảo: "Tôi không màng, không quản chư vị. Khổ hạnh của chư vị là khổ hạnh. Muốn làm gì thì cứ làm".

Hôm nay tôi nói cho chư vị biết đó đều là tà tri tà kiến.

Thứ tám là tán loạn. Tán loạn tức là không có định lực, cũng là lo ra, để tâm chạy ra ngoài, như dùng kiếng để rọi người. Chiếu kiếng bên phải bên trái, soi này soi nọ, chiếu người này người nọ, mà không tự chiếu chính mình. Đó là không có định lực, nên gọi là tán loạn. Thiền định trị tâm tán loạn.

Bên trên đã giảng hai mươi loại tùy phiền não, lớn có tám loại, trung có hai loại, nhỏ có mười loại, cộng thành hai mươi.

Đối với sáu phiền não căn bản, tôi tin rằng chư vị rất quen thuộc, có thể nói chúng là những người bạn rất thân thiết với chư vị. Thứ nhất là tham. Tôi tham lam, chư vị tham lam. Tham tuy là giống nhau, nhưng cũng bảo là khác nhau. Tại sao khác nhau? Chư vị tham nhiều, còn tôi tham ít. Chư vị tham ít, còn tôi thì tham nhiều. Mỗi người đều có cái tham của chính mình. Tham lam hại chúng ta rất nhiều. Tại sao? Chư vị vẫn chưa biết rõ sự tổn hại của tham lam. Tại sao cho đến hôm nay, chư vị vẫn chưa thành Phật? Có phải vì còn ngu si, không có đủ trí huệ phải không? Tham lam không bao giờ biết đủ. Cái gì cũng không sợ nhiều như tiền bạc, vật chất, hình trạng, phiền não,

càng có chừng nào thì càng tốt chừng đó. Như cách dụng binh của Hàn Tín đời Hán, ông bảo rằng càng dùng binh lính nhiều chừng nào thì tốt chừng đó. Đó là biểu hiện cho sự tham lam.

Thứ hai là sân hận, giận tức. Sân hận tức là vô minh, cũng là sự giận nổ lên như pháo bông. Pháo bông còn nhỏ lắm. Hiện tại có bom nguyên tử và bom khinh khí đều đã được phát minh ra, vì do oai lực của tâm vô minh, sân hận. Sân hận cũng là loại nóng giận, tức tối.

Thứ ba là si mê. Tại sao chúng ta thường làm việc sai lầm? Chỉ vì ngu si mà khiến cho chúng ta làm những việc không đáng làm, học những gì không đáng học. Ví như ngày nay có một số thanh niên thường thích hút thuốc phiện, vốn không nên hút mà lại hút. Càng hút càng ghiền, không biết gì hết, lại hút thêm. Tại sao? Vì do ngu si. Họ nghĩ rằng hút thuốc phiện thì nhất định sẽ phát hiện ra việc kỳ lạ, như Kha Luân Bố phát hiện ra Tân thế giới. Chư vị hãy nói xem, đó có ngu lắm không? Ngu si khiến cho họ điên đảo.

Thứ tư là ngã mạn hay kiêu mạn, là một loại phiền não.

Thứ năm là nghi hoặc, tức sanh tâm không tin. Việc gì cũng hoài nghi hết. Nghi thần nghi quỷ, nghi đúng, nghi sai, nghi mình nghi người. Đối với chính mình cũng hoài nghi. Đối với người khác cũng hoài nghi. Đạo lý chân thật chính xác hay không chân thật chính, đều hoài nghi hết.

Thứ sáu là tà kiến tức tri kiến không chánh đáng, chỉ giữ tà tri tà kiến.

Hôm nay tôi giảng về phiền não. Tôi hy vọng mọi người đều dứt tận, đừng nhận chúng làm thân thuộc hay bạn hữu. Phải nên dẹp trừ chúng, Chớ để chúng tạo thêm nghiệp tội. Chư vị giúp đỡ phiền não, phiền não giúp chư vị tạo nghiệp tội. Chư vị chuốc lấy nghiệp tội vào thân mà phiền não "ta bà ha" không quản chư vị. Chúng không quản là chư vị thọ nghiệp tội hay không thọ nghiệp tội, thọ quả báo hay không thọ quả báo. Khi thọ quả báo, phiền não chạy mất. Khi chư vị đọa xuống địa ngục, phiền não cũng không đi theo.

*"Tụ tập chiêu cảm tự bất đồng, (tụ hội chiêu cảm tự không đồng)".*

Căn bản phiền não có sáu loại. Tùy phiền não có hai mươi loại. Chúng thuộc về Tập Đê của Tứ Đê. Tập đê tức là tập hợp, chiêu cảm phiền não. Phiền não khiến chư vị không thể đạt đến trí huệ chân chánh. Nếu muốn đắc được trí huệ chân chánh, trước tiên chư vị phải hàng phục được phiền não. Trước khi hàng phục phiền não, chư vị phải nhận rõ chúng là phiền não, nếu không thì chư vị hàng phục cái gì? Ví như muốn giết kẻ cướp, thì phải biết hang ổ của chúng ở đâu. Phải nhận ra mặt mũi của chúng. Nếu không thể nhận diện được thì khi đối diện với chúng, chư vị lại kết bạn với chúng. Tại sao? Vì chư vị không nhận rõ là chúng ăn cắp tài vật, châu báu của mình. Phiền não cũng như thế. Chư vị phải nhận ra chúng thì sau này mới không bị chúng chuyển. Phải nên hàng phục chúng.

Diệt đế. Diệt đế nghĩa là như như bất động.

*"Tánh diệt khả chứng cứu cánh lạc, (tánh diệt khả chứng tột an lạc)".*

Nếu chúng được diệt đế tức là chúng đạt chân đế an lạc, gọi là bốn đức của niết bàn, nghĩa là thường lạc ngã tịnh. Đạt đến thường lạc ngã tịnh thì cũng là chúng được quả diệt đế. Nhưng chúng đến quả vị này chỉ là quả vị tiểu thừa của A La Hán, mới đoạn được phần đoạn sanh tử thôi, chưa đoạn hết biến dịch sanh tử, và chỉ chúng được một phần chân lý, mà không phải là diệu quả rốt ráo đại thừa.

Phần đoạn sanh tử là gì? Phần tức là tôi có một phần, chư vị có một phần, mỗi người đều có một phần. Đoạn tức là tôi và chư vị, mỗi người có riêng một đoạn thân, như thân cao một thước sáu, thước bảy, thước tám v.v... Thế nên, thân của mỗi người cao thấp khác nhau. Từ sanh đến chết gọi là đoạn lạc; từ hôm nay đến ngày mai cũng gọi là đoạn lạc (từng đoạn). Tất cả phàm phu đều có đầy đủ phần đoạn sanh tử này. Người tiểu thừa đã cắt đứt phần đoạn sanh tử nên chúng quả an lạc tịch diệt. Khi chúng đắc quả tịch diệt thì phá được kiến hoặc và tư hoặc. Sao gọi là kiến? Do chư vị đối trước cảnh giới mà sanh tâm tham lam luyến ái, bị cảnh giới làm mê hoặc. Sao gọi là tư hoặc? Không hiểu đạo lý nên khởi tâm phân biệt. Đối với đạo lý mà không minh bạch nên sanh tâm phân biệt. Càng phân biệt chừng nào thì càng đi xa chừng đó. Càng đi xa chừng nào thì phân biệt thêm nhiều chừng đó, nên gọi là đi lạc đường.

Chúng đắc quả an lạc tịch diệt thì cắt đoạn được kiến hoặc và tư hoặc, nhưng chưa đoạn hết vô minh, mà chỉ mới hàng phục được thôi. Không những chư A La Hán chưa đoạn được vô minh mà cho đến bồ tát

Đẳng Giác vẫn còn một phần sanh tướng vô minh chưa phá hẳn. Thế nên chúng đạt quả vị vô thượng tịch diệt, mà vô minh vẫn còn. Tuy cắt đứt phần đoạn sanh tử mà biến dịch sanh tử vẫn còn tồn tại.

Sao gọi là biến dịch sanh tử? Biến dịch là tâm niệm sanh khởi của chúng ta. Niệm sau theo niệm trước. Niệm niệm không ngừng. Niệm niệm lưu chuyển. Một niệm sanh khởi tức một lần sanh. Một niệm diệt tức một lần chết. Đó gọi là biến dịch sanh tử. Biến dịch sanh tử này, niệm niệm không dừng, có phải gọi là sanh tử không? Vì cảnh giới này chưa đạt đến thiền định chân chánh. Định chân chánh nghĩa là một niệm lự cũng không còn. Cảnh giới sơ thiền, tìm không còn đập. Cảnh giới nhị thiền không còn hô hấp. Cảnh giới tam thiền, niệm lự đình chỉ. Cảnh giới tứ thiền, dứt niệm, không còn niệm lự, nhưng cảnh giới tứ thiền này cũng chưa phải là chúng quả, bất quá chỉ là quá trình tu đạo thôi, và không phải là tầng bậc cao siêu. Phổ thông, người tu đạo đa số có thể đạt đến cảnh giới này.

Đạo đế. Diệt tức là phải chúng đắc. Đạo là phải nên tu hành. Bàn về vấn đề đạo, đầu tiên chúng ta hãy giải thích chữ đạo trước. Chữ đạo dùng chữ đầu (đi), tức là chư vị phải đi, phải hành. Nói đến đạo là phải tu hành. Nếu không tu hành thì có lợi ích chi. Phải bước đi mà tu hành. Thế nên, đạo là hành. Không hành thì không phải là đạo. Nếu không tu hành thì chư vị là chư vị, đạo là đạo, không thể hợp nhất. Chư vị phải y pháp mà tu hành, đạo chính là chư vị, chư vị cũng chính là đạo. Đạo cùng chư vị vốn không thể tách rời. Chư vị muốn tu đạo không? Phải nên thật hành, tức là y chiếu theo phương pháp mà thật hành. Cho đến đức hạnh, đức là phải làm, không làm thì sao có đức? Không thể từ sáng đến chiều chỉ nói "tạo đức, tạo đức, tạo đức", trên môi mép mà thật tế lại không làm. Miệng nói tạo đức mà thân lại tạo nghiệp, thì không có đức gì hết. Vì thế, bảo "Treo đầu heo, bán thịt chó".

Chư vị bảo tạo đức thì phải nên làm. Có muốn tu đạo không? Nếu muốn thì phải y theo phương pháp mà tu hành. (còn tiếp)



# pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

## XVII. Tu Cùng Không Tu

**G**iang về việc tu hành hay không tu hành, đều là lời trống không. Chúng ta nếu hiểu rõ thấu triệt chính mình có một phần tâm quang, ngay khi ấy biết rõ việc vô sự, thì sao lại bàn về tu cùng chẳng tu. Phật Thích Ca xuất gia tầm đạo, sáu năm tu khổ hạnh, bốn mươi chín ngày đêm ngồi dưới cội Bồ Đề, đến đêm cuối cùng ngất vì sao chớp, liền ngộ đạo, nói kệ:

- Lạ lùng thay! Lạ lùng thay! Chúng sanh trên cõi đất đều có đầy đủ đức tướng trí huệ của Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể chứng đạo. Nếu rời vọng tưởng thì trí huệ thanh tịnh, trí huệ tự nhiên, trí huệ vô sự đều tự nhiên hiện ra.

Sau khi thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, Đức Phật lại bảo:

- Ta chưa từng nói một lời nào!

Từ đó, chư vị Tổ Sư trải qua bao đời y theo một pháp mà truyền thừa liên tục; các ngài đều nhận rõ: "Tâm, Phật, chúng sanh, tuy ba nhưng thật không sai khác" nên "Chỉ thẳng chân tâm, thấy tánh thành Phật".

Chư vị Tổ Sư giảng rộng giảng dài, hoặc đánh hoặc mắng, dùng mọi phương pháp đều để đoạn trừ vọng tưởng phân biệt của hành giả, và muốn họ nhìn thẳng vào: "Tự nhận bốn tâm. Tự thấy bốn tánh" mà không hề giả lập một chút phương tiện rắc rối, bảo tu bảo chứng nào. Yếu chỉ của Phật Tổ như thế, chúng ta phải nên biết rõ.

Tâm niệm của chúng ta vốn đã thanh tịnh, vốn tự đầy đủ, viên mãn, biến khắp mọi nơi, diệu dụng hằng sa, cùng ba đời chư Phật, thật không khác biệt.

Nếu tâm chẳng dính mắc thiện ác và xả bỏ được tất cả, thì có thể lập địa thành Phật; ngồi thiền đến lúc thiền hạ hưởng thái bình. Nếu được như thế thì có hạnh gì để tu? Câu tu hành có phải là rỗng tuếch không? Tuy nhiên, trong mỗi tâm niệm, chúng ta

luôn hướng ngoại tầm cầu và có biết bao vọng tưởng chấp trước, nên không thể thoát ly sanh tử. Từ đời vô thủy cho đến nay, luân hồi trong vòng sanh tử, bị vô minh phiền não nhiễm ô thâm trọng, nên mới không biết tự tâm mình chính là Phật. Tuy nhiên, khi đã biết rồi lại không dám thừa nhận, nên không thể làm chủ được; nghĩa là không có dũng khí của người tráng sĩ, dám đoạn chặt hết vọng tưởng. Vì vậy, ngày ngày luôn sống trong vọng tưởng chấp trước.

Người trên thì cả ngày làm này làm nọ, cầu thiền cầu đạo, không rời khỏi tâm chấp có. Kể dưới thì không thể phá vỡ ngục tù tham lam, sân hận, si mê, nên bỏ đạo tìm cầu bên ngoài. Hai loại người này, luân chuyển trong sanh tử, không biết ngày nào thoát khỏi. Giảng về việc tu hành, đó cũng là lời nói trống không.

Bên trên đã nói đến việc là chẳng kể lên hay xuống, thăng hay trầm, đều vẫn bị trôi buộc. Người có mắt sáng nhìn thấy, nhận rõ đó chỉ là: "Kéo bùn mang nước".

Thế nên, đại tượng phu phải trực nhận hiểu rõ, biết rằng từ quá khứ cho đến tương lai, sự sự vật vật đều như mộng huyễn như bong bóng nước, chẳng có tự tánh; người và pháp chợt không, thì muôn duyên đều ngừng, khiến một niệm bằng cả vạn năm, đạt thẳng đến vô sanh.

Nhìn bên ngoài, thấy người tu hành ăn cơm mặc áo, đi đứng nằm ngồi, như người bình thường, nhưng nào biết họ đã tự thanh tịnh, ngồi thiền an tọa trong nhà, hưởng thọ châu báu vô tận tạng. Vô tâm vô vi, tự do tự tại, động tịnh nhất như, nóng lạnh tự biết. Không những ba cõi sáu loài trời người quỷ thần không thể phá hoại, mà chư Phật chư Bồ Tát cũng chẳng giúp gì được. Nếu như thế, nói gì là tu hay chẳng tu? Phải nên phát khởi chí hướng, phát tâm niệm nhớ thống khổ vì sanh tử, phát khởi tâm xấu hổ, phát khởi hạnh tinh tấn, và tham phương tầm đạo, tìm cầu chư thiện tri thức chỉ dạy lộ trình tu đạo cùng phân biệt chánh tà: "Như rền như đúc, như giữa như mài", "nước sông Giang tro trời, ánh nắng mùa thu gay gắt".

Từ từ tâm niệm tinh thuần sáng trong. Khi ấy, không thể nói rằng chẳng tu hành được.

Vì Tổ đình trợ trợ, người người ngày càng xa các bậc thánh hiền, và vì ứng theo căn cơ quần chúng, nên bắt đầc dĩ tôi mới nói ra những lời này. Thật ra, nói đến lẽ cùng tốt thì giảng tu hành, hay giảng không tu hành, vẫn là lời nói trống không. Xả bỏ hết liền vô sự. Tâm nào dính một vật, thì cần gì mở miệng nói. Chư Bồ Tát! Quý ngài có hội chăng?

### **XVIII. Khai thị trong pháp hội Thủy Lục Không tại Thượng Hải**

Pháp hội cầu nguyện thế giới hòa bình đã được cử hành qua vài ngày. Thật là một pháp duyên hy hữu. Hôm nay là ngày đầu tiên khai mở đàn tràng niệm Phật. Đúng ra là phải do hòa thượng Diệu Chân đến giảng, nhưng Ngài lại cùng với pháp sư Vi Phảng, cư sĩ Triệu Nghiệp Sơ, Lý Tư Hoạt, Phương Tử Phiên v.v..., đồng thỉnh tôi ra thuyết pháp.

Sẵn dịp này, tôi muốn nói về sự quan hệ giữa Thiên tông và Tịnh Độ tông để cho những vị mới phát tâm học Phật pháp tiện việc hiểu rõ.

Chúng ta sống trong thế giới Ta Bà, tức đang bơi trong biển khổ. Thế nên, không một ai lại chẳng muốn thoát khỏi biển khổ này. Tuy nhiên, muốn thoát ra được thì chúng ta phải nương theo Phật pháp. Bàn về chân đế của Phật pháp, nói nghiêm túc thì không pháp nào có thể thuyết được, vì chỉ là hình tướng trên lời nói, ngôn ngữ. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu còn dùng lời mà nói thì không phải là pháp chân thật".

Tuy nhiên, vì chúng sanh căn tánh không đồng, nên muốn tiếp dẫn thì phải dùng vô số pháp môn. Phật pháp tại Trung Quốc có phân rõ ra năm tông phái như Thiên tông, Mật tông, Tịnh Độ tông, Giáo tông, và Luật tông. Đối với người đã từng nghiên cứu học hỏi tu tập thì đã quá đủ rồi, vì họ biết rằng chân lý Phật pháp vốn không sai biệt. Người mới học Phật pháp, lại phát sanh ra nhiều ý kiến, mỗi mỗi phân rõ tông này phái nọ v.v..., rồi khen mình chê người, làm tổn hại giá trị giáo hóa vi diệu của Phật pháp. Phải biết rằng một câu thoại đầu hay một câu niệm Phật chỉ là phương tiện, chứ chẳng phải là cứu cánh. Đối với người chân thật dụng công thì những phương tiện này thật không cần thiết. Tại sao? Vì động tịnh vốn nhất như; bóng trắng soi khắp ngàn sông, nơi nơi đều rõ ràng, không bị chướng ngại. Người bị chướng ngại như mây che trời xanh hay nước trong bị vẩn đục. Nếu có chướng ngại, tuy có trắng mà ánh sáng không hiện bày. Nước tuy trong mà trắng không hiện rõ. Chúng ta, những người tu hành, nếu muốn hiểu rõ lý đạo, phải biết tự tâm như trăng rằm mùa thu, không

nên hướng ngoại tìm cầu mà phải xoay lại ánh sáng trong tâm mình (hồi quang phản chiếu). Một niệm nếu không sanh thì hiểu rõ nơi không chỗ chứng đắc. Khi ấy, làm gì lại có danh tướng sai biệt?

Nhân vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, vọng tưởng chấp trước, tập khí nặng nề nên đấng Thế Tôn trong bốn mươi chín năm trường, thuyết pháp giảng kinh hơn ba trăm hội. Tuy nhiên, mục đích quan trọng nhất trong việc thuyết giảng kinh điển hay dạy những pháp môn tu hành của Đức Thế Tôn là không ngoài việc chữa trị các bệnh tật tham lam, sân hận, si mê, ngã mạn, ác kiến của chúng sanh. Nếu chúng ta xa rời tất cả bệnh tật đó thì liền thành Phật. Chúng ta và chư Phật, cùng chúng sanh nào có khác biệt chi đâu! Người xưa nói:

- Dùng phương tiện thì có nhiều pháp môn, nhưng khi trở về cội nguồn thì đồng nhau không khác.

Lý đạo là thế. Hiện tại, trong Phật pháp có hai tông phái rất thịnh hành là Thiên tông và Tịnh Độ tông. Tuy nhiên, có một số tăng chúng lại coi thường giới luật; điều này thật không hợp lý đạo. Yếu nghĩa căn bản của Phật pháp là dựa trên ba chữ: Giới, Định, Huệ. Giống như tòa trăm hương có ba chân, nếu thiếu mất một chân thì không thể đứng được. Vì vậy, chúng ta người học Phật pháp, mỗi người phải đặc biệt chú ý điều này!

Thiên tông khởi nguồn từ lúc Đức Thế Tôn tại hội Linh Sơn, đưa cành hoa lên dạy đại chúng, chỉ có tôn giả Ma Ha Ca Diếp là mỉm cười chum chim, còn mọi người đều không hiểu gì. Đó là tâm tâm tương ấn, truyền ngoài giáo lý, tức mạch nguồn của Phật pháp. Đối với câu niệm Phật của pháp môn Tịnh Độ cùng các pháp môn khác, như đọc kinh trì chú v.v..., đều là các pháp cắt đứt dòng sanh tử. Có người nói, Thiên tông là pháp đốn ngộ nhanh chóng, còn tông Tịnh Độ chỉ là pháp tiệm thứ chậm chạp. Vâng, bất quá chỉ là sự sai biệt trên danh tướng. Thực tế thì không sai khác. Lục Tổ Huệ Năng nói:

- Pháp không có đốn ngộ hay tiệm thứ, nhưng người kiến đạo thì có nhanh có chậm.

Chúng ta nên biết rằng mỗi mỗi pháp môn trong Phật pháp đều có thể tu trì được cả. Quý vị nếu hợp với pháp môn nào thì nên tu pháp môn đó, chứ đừng khen mình chê người, sanh khởi vọng tưởng chấp trước. Tuy nhiên, việc quan trọng nhất là phải tôn trọng giữ gìn giới luật. Người xuất gia gần đây, không tự giữ giới luật nghiêm ngặt, lại còn nói bao lời cao ngạo rằng giữ gìn giới luật cần mật là chấp trước. Thật rất nguy hiểm cho Phật pháp!

Thiền tông chính là pháp môn tâm địa. Sau Tổ Ma Ha Ca Diếp, Thiền tông được triển chuyển, truyền từ Ấn Độ qua Trung Quốc. Đến đại sư Huệ Năng, là tổ thứ sáu ở Đông Độ, được trao y bát, lưu truyền chánh pháp, một thời hưng thịnh.

Luật tông có tôn giả Ưu Ba Ly, là vị đứng đầu. Tôn Giả thừa thọ lời phó chúc của Đức Thế Tôn mà tuyên thuyết lại giới luật cho chúng sanh trong đời mạt pháp, khiến họ nương vào đó mà tu hành, tức là lấy giới luật làm thầy chỉ đạo. Sau đến đời tôn giả Ưu Ba Cúc Đa, tổ thứ tư của Thiền tông, phân giới ra làm năm bộ luật. Nước ta có lão nhân Nam Sơn là luật sư Đạo Tuyên, y theo bộ Đàm Vô Đức, viết số sao mà phụng hành, được xưng là Trung Hưng Luật Tổ.

Lão nhân Bắc Tề ở núi Thiên Thai, xem bộ Trung Quán Luận của ngài Long Thọ, liền phát minh tâm địa. Lão nhân Đỗ Thuận lấy kinh Hoa Nghiêm làm chủ, kiến lập tông Hiền Thủ.

Ngài Huệ Viễn đề xướng tông Tịnh Độ. Chín tổ sư kế tục nhau tương truyền. Sau ngài Vĩnh Minh, chư tổ sư bao thời đại đều dùng Thiền tông mà hoằng dương tông Tịnh Độ, như dung hòa nước với sữa. Tuy tông phái có phân khác, nhưng cốt yếu không ngoài ý nghĩa của cành hoa mà Đức Phật đưa lên. Thật vậy, Thiền tông cùng Tịnh Độ tông xưa nay vốn có mối quan hệ mật thiết. Thế nên, chúng ta phải biết sự uyển chuyển của người xưa trong việc hoằng dương Phật pháp.

Mật tông do tôn giả Bất Không, Kim Cang Trí v.v..., truyền vào Trung Quốc. Đến đời thiền sư Nhất Hạnh, do công nỗ lực của Ngài, Mật tông được phát dương rộng rãi. Tông này cùng các tông phái khác hỗ tương hoằng dương Phật pháp.

Vì vậy, không nên phân biệt cửa ngõ môn đình, bằng ngược lại thì tự làm tổn thương đạo pháp. Nếu cứ công kích, húc đá lẫn nhau mãi, thì thật không hiểu rõ được tâm ý của Phật Tổ. Người xưa thuyết pháp

như lấy lá vàng vỗ con nít khóc. Lão nhân Triệu Châu nói:

- Chữ Phật tôi không muốn nghe. Niệm một chữ Phật, phải xúc miệng cả ba lần.

Vì thế, có một số người không hiểu được sự khổ tâm của người xưa mà cho rằng niệm Phật chỉ là việc của các ông già bà cả, hoặc nói tham thiền là vọng không như ngoại đạo.

Tổng quát, nếu tôi nói đúng như vậy, kẻ nọ có lỗi kia, rồi cứ thế tranh luận mãi mà không chịu tu, thì thật là bội bạc bốn hoài của Phật Tổ, khiến cho người ngoài có cơ hội công kích, hủy phá tiền đồ Phật giáo. Kết quả thật rất tai hại. Do đó, Hư Vân tôi đặc biệt nêu lên vấn đề này. Hy vọng quý vị lão tham học cùng các vị mới phát tâm học Phật pháp, đừng nên phạm vào lỗi này. Nếu cứ làm mãi như thế thì đưa Phật giáo vào con đường cùng, mà phải biết tất cả đại lộ đều thông "Trường An".

Người học Phật phải nên đọc qua nhiều lần bài Tông Cảnh Lục và tập Muôn Thiện Đồng Quy của lão nhân Vĩnh Minh. Người niệm Phật, phải hiểu rõ chương Bồ Tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông, và cũng phải hiểu rõ Tịnh Độ là xuất phát từ tự tánh; xả bỏ vọng tưởng, quay về nguồn chân, chớ hướng ngoại tìm cầu. Nếu chúng ta hiểu rõ được những chân lý này, thì tùy theo ý thích của người mà bàn về Thiền cũng được, nói về Tịnh Độ cũng hay; hoặc muốn vãng sanh về cõi Đông Phương hay cõi Tây Phương cũng tốt, cho đến nói có, nói không đều đúng cả.

Thực sự, mỗi sắc mỗi hương đều không ngoài sự liễu nghĩa của trung đạo; tự tánh là Di Đà, duy tâm tức Tịnh Độ; xả bỏ liền đến bờ giác. Tại sao có nhiều dây nhợ trói buộc chúng ta? Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu dẹp hết tâm phàm thì thật không có sự giải thoát của chư thánh".

Hiểu rõ được như thế thì sẽ đoạn trừ được vọng tưởng, kiến chấp, tập khí, tức làm Bồ Tát, và làm Phật Tổ. Ngược lại, sẽ mãi mãi làm chúng sanh.

Người niệm Phật cũng đừng nên có kiến chấp thái quá. Nếu không, sẽ như uống thuốc độc. Vì tập khí sâu dày từ đời vô thủy, nên khó dẹp trừ vọng tưởng. Thế nên, dùng một câu niệm Phật



như cầm chổi, quét sạch vọng tưởng. Niệm mãi không quên, khiến vọng niệm tự tiêu trừ, cõi tịnh liền hiện, thì tìm cầu bên ngoài chỉ nhọc sức.

(còn tiếp)

# Hám Sơn đại sư

## tự truyện

Viết dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

### Tiếp theo kỳ trước

**M**ùa Đông, tháng mười, phương trượng trụ trì chùa Tháp Viện là Đại Phương bị bốn đạo vu oan, kiện cáo là có vợ, nên bị quan quân bắt nhốt, khiến hoàn tục. Số là trên núi Ngũ Đài, có rất nhiều cây quý, khiến gian thương muôn đồn lây. Nhiều lần chúng lên đồn cây, nhưng bị thầy Đại Phương ngăn chặn. Lại nữa, quan phủ địa phương luôn bảo hộ chùa viện, nên chúng không biết làm sao. Khi thái thú Hồ Thuận Am lên núi, chúng liền vu cáo thầy Đại Phương. Lúc đó, Ngài đang tu Thiền tại Long Môn, chưa biết đến việc này. Đến khi Thiền Sư Triệt Không từ Lô Sơn tới thăm, thuật lại việc thầy Đại Phương bị vu oan và bị phán quan cưỡng bách hoàn tục thì Ngài mới tỏ rõ. Lúc đó, gian thương đang đồn phá cây cối chung quanh chùa viện. Nghe việc này, Ngài an ủi Thiền Sư Triệt Không: “Thầy chớ đau buồn. Việc này bản tăng có thể giải quyết được.”

Thiền Sư Triệt Không bảo: “Quan phủ có thể lực. Phận mình là tăng sĩ, không quyền thế tiền tài, chỉ có hai bàn tay trắng, làm sao cứu được thầy Đại Phương?”

Ngài đáp: “Xin Thầy chớ lo buồn. Tôi sẽ cố gắng cứu giúp thầy Đại Phương trở về chùa.”

Nói xong, Ngài liền lợi tuyết đến ải Nhạn Môn, tại núi Sùng Sơn. Lúc ấy, vào triều Minh, vùng biên cương phía Bắc ít khi có nạn binh đao. ải Nhạn Môn tuy nằm trong vị trí chiến lược hiểm yếu, nhưng ít khi có giao tranh, nên thái thú Hồ Thuận Am cũng được an nhàn rảnh rỗi. Người qua lại cửa ải Nhạn Môn cũng rất ít. Đang nghỉ ngơi trong doanh trại, thái thú Hồ Thuận Am nghe báo cáo là có một tăng sĩ đến tìm ông. Ông ta chợt lấy làm lạ, thời tiết lạnh lẽo như thế này, ai lại tìm đến đây? Tuy nghĩ vậy, ông vẫn đi ra ngoài

doanh trại xem coi. Ra đến, ông đâu ngờ, người tìm mình chính là ngài Hám Sơn, đột nhiên xuất hiện tại vùng biên ải. Ông vui mừng, lấy áo bào đắp lên thân Ngài, rồi hướng dẫn Ngài vào doanh trại, bảo: “Muốn lên núi lễ bái tham vấn Pháp Sư, nhưng cả mấy ngày nay tuyết rơi dày đặc, che lấp đường đi, nên không tiện. Nào ngờ hôm nay Pháp Sư đến. Lão Hồ này thật có phúc đức.”

Sưởi ấm xong, Ngài nói: “Hôm nay bản tăng lợi tuyết đến đây, vì có một chuyện, mong nhờ Thái Thú giúp đỡ.”

Thái Thú hỏi: “Có việc gì quan trọng, khiến Pháp Sư phải cực nhọc, lặn lội đến đây?”

Ngài đáp: “Nếu Thái Thú vui lòng, bản tăng mới dám trình bày sự việc.”

Thái Thú bảo: “Pháp Sư hãy an tâm mà kể rõ sự tình. Nếu giúp được, lão Hồ không quản khó khăn đâu.”

Ngài nói: “Cách đây vài hôm, thủ hạ của Thái Thú đã bắt giam thầy Đại Phương, hòa thượng trụ trì tại núi Ngũ Đài. Xin Thái Thú hãy rộng tình tha thứ cho thầy Đại Phương.”

Nghe lời này, ông chợt nhớ lại việc bắt giam thầy Đại Phương. Nếu nể lời Ngài mà thả thầy Đại Phương ra thì ông sẽ mất mặt với bộ hạ và các thương nhân. Ngược lại, nếu từ chối thì làm sao đối diện với Ngài. Lúc ông ta đang suy gẫm việc tiến thoái lưỡng nan này, Ngài lại bảo: “Núi Ngũ Đài có cây cối già cả hàng trăm năm. Nếu để cho gian thương vì chút lợi nhỏ mà chặt phá, thì đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù không còn là thắng cảnh, non xanh nước biếc nữa. Thái Thú sao không vì con cháu đời hậu lai, mà ngăn cấm việc chặt cây phá rừng?”

Vì nghe lời bộ hạ cùng bọn thương nhân, ông mới bắt làm thầy Đại Phương. Lúng túng, ông đáp: “Lúc trước, vì nghe thầy Đại Phương có những chuyện không hay, và thường làm trở ngại các thương nhân, nên mới tạm giam để chờ xét xử. Bảo hộ rừng cây núi Ngũ Đài là việc cần làm. Thầy Đại Phương thật ra có công mà lại chuốc tội. Việc này vì bọn thuộc hạ của lão Hồ quá hồ đồ. Xin Pháp Sư an tâm. Lão Hồ sẽ thả thầy Đại Phương ra ngay.”

Ngài chấp tay bảo: “Nam mô A Di Đà Phật. Lành thay! Lành thay! Thái Thú thật sáng suốt. Muôn dân nương nhờ Thái Thú mà hưởng phước. Song, nếu Thái Thú có thể ra lệnh, cấm chỉ chặt cây phá rừng thì công đức này vô lượng. Từ đây về sau, rừng cây nước nhà được bảo tồn. Dân chúng sẽ dùng không hết gỗ mộc. Những chuyện trộm cắp vặt, chắc sẽ ít phát sanh.”

Thái Thú bảo: “Lời của Pháp Sư thật có lý.”

Nói xong, ông liền ra lệnh phóng thả thầy Đại Phương cùng viết công cáo, cấm việc chặt cây đốn rừng trên núi Ngũ Đài. Những bọn lưu manh du đảng trên núi cũng dần dần bỏ đi mất.

Đến ải Nhạn Môn, Ngài vốn chỉ muốn cứu thầy Đại Phương thôi, nào ngờ lại được ông Thái Thú thông cảm, phê chuẩn cấm việc phá hoại rừng cây.

Bàn về việc công xong, Thái Thú mời Ngài ở lại doanh trại bàn luận Phật pháp qua mùa đông. Vì không thể từ chối, Ngài đành phải nán lại nơi đó qua năm mới. Quan quân tại ải Nhạn Môn, nhận nhíp sửa soạn đón Giao Thừa. Cảnh tung bừng nhộn nhịp đón mừng năm mới, nào hợp với tâm định tĩnh của người tu hành. Thế nên, suốt ngày Ngài ở trong doanh trại, không đi đâu cả, chỉ khi nào ông thái thú đến, mới đàm luận xã giao.

Quan khai phủ Cao Công, vừa dờ về Đại Châu, nghe tin Ngài đang ở doanh trại của thái thú Hồ Thuận Am, liền đến gặp, cầu Ngài viết một bài thơ phú chúc tốt. Vì khai phủ Cao Công là bạn thân của thái thú Hồ Thuận Am, nên Ngài đáp: “Học thức bản tăng cạn cợt. Vả lại, trong đầu không có một chữ, làm sao viết thơ kệ!”

Tuy Ngài cự tuyệt, nhưng Cao Công vẫn khăng khăng cầu. Vì vậy, Hồ Thuận Am lại yêu cầu Ngài viết kệ. Cuối cùng, Ngài nhờ Hồ Thuận Am lấy những bài thi kệ thuở xưa ra, rồi vừa đọc vừa viết kệ. Đang viết, đột nhiên bao thi kệ trào ra liên tục, Ngài không thể kềm chế. Hồ Thuận Am vừa ra khỏi khách đường, liền trở lại. Lúc đó, Ngài đã viết xong khoảng ba mươi bài kệ rồi. Ngài tự bảo: “Đây là tập khí của con quỷ văn tự.”

Vì vậy, Ngài lập tức ngừng viết, cố không chế tư tưởng, không nghĩ về văn tự. Ngài chỉ đưa cho Cao Công một bài kệ để thỏa mãn lòng mong muốn của ông ta, rồi bước vào phòng riêng ngồi nghỉ. Song, những bài thi kệ đã đọc và viết xưa nay, tự nhiên tuôn trào ra trước mắt, đầy khắp hư không. Khi ấy,

thân Ngài như khẩu miệng, tuôn tràn bao dòng kệ. Ngài không còn biết thân tâm ở đâu, chỉ cảm giác lâng lâng, cứ để mặc tình thơ kệ trào ra.

Hôm sau, Hồ Thuận Am tiễn đưa Cao Công ra doanh trại, chỉ còn một mình Ngài ở lại. Ngài tự suy nghĩ: “Đây chính là Thiên bệnh mà Thiên Sư Pháp Quang đã nói đến khi trước. Hiện nay không có ai giúp mình ra khỏi cơn bệnh này. Vậy, chỉ việc cố ngủ say sưa thì mới mong trị được nó.”

Sau đó, Ngài đóng cửa phòng lại, rồi ngồi Thiền, cố định tâm. Hồi sau, Ngài nhập định lúc nào mà vẫn không biết. (Định nằm trong ba môn vô lậu học, Giới, Định, Huệ. Từ Định, trí tuệ Bát Nhã được khai mở, khiến viên ly phiền não). Đồng tử hầu cận gõ cửa phòng Ngài nhưng không nghe tiếng trả lời. Sau khi trở về, Hồ Thuận Am nghe tin Ngài không ra ngoài ăn uống cả ba ngày. Ông hỏi han, đồng tử hầu cận đáp: “Đã ba ngày, Pháp Sư chưa bước xuống giường Thiền.”

Ông bảo: “Vậy người có gõ cửa không?”

Đồng tử đáp: “Tiện nhân có gõ cửa vài lần, nhưng không nghe tiếng trả lời.”

Hỏi han xong, ông Hồ Thuận Am dẫn gia nhân đến phòng Ngài. Từ ngoài cửa sổ nhìn vào, ông thấy Ngài an nhiên ngồi Thiền, sắc mặt vẫn hồng hào như thường. Vì thường giao tiếp với các Thiền sư, ông bảo: “Pháp Sư đã nhập định. Các người chớ làm rộn Ngài. Khi đúng thời thì Ngài sẽ xả định.”

Hai ngày sau, Ngài vẫn chưa xuất định, khiến cho Hồ Thuận Am lo sợ. Ông bảo gia nhân trèo vào cửa sổ, gọi Ngài xả định. Bọn gia nhân kêu gọi, lung lay thân thể, nhưng Ngài vẫn ngồi Thiền bình thường, hơi thở vẫn còn ra vào. Nhìn xung quanh phòng, Hồ Thuận Am thấy có một cây khánh dẫn lễ ở trên bàn thờ Phật. Ông chợt nhớ lại lúc trước đã từng hỏi công dụng của cây khánh. Khi đó Ngài đáp: “Các vị Tổ ở Ấn Độ, thường nhập định rất lâu. Nếu muốn các ngài xả định, phải dùng đến cây khánh dẫn lễ này.”

Nhớ đến đây, Hồ Thuận Am liền cầm khánh, kê bên tai Ngài, rồi đánh vài tiếng. Nhờ vậy, Ngài từ từ xuất định. Thấy thế, Hồ Thuận Am

vui mừng bảo: “Ô! Pháp Sư đã xả định! Một chút xíu nữa là lão Hồ này đã chết ngất vì Ngài rồi.”

Song, lúc đó Ngài vẫn không biết thân tâm hiện giờ đang ở tại đâu, bảo: “Đây là nơi nào? Tôi chỉ vừa thờ hơi thờ thứ nhất!”

Hồ Thuận Am đáp: “Lão Hồ vừa tiễn Cao Công ra về thì Pháp Sư liền nhập định liên tục cả năm ngày đêm rồi.”

Nghe thế, Ngài lại im lặng quán sát kỹ càng những việc vừa xảy ra. Ý thức Ngài không biết hiện đang ở đâu và từ đâu đến. Quán sát trở lại lúc còn ở trên núi Ngũ Đài cùng những cuộc hành trình lúc trước, mỗi mỗi đều như xảy ra trong mộng, chẳng thể mong cầu chấp trước. Hư không náo nhộn như mưa rơi, mây tụ. Vạn vật đều tịch tĩnh an nhiên vô tướng. Tâm không cảnh tịnh, an lạc vô cùng, khiến Ngài viết kệ:

Cực tịnh sáng thông đạt  
Tịch nhiên chứa hư không  
Xoay về quán hư không  
Như việc trong huyền mộng.”

Nhìn lại nửa đời vân du bốn bể, chỉ như cảnh mộng. Bao phiền não chứa trong tâm tan biến như mây khói.

Xả Định, Ngài trở về núi Ngũ Đài. Bao ngày, thầy Triệt Không đang bồn chồn chờ đợi. Ngày nọ, một chú tiểu từ dưới chạy lên núi, báo tin rằng Ngài đã trở về, khiến thầy Triệt Không rất vui mừng, chạy ra đón rước. Nhìn thấy sắc diện hồng hào của Ngài cùng một tiểu đội quân lính tháp tùng, thầy Triệt Không cảm giác an lòng. Bộ hạ của Hồ Thuận Am được lệnh phải trở về doanh phủ. Vài ngày sau, thầy Đại Phương được thả về. Quan quân địa phương lên núi, ra thông cáo cấm chặt cây đốn rừng. Thầy Triệt Không, Đại Phương v.v... biết 'thần thông' của Ngài thật quảng đại. Từ đó, tăng chúng trên núi Ngũ Đài rất kính trọng Ngài. Tuy được thỉnh mời trú tại Ngũ Đài, nhưng Ngài lại khước từ, và vẫn ở tại am Long Môn tu khổ hạnh cùng với thầy Triệt Không.

Lúc đó, đột nhiên có một trận bão tuyết thổi đến Ngũ Đài. Tuyết trắng phủ đầy khắp nơi. Núi Ngũ Đài trở thành thế giới lưu ly. Am tranh tại Long Môn bị tuyết lấp kín. Song, Ngài cùng thầy Triệt Không vẫn điem nhiên ngồi Thiền. Mỗi ngày, họ thổi lửa nấu cơm nước một lần. Tuyết rơi càng ngày càng dày đặc cả vài mươi ngày. Nhờ việc giải cứu thầy Đại Phương, Ngài được tăng chúng trên núi kính trọng như bậc cao tăng. Thầy Triệt Không cũng là khách tăng của

núi Ngũ Đài, nên phải được bảo hộ chu toàn. Vì vậy, khoảng ba trăm tăng chúng tại Bắc Đài, Trung Đài, cùng chùa Bạch Mã, cầm cuốc xẻng đi đến am Long Môn. Đường lộ đến Long Môn lởm chởm, gồ ghề. Tuyết rơi phủ khắp nơi. Nếu không để ý thì dễ dàng trượt chân xuống hố tuyết. Vì tuyết đóng dày đặc, tuy có hơn ba trăm tăng chúng, nhưng đào xới cả hai ngày họ mới tìm thấy am tranh của Ngài và thầy Triệt Không. Tăng chúng bước vào am tranh, thấy hai ngài đang ngồi Thiền gần lò bếp. Vừa thấy tăng chúng, Ngài mời họ vào nhúm lửa nấu trà, bảo: “Nước đá ngoài cửa đã được đun thành nước lỏng cam lồ. Quý vị vì cứu bản tăng mà phải chịu cực khổ bao ngày. Xin mời ngồi xuống uống trà.”

Trước việc sống chết trong đường tơ kẽ tóc, sắc mặt Ngài vẫn điem nhiên, tâm tư tự tại, khiến tăng chúng rất đổi ngạc nhiên. Nghe tin Ngài bị nạn tuyết vùi lấp cả bao ngày mà không chút lo sợ, toàn thể tăng chúng trên núi Ngũ Đài rất kính phục, và bảo nhau rằng Ngài được bình an là nhờ chư Phật gia hộ. Hôm sau, dân chúng trong vùng, nghe tin hai ngài được thoát nạn, liền đem bánh trái, rau quả đến am Long Môn. Sau này, trong những lần bão tuyết khác, Ngài cùng thầy Triệt Không thường nhập định tại am Long Môn. Việc tu Thiền trong tuyết lạnh giá băng thật rất quen thuộc với Ngài. (còn tiếp)

## Cuộc đời của H.T TUYÊN HOÁ

Tiếp theo kỳ trước

### 20- Quả Năng xuất gia.

Quả Năng họ Lô là đệ tử xuất gia đầu tiên theo Ngài, xưa kia ông là một người thợ may. Mặc dầu ông làm được rất nhiều tiền nhưng cô bạn gái của ông ta lại nghiện thuốc phiện cho nên ông làm được bao nhiêu cũng không đủ. Ngày nọ, ông chợt tỉnh ngộ biết mình làm chuyện sai lầm nên quyết định bỏ bạn gái và xuất gia tu đạo. Trong mình ông lúc bấy giờ không có bao nhiêu tiền nên khi đến vài ngôi chùa cầu xin lưu trú đều bị từ chối.



Một hôm ông trở về quán trọ tạm trú, nơi đây đang khai trương một tiệm cơm chay. Bà chủ nói với ông:

- Thầy của tôi hiện đang ở đây, ông có muốn bái kiến Ngài không?

Khi tham bái Ngài, ông cảm thấy bối rối, hổ thẹn.

Ngài cố ý hỏi:

- Tại sao con lại buồn rầu như vậy?

- Con không có tiền.... Pháp Sư đến đây có việc gì?

- Thầy đến đây vì con đó.

- Bạch Thầy, sao Thầy lại vì con mà đến?

- Thầy vì muốn độ cho con xuất gia.

Quả Năng giật mình kinh ngạc, vì ông ta chưa từng đề cập việc mình muốn xuất gia cho ai nghe cả.

- Thôi, đi mau lên, nếu không thì bạn gái sẽ đến kéo con về đó.

- Nhưng con không có đến một chiếc y!

Ngài liền cởi ngay y bên ngoài ra cho Quả Năng rồi hai ThầyTrò cùng đạp tuyết đi về Chùa Tam Duyên.

Quả Năng phụ trách những công việc nặng ở chùa mà không ai chịu làm như gánh nước, nấu ăn, giặt giũ... Một ngày kiaThầy tự xây cho mình một cái kháng (giường) bằng gạch khá tốt. Khi Ngài thấy được liền hỏi:

- Ai cho phép con cái giường này?

Không dám ngần lên, Quả Năng thưa:

- Dạ không ai cho phép cả, con tự làm lấy.

- Bộ con là Giám viện ở đây sao mà muốn làm gì thì làm. Mau thu xếp lại rồi lên chánh điện quỳ ba cây nhang sám hối.

Lát sau Ngài không thấy Quả Năng quỳ trên chánh điện mà đang vá quần áo. Ngài hỏi:

- Tại sao con không lên chánh điện quỳ?

- Sư phụ bảo con quỳ thật sao?

- Ta thật xấu hổ, con không quỳ là lỗi của ta, nếu ta có đức độ thì đệ tử chắc phải nghe lời, đây là lỗi của ta vậy ta phải quỳ vậy.

Nói xong Ngài liền quỳ trước chánh điện.

Quả Năng hoảng hốt thưa:

- Không, không xin Sư phụ đừng quỳ! Đó là lỗi của con, xin để cho con quỳ, kính thỉnh Sư phụ đứng dậy.

Chẳng màng đến lời van xin của Quả Năng Ngài vẫn tiếp tục quỳ; thế rồi cả hai Thầy Trò cùng quỳ.

Kể từ đó các đệ tử của Ngài nhất nhất vâng lời dạy bảo của Ngài, vì từ xưa đến nay Ngài chưa từng nói đùa bao giờ.

## 21- Tiểu thần thông Quả Tá.

Lúc đang trú tại Chùa Tam Duyên một sáng nọ Ngài bảo Quả Năng:

- Hôm nay sẽ có một đứa bé đến xin xuất gia, khi nó đến con hãy báo cho Thầy biết.

Đến trưa, Quả Năng hăm hở chạy vào phòng thờ hỏn hên thưa:

- Bạch Sư phụ, đứa bé mà Sư phụ nói hồi sáng đó, nó đến rồi.

Ngài bước ra ngoài thấy một đứa bé trai trạc mười một, mười hai tuổi khuôn mặt bướng bỉnh, áo quần lem luốc nhưng dáng người đoan chánh, tướng mạo giống như một vị Tỳ kheo.

Bé vừa thấy Ngài dường như đã gặp được người thân thuộc, vui mừng không thể cầm được nước mắt.Ngài cố ý hỏi thử:

- Con đến đây làm gì?

Với lòng tin vững chắc em trả lời:

- Con muốn xuất gia.

- Cái gì? Có phải con vì không có cơm ăn, áo mặc, nhà ở mà đến đây nương nấu cửa chùa phải không?

- Dạ không phải! Bởi vì con có một chứng bệnh kỳ lạ lắm, làm con nằm ngòai gì cũng không yên, con thật rầu vì tự biết mình đã bị ma chướng.

- Làm sao con biết được?

- Lúc lên năm tuổi, con có thể chữa bệnh cho người khác được, nếu con bảo họ mau hết bệnh, thì họ sẽ mau hết bệnh ngay. Cách đây khoảng hơn một tháng trong ba ngày liên tiếp con đều mơ giống nhau, thấy một Ông Sư như vị này (bé chỉ tượng Ngài Phật Di Lặc). Ông Sư mập này bảo con rằng: Hãy đến chùa Tam Duyên cầu xuất gia với Pháp sư An Từ thì bệnh con sẽ hết. Con đã đi bộ hơn một ngàn ba trăm dặm trong ba tháng trường nay mới đến được đây. Trên đường đi đêm xuống con ngủ trên các cánh đồng hoang. Đêm nọ, có một bầy chó sói đến vây quanh con, con quát chúng rằng: Chúng bầy muốn ăn “đạn” không? thì tự nhiên chúng nó bỏ đi ngay. Con thật sự chỉ muốn xuất gia nên tìm đến đây!

Khi ấy quân Nhật mới vừa đầu hàng, vùng Đông Bắc chưa có xe cộ lưu thông. Trên đường đi Quả Tá lượm được quả lựu đạn, nên đuổi được bầy sói. Đây là do chư Phật, Bồ Tát gia hộ cho em.

- Xuất gia không dễ đâu, làm việc mà người ta không thể làm, thọ những gì mà người khác không thể thọ. Tiện tay Ngài với lấy cái bánh bao đang cúng trên bàn Phật, nhai rồi nhả xuống đất mà nói: Nếu con có thể lượm bánh lên ăn thì mình sẽ tính sau.

Không chút nhờm gớm bé bốc bánh đó lên ăn liền tức khắc. Qua sự thử thách này, Ngài chánh thức nhận em làm tiểu Sa Di, pháp danh là Quả Tá. Sau khi xuất gia Quả Tá không còn bệnh ma chướng nữa, chú nỗ lực dụng công tu hành, chưa đầy nửa năm đắc được thiên nhãn thông cùng tha tâm thông. Chú có thể biết được đời quá khứ và đọc được tư tưởng của người nên mọi người đều gọi chú là Tiểu Thần Thông.

Ngày nọ, có người hỏi chú:

- Chú có thần thông, vậy thầy chú có thần thông không?

Nghe hỏi thế chú kiêu ngạo trả lời:

- Tôi cũng không biết Thầy tôi có thần thông hay không nữa?

Ngay lúc ấy thần thông của chú bị biến mất hết. Bệnh ma chướng lúc xưa nay bỗng trở lại vì lời nói hồ đồ của chú. Ngài vì chú mà tận lực cầu xin chư Phật, Bồ Tát gia hộ nên bệnh ma chướng của chú từ từ tiêu mất. Ngài liền tưởng khởi bốn câu kệ:

Tu đạo như leo sào trăm trượng,

Khi xuống thì dễ, trèo lên khó,

Nếu năng vượt qua đầu ngọn sào,  
Mười phương thế giới đều hiện tiền.

Vậy chúng ta sao không luôn cảnh giác?

## 22- Nước ngập Đông Tĩnh.

Có câu “Đạo cao một tấc, Ma cao một trượng” vì chữa bệnh cho Quả Tá, Ngài phải chống chọi với các loài Hải quái trong nhiều tuần lễ đến khi chúng phải rút lui nhưng đứa bé đã không được thần thông trở lại. Bị bại trận bọn thủy quái hết sức tức tối vì mất một quyền thuộc tương lai nên quyết phải báo thù, làm ngập lụt nhiều nơi rất nguy hiểm đến mạng người. Sau này tàu bè đi từ Thiên Tân đến Thượng Hải, cũng mấy lần bị hải yêu tác quái, mỗi lần đều nhờ sự cảm ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm, mà tàu bè đến nơi được bình yên. Có hôm Ngài cùng với các đệ tử đi ngang qua Làng Đông Tĩnh trú tại nhà cư sĩ họ Quách; ông là một đệ tử đã Quy y Ngài. Làng này có tên như vậy vì tọa lạc trên vùng đất trũng, bốn bên có tường cao giống như miệng giếng. Ngài vừa đến đây thì đột nhiên trời chuyển mưa to, và một trận lụt tốc cuốn qua làng với sóng nước chảy cuộn cuộn như vỡ bờ. Đồng thời, nước giếng trong thôn cũng vọt chảy ra. Hơn tám trăm căn nhà bị lụt, nhiều người bị nguy khốn, leo lên nóc nhà ở.

Gặp nạn Ngài bảo các đệ tử và mọi người trong nhà họ Quách đều nên tụng Chú Đại Bi. Tuy chung quanh nhà chỉ có một hàng rào cây cao khoảng tám tấc, vậy mà có thể ngăn được nước lũ chảy xiết. Hàng rào thật sự đã bảo vệ cho mấy thầy trò vì chỉ có một ít nước rỉ vào, cộng thêm nước mưa, trong nhà chỉ bị ngập chừng một tấc nước. Đại lực thần Chú Đại Bi thật thông thiên triệt địa. Chỉ một lát sau mưa tạnh nước từ từ rút xuống nhưng không may trận lụt này có hơn mấy mươi người chết, nhiều người thấy quái vật giống như trâu nước bơi lội man dại trong sóng nước.

Có thể là Ngài và các đệ tử đã được chư Phật và Bồ Tát cùng Trời Rồng bảo hộ. Nhưng lần đó không phải là lần chót mà quái vật muốn trả thù Ngài. Ngài lại gặp chúng một lần nữa, như chúng ta thấy trên chuyến tàu từ Thiên Tân đến Hồ Bắc. Thế nên trị bệnh giúp người đôi khi gặp nguy hiểm, vì có thể làm cho ma quỷ nổi giận, oán hờn, thật không phải là chuyện đùa.

Ngài cũng từng nói: Lúc trẻ chuyện gì cũng can dự vào, tu hành đến giai đoạn bị ma chướng thử thách này; mới phân lường được thấp cao.

### 23- Long Vũ Mao Bồng.

Tại Đồn Đại Nam Câu, Khu Hương Phường, Phố Hợp Nhĩ Tân, có người họ Diêu mọi người đều gọi ông là lão Diêu. Khi chưa quy y Tam Bảo ông là người giang hồ lãng tử, không những hút nha phiến mà còn chích ma túy cờ bạc rượu chè không tật xấu nào mà ông không có.

Khi ấy Nhật Bản đang thống trị vùng Đông Bắc, thành lập nước Mãn Châu. Triều Thanh bị phế bỏ và vua Tuyên Thống được tôn làm Hoàng đế Mãn Châu, nhưng ông vua này chỉ là bù nhìn, làm tay sai cho Nhật Bản, mọi việc trong chánh quyền đều bị người Nhật thao túng lạm quyền. Nhật Bản lại sợ quân Nga xâm lược vào Mãn Châu, nên xây những công sự phòng thủ dọc theo sông Hắc. Khắp nơi họ bắt lao công phục dịch không trả thù lao. Những người bị bắt đi trại lao công rất ưu sầu vì không biết bao giờ mới được trở về đoàn tụ với gia đình nơi quê nhà ấm cúng. Đời sống trong các trại lao công thống khổ không kể xiết, chẳng khác chi địa ngục trần gian. Những người nghe sợ phát run, giống như địa ngục chôn trần gian, khổ không thể nói. Những người nghe biết điều này không ai khỏi rùng mình ớn lạnh.

Ông Diêu vì không nghề nghiệp nên bị quân Nhật coi là một “âdân lang thang” và bị tống đi sống Hắc thuộc vùng biên giới Mãn-Nga làm lao công. Ban ngày làm việc như trâu ngựa, tối

đắp rom ngủ. Vì không thể chống nổi đêm băng hàn giá buốt, ông thường nghĩ cách thoát thân. Bồn bè doanh trại đều có dây điện cao thế nếu lỡ chạm phải sẽ bị điện giật chết. Tuy vậy, ông luôn tìm cơ hội đào tẩu vì không chịu được sự áp bức và ngược đãi vô nhân đạo của những người cầm quyền. Một đêm nọ ông mơ thấy ông nhất định trốn khỏi doanh trại để tìm tự do không kể thân mạng. Vừa định chạy trốn, đột nhiên có một ông Lão tóc bạc phơ tiến đến nói với ông:

- Giờ không phải lúc trốn vì ông chưa thọ hết khổ. Ông hãy nhẫn nhục thêm một thời gian nữa. Khi đúng thời cơ, tôi sẽ báo cho ông biết. Hy vọng ông luôn đề cao cảnh giác chớ bỏ lỡ dịp may.

Nói xong ông Lão liền biến mất. Ông Diêu tin lời ông Lão và trở vào doanh trại.

Khoảng hai tuần sau, ông Diêu lại mơ thấy ông Lão tóc bạc lúc trước nói đến với ông rằng:

- Hôm nay thời cơ trốn trại của ông đến; ngoài cửa có con chó trắng, ông hãy nhớ cho kỹ là phải đi sát theo sau nó đừng bị lạc. Ông sẽ không bị thất bại đâu! Hãy nhớ!

Ông hết sức mừng rỡ và chột tỉnh. Đi ra ngoài cửa, quả nhiên thấy con chó trắng đang đứng chờ ông. Nghe lời ông lão, ông đi theo sau con chó. Khi đến hàng rào điện, thoáng một cái con chó đã nhảy qua hàng rào, ông thì lấy rom phủ trên hàng rào rồi cũng nhảy qua bình an vô sự. Ông cảm thấy như được thoát ra miệng cọp. Đến khi quay đầu lại chẳng thấy con chó trắng đâu cả, ông mới biết là đã được quý nhân giúp đỡ.

Vì sợ quân Nhật đuổi bắt, ban ngày ông trốn trong lùm cây, đói ăn rau dại, khát uống nước suối, tối mới dám tiếp tục hành trình. Trải qua nhiều ngày gian khổ như vậy ông mới về đến quê hương. Biến cố này kích động mạnh tâm thức ông ta. Ông giác ngộ rằng đời người thật là khổ nên quyết định xuất gia tu đạo. Nhưng khi đến chùa nào xin xuất gia, ông cũng đều bị từ chối. Khi tới Chùa Tam Duyên, vì thấy ông áo ăn mặc quần rách rưới, dơ bẩn, người trong Chùa tưởng ông là kẻ ăn xin chỉ vì muốn có cơm ăn mà xin xuất gia, nên không nhận ông. Trong lúc Chùa lớn không thu, Chùa nhỏ không thu không chứa, ông ta gặp một quái nhân không biết từ đâu đến, hình dạng giống như người ăn mày. Quái nhân tự xưng là một người tu hành chân chánh, biết ba mươi sáu ngôi sao Thiên cương, bảy mươi hai phép pháp thuật, có thể bay trên không, cỡi mây lướt gió, gọi gió kêu mưa, trị được những bịnh nan y, biết pháp cải lão hoàn đồng. Không ai tin lời người lạ, chỉ trừ ông Diêu tin và lạy y làm thầy. Sau đó ông dùng thủ đoạn bắt chánh kiem tiền để phụng dưỡng ông thầy mới. Mãi sau, ông Diêu mới phát hiện ông “Thầy” chỉ là kẻ vô loại chẳng có tài cán chi nên bỏ đi.

Một thời gian sau, lão Diêu biết được Ngài An Từ Độ Luân đang ở tại Đồn Đại Nam Câu (vì việc Cao Đức Phước nguyện chặt tay cúng Phật, cầu cho bệnh mẹ ông sớm bình phục, bài 16 -Y nguyện cứu người -phần thứ 6.) Ông đến trước mặt Ngài quý mãi không đứng dậy, cầu xin xuất gia. Lúc ấy Ngài không màng đến ông,



hướng vào vách tọa thiền. Khoảng một giờ sau, Ngài xoay đầu lại nhìn thấy ông Diêu vẫn quỳ nơi ấy. Ngài hỏi:

- Ông làm gì vậy?

- Xin Thầy từ bi nhận con làm đệ tử.

- Ông muốn theo tôi xuất gia à? Nhưng tôi thì không có đức hạnh, lại không có công phu gì để dạy ông, tôi chỉ sợ ông sẽ bị thất vọng đó thôi.

- Con chỉ thỉnh cầu Ngài nhận con làm đệ tử là con mãn nguyện lắm rồi, ngoài ra con không cầu xin gì cả.

- Tại gia tu đạo không dễ, xuất gia tu đạo lại khó hơn. Luận ngữ có câu: “Việc lớn chưa rõ, như để tang cha mẹ, việc lớn rõ rồi, lại như để tang cha mẹ.” Xuất gia là việc khổ nhọc, nhẫn những gì người khác không nhẫn nổi, nhường nhịn những gì người khác không nhường nhịn được, ăn những gì người khác không thể ăn, thọ nhận những gì kẻ khác không thể thọ, quên mình vì người, bỏ việc riêng tư mà lo việc công ích. Vậy ông làm được không? Nếu làm được tôi sẽ nhận ông làm đệ tử; nếu không làm được thì đừng theo tôi xuất gia.

Ông Diêu không chút lưỡng lự, liền thưa:

- Bạch Thầy! Tất cả khổ nhọc con đều nhẫn nổi, xuất gia tuy khổ, nhưng con tin rằng không khổ bằng bị bắt đi làm lao công trong doanh trại Nhật. Con tự tin rằng con sẽ chịu đựng được hết.

Ngài liền nói kệ rằng:

Niệm niệm chớ quên sanh tử khổ  
Tâm tâm nghĩ tưởng thoát luân hồi  
Rời bến mê trở về nguồn cội  
Đập vỡ hư không, Phật tánh minh  
Nay chính thời mạt pháp  
Kẻ xuất gia tuy nhiều

Chân chánh tu hành đếm được bao nhiêu  
Theo đường Đạo, vạn người dưới thế  
Mấy aiặng chứng quả độ đời  
Nếu ông thành tâm muốn xuất gia  
Hãy nên lập chí nguyện sâu xa  
Phát tâm Bồ Đề thù thắng  
Thấp đước sáng trong bão táp  
Như lửa hực luyện tinh kim  
Ngày sau đạo nghiệp viên thành  
Tinh tấn hồng dương Phật pháp  
Đem Phật giáo soi sáng khắp nơi  
Mới không cô phụ nguyện xuất gia.

Qua những lời đối đáp, Ngài biết ông có thể thọ nhận được khổ cực, nên dẫn về Chùa Tam Duyên, thế phát xuất gia, thọ giới Sa Di, pháp danh Quả Thuần; Ngài bảo Chú đảm nhận công việc nhà bếp. Chú siêng năng, làm việc cẩn thận, chân chánh dụng công tu hành, mỗi ngày ăn một bữa, ngủ ngời, trước khi ngủ đều hành thiền và có thể nhập định suốt đêm. Những khi Ngài có điều gì dạy bảo, chỉ cần dùng tâm tưởng là Quả Thuần đáp ứng ngay. Có lần, Quả Thuần thấy bên cạnh miếu Long Vương ở Tây Sơn, vùng Đại Nam Cầu, có một mảnh đất trống, và được sự đồng ý của Ngài, nên cất am tranh làm đạo tràng tu hành.

Quả Thuần đến Chùa Tam Duyên thỉnh Ngài đến làm Lễ Khai Quang, cùng An vị Phật trong am, Ngài dẫn Quả Năng, Quả Trục, Quả Tá đến đó làm lễ. Đêm đó có mười vị Long Thần nơi Miếu bên cạnh am đến đánh lễ Ngài, cầu thỉnh thọ quy y Tam Bảo. Lúc đó vào mùa Hè, trời nắng không mưa, lúa mạ héo vàng, nông dân nương nhờ thời tiết mà sống, nên buồn rầu than van mạng khổ, chỉ biết cầu trời từ bi thương xót ban nước cam lồ! Ngài nói với chúng Rồng:

- Công việc của các vị là làm mưa, tại sao lại để trời khô hạn thế này mà không cho mưa xuống?

- Bạch Ngài! Vì chưa được lệnh của Ngọc Hoàng Đại Đế, nên chúng con không dám phun mưa, nếu không sẽ bị trừng phạt.

- Các vị hãy lên Báo điện Lãng Tiêu của Ngọc Hoàng Đại Đế, thỉnh Đại Đế từ bi, cho mưa trong phạm vi bốn mươi dặm. Nếu ngày mai phun mưa thì ngày mốt các vị sẽ được Quy y.

Quả nhiên hôm sau trời đổ mưa đúng trong vòng bốn mươi dặm, nhờ vậy lúa mạ như được

nước cam lồ thấm nhuận nên sinh sôi nảy nở, đến mùa Thu ngũ cốc được thu hoạch nhiều hơn năm trước. Ngày thứ ba, chư Thần Rồng đến trước chánh điện nơi am tranh, thọ tam Quy y. Để kỷ niệm việc này, Ngài đặt tên cho Am là Long Vũ Mao Phụng tức Am Rồng vâng lệnh phun mưa và treo tấm biển này trước am để kỷ niệm.

Quả Thuần vào trú trong am chẳng bao lâu, có hai vị cư sĩ đồng thôn của họ Lưu và Dương An Tử đến ở cùng, cả hai đều là Phật tử thuần

thành. Đạo ấy mỗi ngày họ đều cùng Quả Thuần tụng kinh công phu khuya chiều tinh cần trì Chú Đại Bi. Chẳng bao lâu, Lưu cư sĩ xuất gia, còn Dương An Tử thì tòng quân, tham gia đội Bát Lộ Quân.

Trong hai năm đầu gia nhập quân đội, Dương An Tử thường xuyên thư từ về nhà, đến mùa thu năm Dân Quốc thứ ba mươi bảy (1948), đột nhiên dứt bất tin tức, đợi cả sáu, bảy tháng sau vào một hôm họ Quả Thuần đang ở trong am tụng trì Chú Đại Bi, ngay lúc đó bên cạnh có Cha Cao Đức Phúc là Cao Vạn Phong; đột nhiên Dương An Tử trở về, gọi ở ngoài cửa.

Quả Thuần nghe tiếng kêu vội ra mở cửa, Dương An Tử vừa vào đến cửa, phóng thẳng vào nhà trong, đến ngay lò lửa nằm xuống rồi nói:

- Tôi đi Hàn Quốc đánh giặc bị thương nặng, giờ đây tôi rất ư mỏi mệt, nên về đây nằm. Quả Thuần vẫn điềm nhiên tiếp tục trì Chú Đại Bi. Nào ngờ trong giây phút ấy, Dương An Tử đột nhiên biến thành con hồ ly, khoảng trong chót lát hình dáng con Hồ Ly biến mất.

Thật ra nguyên do của chuyện này ra sao?

Dương An Tử sớm đã vong thân trên chiến trường, hoặc giả não bộ của ông đã bị con hồ ly ăn, nhân đó nó hóa thành hình dáng của ông, cốt đến đây phá hoại sự tu hành của Quả Thuần. Cũng may là ngay trong lúc ấy Quả Thuần đang trì tụng Chú Đại Bi, cộng thêm công đức tu hành hằng ngày của Quả Thuần, nên yêu quái đã thú hồ ly khinh sợ rồi lẩn trốn.

Sự kiện này phát sanh chẳng bao lâu, Quả Thuần cảm thấy đương thời Phật-giáo trong cảnh suy vi, Tăng chúng bị áp bức tra tấn, tượng Phật bị hủy hoại, kinh sách bị đốt cháy nên Quả Thuần phát nguyện thiêu thân cúng dường Phật.

Dân Quốc năm thứ ba mươi ba, ngày 15 tháng 7 năm 1944, Quả Thuần đã phát đại nguyện xin thiêu thân cúng dường Phật. Lúc đó Ngài dẫn số đệ tử đến trước Phật đài thấp hương xin phát nguyện rằng, nếu con sống đến trăm tuổi, nguyện xin thiêu thân cúng dường Phật. Quả Thuần noi gương Ngài cũng trước Phật đài phát nguyện rằng, chỉ cần thời cơ thích hợp nguyện sẽ thiêu thân cúng dường Phật, như Dược Vương Bồ Tát mà không đợi đến trăm tuổi.

Đến năm Dân Quốc thứ ba mươi tám, ngày 18 tháng 4 năm 1949 là ngày Quả Thuần thiêu thân, Thầy tự trang bị trăm cân củi và ba cân rươi dầu đậu, ngồi

kiết già trên đồng củi, châm lửa tự thiêu, thân hóa thành tro. Ngày sau, người trong thôn phát hiện Am Ròng Phun Mưa đã cháy bởi trận lửa lớn, luống khói vẫn còn nghi ngút. Khi đến quan sát, mới hay rằng Thầy thiêu thân cúng dường Phật. Tuy thân thể của Thầy đã thành tro, nhưng trái tim vẫn còn nguyên vẹn, không bị lửa cháy, mọi người đều rơi lệ thương tiếc khôn nguôi, họ đem cốt và trái tim của Thầy mai táng tại nơi đó.

Cái chết của Dương An Tử và việc Thầy Quả Thuần tự thiêu, do cư sĩ Cao Đức Phúc viết thư cho hay, Nhật báo Hoa Kiều tại Hương Cảng cũng có đăng toàn bộ tin tức vào Ngày 22 tháng 9 năm 1949. Lá thư kể về chuyện họ Dương được một ký giả Nhật báo Hoa Kiều họ Mao lưu giữ.

(còn tiếp)

## KHAI THỊ NHÂN NGÀY LỄ PHẬT ĐẢN

(H.T Tuyên Hoá khai thị tại Vạn Phật Thành ngày 1 tháng 5 năm 1982)

**Đ**ức Phật Thích Ca Mâu Ni trong quá khứ đã:

"Tam kỳ tu phước huệ  
Bách kiếp chúng tướng hảo.

Nghĩa là, trong ba A-tăng-kỳ kiếp Ngài tu phước, huệ, và hàng trăm kiếp thì vun trồng tướng hảo. Ngài tu khổ hạnh, làm những việc khó ai làm được; tu hạnh nhẫn nại, chịu đựng những chuyện người đời khó nhẫn nại được. Vì chúng sinh mà Ngài phát tâm Bồ Đề, tu Nhất Thiết Trí, không tiếc thân mạng để giáo hóa chúng sinh. Kiếp này qua kiếp khác Ngài nhẫn khổ nại lao; ăn những thứ mà người ta không muốn ăn, nhường nhịn những chuyện mà người ta không thể nhường nhịn. Cho nên Ngài mới thành Phật, chúng quả Bồ Đề.

Phật không phải tu một ngày một đêm mà thành; Ngài phải tu ba A-tăng-kỳ kiếp, rồi sau đó thị hiện Tám Tướng Thành Đạo. Tám Tướng Thành Đạo này là gì? Tướng thứ nhất là từ nơi trời Đâu Suất giáng sinh. Cõi trời Đâu Suất là nơi Pháp Vương Tử chuẩn bị thành Phật

(Bồ Xứ) trú ngụ. Tướng thứ nhì là Trụ Thai. Phật ở trong bào thai thì Ngài luôn chuyển Pháp Luân giáo hóa chúng sinh, vì tất cả chúng sinh hữu duyên mà Ngài thuyết Pháp. Tướng thứ ba là Xuất Thai. Phật ra khỏi thai là ngày mùng tám tháng tư. Sau khi ra khỏi thai rồi thì Ngài một tay chỉ trời một tay chỉ đất mà nói:

"Thiên thượng thiên hạ,  
Duy ngã độc tôn!"

Nghĩa là:

*"Trên trời dưới đất,  
Không ai tôn quý bằng ta!"*

Có phải chăng Đức Phật hết sức công cao ngã mạn? Tôi không phải là luật sư biện hộ cho Phật, nhưng Phật đích thực là người xứng đáng được mang danh hiệu như vậy. Mới sinh ra mà nói vậy là Ngài muốn giới thiệu cho chúng sinh hiểu Đạo. Ngày Phật ra đời có chín con rồng phun nước tắm Ngài; lớn lên trong cung, Ngài học đủ pháp thế gian. Tất cả những kỹ năng của người đời Ngài đều học qua. Nói là học nhưng thật ra Ngài thông đạt vô ngại.

Một hôm Ngài đi dạo chơi bốn cửa thành thì thấy cảnh sinh, lão, bệnh, tử, nên ý thức được đời người toàn là khổ đau, trải qua sinh, trụ, dị, diệt, cũng là thành, trụ, hoại, không. Nhận thấy rằng sinh, lão, bệnh, tử khổ thật là đầy dẫy phiền não, đời người chẳng có ý nghĩa gì nên Ngài mới xả bỏ địa vị phú quý mà ra đi; đó là một trong Tám Tướng Thành Đạo.

Phật tu hạnh Đầu Đà có thể nói là giới bậc nhất. Khi ở núi Tuyết Sơn thì mỗi ngày Ngài dụng công tu hành, chỉ ăn một hạt mè để duy trì sinh mạng, chẳng hề uống vitamin A, B, C gì cả. Sau đó Ngài thọ sữa dê do một cô gái cúng dường rồi tới gốc Bồ Đề mà tịnh tọa và phát nguyện rằng: "Nếu ta không chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác thì nhất định không đứng dậy." Liên đó Ngài ngồi trong 49 ngày. Cơ duyên thành thực, nửa đêm Ngài nhìn thấy sao mai rồi ngộ Đạo, thốt nhiên chứng đắc trạng thái không sinh không diệt, không tăng không giảm, không dơ không sạch, bốn lai thanh tịnh bản thể, diệu minh chơn tâm.

Là đệ tử của Phật ở thời Mạt Pháp này, chúng ta cần phải làm người Phật tử chân chánh. Phải biết rằng Phật và các Tổ Sư trong quá khứ tu hành không phải dễ dàng. Bây giờ mình mỗi ngày tuy không phải ăn một hạt mè, song chỉ cần đừng ham ăn đồ ngon, đừng ham vitamin, ham bổ dưỡng là được. Thân này là bọ

thịt thối do bốn đại giả hợp, chẳng quý báu gì; bây giờ mình lại vì cái túi da hôi hám này mà làm trâu làm ngựa, làm nô lệ! Không biết mình làm nô lệ như vậy bao lâu rồi, không biết tạo ra bao nhiêu ác nghiệp rồi mà bây giờ cũng chưa chịu "khán phá phóng hạ," chưa chịu nhìn cho thông suốt và buông bỏ nó, vẫn tiếp tục làm trâu ngựa; thật là chẳng có giá trị gì cả. Cho nên mình phải quay về cội nguồn nguyên thủy của mình.

Học Phật, tu hành, là để biết rõ nhân sinh là thống khổ, rồi chứng quả thành Phật, đó mới chính thật là chân lý. Nên hôm nay, nhân ngày Phật Đản, chúng ta phải y lời Phật dạy, lấy thân Phật làm thân mình, lấy hành vi của Phật làm hành vi của mình, lấy tâm Phật làm tâm mình, lấy nguyện của Phật làm nguyện của mình, lấy chí của Phật làm chí của mình. Phải nhẫn nại học hỏi tinh thần không sợ gian nan, khổ cực. Được vậy thì ai cũng sẽ thành Phật, đạt ngộ liễu sinh thoát tử.

Vì cầu Nhất Thiết Trí nên Phật không tiếc thân mạng, phát khởi tinh thần dũng mãnh tu hành. Bây giờ mình không chịu được cực nhọc thì làm sao mà thành Phật được? Khi đã xuất gia lại không chân chính tu hành thì thật là cô phụ tấm lòng của chư Phật, chư Bồ Tát và các Tổ Sư! Nếu một ngày mà lòng tham không trừ, lòng tranh không dẹp, lòng cầu danh lợi chẳng phá bỏ, lòng ích kỷ tự lợi cứ tăng trưởng, thì còn mặt mũi nào đối diện với Phật, với cha mẹ, tổ tiên được? Đừng nên nghĩ tới thân mình, mà phải vì kẻ khác. Phải tinh tấn tu hành; đừng uổng phí thời giờ. Con quý Vô Thường không biết chừng nào lại; khi nó tới thì dù mình muốn sống thêm vài ngày cũng không xong:

"Mạc đãi lão lai phương học Đạo,  
Cô phân đô thị thiếu niên nhân."

Dịch là:

*"Đừng chờ già lão mới chịu tu,  
Một phần đây đây bọn trẻ măng."*

Ở đời, sinh rồi chết, chết rồi sinh; nếu sống không xứng đáng thì chết làm súc sinh. Khi thân này đã mất thì vạn kiếp khó phục hồi. Nên chi đừng tự lừa dối mình, đừng làm ông luật sư để tự biện hộ. Cứ nghĩ rằng chẳng cần tu hành, có ngày Phật sẽ giúp mình thành Phật! Ngay như Tôn giả A Nan là em của Phật, song Phật cũng không thể ban bố Tam muội cho ngài A



Nan, mà chính ngài A Nan phải tự nỗ lực tu hành.

Vì thế, các vị tới Vạn Phật Thành tức là tới Tuyển Phật Trường (nơi thi tuyển để thành Phật); các vị phải học cho giỏi thì đến lúc làm bài thi mới có thể đậu được. Đừng chờ tới khi thi rớt, lúc đó hối hận thì đã trễ!

## Chìa khóa khai ngộ

H.T Tuyên Hoá

Con người làm sao mới được khai ngộ? Khai ngộ ví như mở ổ khóa. Ông khóa dùng để khóa cửa nhà lại, ngăn cản không cho quý vị ra vào. Cho nên quý vị nhất định phải có chìa khóa mới mở cửa được. Nếu không, quý vị sẽ bị nhốt trong nhà vĩnh viễn. Thế thì chìa khóa này ở đâu? Nó ở ngay trong thân thể quý vị đó, cũng dễ tìm lắm thôi. Vậy phải tìm nó như thế nào? Đang khi quý vị ngồi thiền, niệm Phật, trì Chú tức là lúc quý vị tìm kiếm chìa khóa. Vậy bao giờ mới tìm được nó đây? Chuyện này phải xem trình độ tu hành của quý vị mới định chừng được. Nếu ai tinh tấn thì tìm ra nó rất mau. Còn nếu người nào giải đãi thì sẽ không bao giờ tìm nó được, chẳng những đời này không tìm ra, mà ngay cả đời sau cũng không tìm ra nó đâu. Đạo lý này cũng rất đơn giản thôi.

Trong tâm quý vị mà đã bị khóa thì tâm bị khóa đó là vô minh, nó có thể làm cho tâm thanh tịnh sáng suốt của quý vị biến thành tâm ô nhiễm hắc ám. Khi gặp cảnh đến, nếu quý vị không có trí huệ để phán xét phân biệt giữa thiện và ác, quý vị sẽ làm những việc điên điên, đảo đảo. Nhưng nếu quý vị tu hành đặc lực, quý vị sẽ phá vỡ được vô minh. Đó tức là tìm được chìa khóa, tâm bị khóa tự nhiên sẽ khai mở ra. Sau khi trí huệ quang minh xuất hiện rồi, dù gặp bất cứ việc gì đi nữa, quý vị cũng không có phiền não.

Vô minh là gì? Nói đơn giản là hắc ám đen tối, cái gì cũng không rõ biết. Bởi người không hiểu rõ chân lý mới khóa tâm lại, vì vậy không thể khai ngộ được. Vào đời Đường, thời Tông Đế có vị thái giám tên Ngự Triều Ân. Thái Giám đã hỏi Quốc sư: “Vô minh là gì?” Quốc sư nói: “Ông chỉ là một tên tướng mọn nô tài thì có tư cách gì để hỏi Phật Pháp chứ?” Vừa nghe thế, vị thái giám liền nổi giận đùng đùng. Quốc sư bèn cười và nói: “Đó tức là vô minh, phải không?” Cho nên nói: “Lừa vô minh có thể thiêu hủy cả rừng công đức” là vậy.

Người mà có đủ điều kiện để ngày nay khai ngộ, chính là vì từ nhiều kiếp trước, họ đã từng tu biết bao nhân lành rồi, cho nên đời này họ mới được thành tựu. Nếu như lúc trước họ không tu nhiều nhân lành, đời này họ sẽ không thể nào khai ngộ được. Quý vị đều muốn khai ngộ, phải không? Trước hết, quý vị nhất định phải biết chuẩn bị tu hành, chỉ như vậy mới có hy vọng khai ngộ được.

Vì sao Đức Phật Thích Ca được thành Phật ở đời này? Bởi Ngài “Tam kỳ tu phước huệ, bách kiếp chủng tướng hảo,” là Ngài đã tu phước, tu huệ trong ba đại A Tăng Kỳ kiếp, lại tu ba mươi hai tướng công đức, cùng trồng tám mươi vẻ đẹp trong trăm đại kiếp. Do đó, Ngài ngồi dưới cội bồ đề, đến giữa đêm nhìn lên sao sáng mà khai ngộ. Nếu như những kiếp trước Ngài không tu, thì đời này Ngài sẽ không thể thành Phật được.

Giảng ngày 12 tháng 7 năm 1980

## Khoa học: Phước hay họa?

### Vật có ân hay chén trà độc?

H. T Tuyên Hoá

**K**hoa học tuyệt đối không thể mang lại cuộc sống an lạc chân thật và cứu cánh cho nhân loại về phương diện tinh thần lẫn vật chất. Không phải ai cũng đều chấp nhận loại lý luận này. Tại vì sao? Bởi con người vì chấp cái mê mà không được khai ngộ. Nếu quý vị muốn đề xướng loại lý luận này, tất nhiên sẽ bị thất bại, bởi vì nhiều người sẽ không đồng ý về cách nói như vậy. So với các thứ khác, khoa học kỹ thuật có sức quyến rũ mạnh hơn. Rất nhiều người biết rõ là khoa học có vấn đề, nhưng họ vẫn ủng hộ và tán dương khoa học. Trên thế giới này, điều gì có lợi ắt có hại. Phàm việc gì có nhiều lợi ích to lớn, tức nó cũng có cái hại tương đương.

Xem đây, bệnh ung thư đang lan tràn khắp cả hoàn cầu. Đó là bởi khoa học phát minh mỗi ngày một mới lạ, sanh sản ra biết bao loại độc tố làm ô nhiễm bầu không khí. Kết quả là nhân loại

hít phải các thứ độc khí này, mà bị nhiễm thành các chứng bệnh ung thư. Chẳng lẽ các khoa học gia không rõ biết tình trạng đó hay sao? Không phải là không biết, mà chỉ vì họ không muốn suy nghĩ kỹ càng, và không muốn chấp nhận loại lý luận như thế đó thôi. Để rồi ngày nay, thế giới đã lâm vào tình trạng bị nhiễm bệnh đến tận xương cốt, không thuốc cứu chữa. Mặc dù không thuốc chữa, nhưng chúng ta biết bao nhiêu thì hãy làm bấy nhiêu, và cứ đem hết khả năng sức lực của mình để cứu vãn trần sông cuông đã ập đến. Không phải chúng ta muốn phản đối các nhà khoa học, nhưng chúng ta cũng nên biết để thấu rõ cái chân lý này. Phàm vạn sự vạn vật, hễ có lợi thời có hại. Ví như có người đã lên đến mặt trăng, vậy lên đến đó rồi họ sẽ tính toán gì nữa đây? Giả sử như chính phủ quyết định cất giấu bom nguyên tử trên mặt trăng, để chuẩn bị hủy diệt nhân loại toàn cầu. Hay có một ngày nào đó, số bom đạn nầy phát nổ, rồi cũng hủy diệt luôn cả mặt trăng v.v... Nếu thế giới mà ngay cả mặt trăng cũng không còn, vậy còn thành ra thế giới gì nữa? Đây chỉ là một thí dụ thôi, nhưng chúng ta nên lãnh hội ý chỉ của nó.

Nói tóm lại, khoa học càng tiến bộ, sanh mạng của nhân loại càng bị nguy hiểm. *Tiến bộ cũng như thành tiến độc*. Ngày xưa, khoa học chưa có phát triển mà nhân loại còn sống được vui vẻ, tự tại. Như khi mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì về nghỉ, an phận giữ mình. Ngày nay, khoa học phát đạt thì nhân loại lại bị nhiễm thiên ban vạn chủng chứng bệnh kỳ quái, không thể chữa trị. Như vậy là khoa học trong vô hình đã chế tạo ra tai nạn. Chúng ta nên biết rằng: trên đời hễ có tốt thời có xấu, có lợi thì có hại, có thành tất có bại, và phàm tất cả các sự việc đều là tương đối, không có gì là tuyệt đối cả.

Giảng ngày 6 tháng 10 năm 1980

# Tiền

H. T Tuyên Hoá

**H**ôm nay tôi sẽ giảng một bài Pháp đặc biệt. Pháp gì vậy? Là Pháp TIỀN. Vì sao tiền là vật không sạch sẽ? Quý vị thử nhìn xem! Tiền là thứ dơ bẩn nhất trên thế giới đó. Bởi vì người ta lúc đếm tiền, đa số thường thấm nước miếng để đếm. Trong nước miếng có chứa biết bao nhiêu là vi trùng, vi khuẩn. Không biết là tiền đã trải qua bao nhiêu lần

nước miếng của người ta rồi, cũng không biết là đã có bao nhiêu giống vi trùng truyền nhiễm bệnh trong đó. Có thể thấy, hễ tiền được đếm càng nhiều lần thì tiền càng trở nên dơ bẩn hơn. Nhưng trái lại, vẫn có người yêu quý tiền còn hơn sanh mạng họ. Đó là đã biết nó dơ mà cố phạm. Có số người vì tham tiền mà hy sinh ngay đến sanh mạng mình cũng không tiếc. Điều đó đủ chứng minh ma lực của tiền là như thế nào rồi.

Người Trung Hoa khi sáng tạo ra chữ, họ đều rất cẩn thận và bỏ ra nhiều tâm huyết mới thành tựu được. Thông thường chữ có sáu loại là: Tượng Hình, Chỉ Sự, Hội Ý, Hình Thanh, Chuyên Chú và Giả Tá (giả danh để mượn tiếng). Mỗi chữ đều không rời phạm vi của sáu loại này. Như chữ tiền (錢) thuộc Hội Ý. Tiền gồm có chữ kim (金) và hai cái mác (戈).

Có bài kệ nói về tiền như sau:

Nhị qua tranh kim sát khí cao  
Nhơn nhơn nhân tha phạm lao đao.  
Năng hội dụng giả siêu tam giới  
Bất hội dụng giả nghiệt nan đào.

Nghĩa là:

*Hai giáo tranh tiền sát khí cao  
Người người vì nó chịu lao đao.  
Biết dùng thời đặng thoát tam giới.  
Không biết dùng khó mà thoát tội.*

Đại ý bài kệ nói rằng: Người ta dùng kim loại để đúc thành Tiền. Hai cái mác là hai người giành tiền, hai bên kẻ tranh người đoạt khiến sát khí bùng vút tận mây xanh. Nhiều người vì tiền mà sanh ra biết bao nhiêu phiền toái. Người biết dùng tiền thì đem nó làm nhiều chuyện có công đức, lợi người lợi mình và có thể thoát khỏi tam giới, khỏi phải chịu sanh tử. Người không biết dùng tiền thì dùng nó tạo nhiều nghiệp ác, cho nên đọa vào tam ác đạo, vĩnh viễn không được giải thoát. Chúng ta nên biết tiền là vật hại người và cũng không nên tham cầu nó.

Vì sao chúng ta xuất gia tu đạo? Bởi vì chúng ta muốn xem tài sắc như không có, chúng ta không chấp ở tài, cũng không chấp ở sắc. Sau nữa là đối với từng cử chỉ, hành động của chính mình, giờ khắc nào mình cũng hồi quang phản chiếu, nhiếp giữ tâm không để nó chạy ra ngoài. Trải qua ngày

dài thảng rộng, đến lúc tâm chúng ta trong sạch như tấm gương, chúng ta sẽ tự rõ ràng được thiện ác. Như thế chúng ta mới thoát khỏi tam giới và sanh tử. Đó là hoài bão căn bản của người xuất gia. Nếu như chúng ta bỏ không nổi tài, xả không nổi sắc, tức là luống phụ cả ý nguyện xuất gia của mình.

Người thế gian làm đến quên sanh mạng để kiếm tiền, và nghĩ hết mọi cách để tích trữ tiền bạc cho con cái. Nhưng họ không biết rằng, để tiền lại cho con cháu tức là mang tai họa đến cho chúng. Trái lại, nếu họ không để lại tiền của thì sẽ không có phiền phức gì, gọi là: “Con cái giỏi hơn cha, lưu của để làm gì? Có con không bằng cha, lưu của để làm chi?” Con trai, con gái có bản lãnh hơn cha, nếu để tiền cho chúng, chúng cũng chẳng có chỗ dùng. Ngược lại, con trai, con gái không có bản lãnh như cha, nếu để tiền lại cho chúng, là dạy chúng không chịu làm việc để sanh sống, mà chỉ thích rong chơi, say sưa cờ bạc, đàng điếm rượu chè, suốt ngày lân la ở lầu Tần, quán Sở. Há đó không phải là hại con cháu sao? Vì vậy tôi khuyên người có tiền nên làm nhiều việc công đức, tế thế cứu nhân thì sẽ được vô lượng công đức.

Chúng ta là người xuất gia, chẳng những không tham tài sắc, mà ngay cả vọng tưởng cũng không nên khởi nghĩ tới. Khi đi đứng nằm ngồi, chúng ta đều nên không chế vọng tưởng. Không chế như thế nào? Chỉ có một pháp môn là niệm Phật hoặc trì Chú. Ít nói một câu thì niệm thêm được một tiếng Phật. Niệm đến khi có cảm ứng đạo giao là có thể khai ngộ và đạt được trí huệ. Cho nên nói: “*Đã đắc niệm đầu tư, chuẩn nhữ Pháp thân hoạt*” tức là: Đánh chết vọng niệm để Pháp thân bừng sống. Bởi vậy người tu đạo, giờ khắc nào cũng nên tự kiểm soát lấy mình. Cho nên nói: “Phải nhớ vô thường, cẩn thận chớ buông lung.” Chúng ta nên dùng hai câu này để cảnh giác, tự nhiên mình sẽ thức tỉnh trở lại. Hy vọng mọi người sẽ nghiêm trì giới luật, đó là điều tôi hằng trông mong!

Đây là hai câu nói rất có đạo lý: “*Lung kê hữu thực, thang oa cận. Dã hạc vô lương thiên địa khoan.*” Nghĩa là: Con gà trong lồng tuy có thóc ăn, nước uống, nhưng khi nó mập lớn thì bị giết, và bị bỏ vào nồi nước sôi để làm thức ăn cho người. Cho nên nói: “*Thang oa cận*” là nồi nước sôi kề bên. Con hạc rừng tuy không được thóc lúa để ăn, nhưng trời cao đất rộng, nó mặc sức tung hoành trong vũ trụ, không bị câu thúc, không chấp vào đâu, tiêu dao tự tại biết bao nhiêu!

Chúng ta là người xuất gia thì nên lấy trời đất làm lầu và bốn biển là nhà, không nên có chỗ ở riêng tư. Nếu chúng ta có chùa thì cũng có lúc bị dính mắc, rồi giông ruồi tìm cầu, như thế là trái ngược với Phật Pháp. Cho nên sai lầm dù nhỏ, nhưng dẫn đến hậu quả to lớn. Đó cũng là ý nghĩa của câu: Sai một ly đi ngàn dặm.

Có vị thiền sư đã từng nói như thế này: “Năm qua nghèo, còn có đất cắm dùi; năm nay nghèo cả dùi cũng không!” Tư tưởng của ngài tự tại, giải thoát biết là bao! Thật là vi diệu không thể nghĩ bàn. Chúng ta nên noi theo gương của vị thiền sư này, là ngoài một bình bát và ba tấm y, ngài đã không tìm cầu chi hết. Tiền là vật ngoài thân, sanh không mang đến, chết không mang đi. Cho nên có tiền, chúng ta nên làm nhiều việc công đức, như in một quyển sách nhỏ để phổ biến tuyên dương Phật Pháp thì công đức vô lượng, so ra còn hơn là dựng chùa xây tháp cho chính mình.

Người sáng suốt thì không chấp trước và cũng không có hành vi ô nhiễm. Ô nhiễm cái gì? Tức là tham tài, ái sắc. Nếu không bỏ tài, thời không thể trừ khử ô nhiễm; sắc chẳng coi là không, thì không thể sạch hết nhiễm ô. Nếu mình không muốn bị ô nhiễm, chỉ có một biện pháp là phá tan hai cửa “tài sắc” đi. Tức thì tận hư không khắp pháp giới, đâu đâu cũng đều là chỗ ở của chúng ta. Chúng ta là người tu đạo, hãy nên ghi nhớ rằng: then chốt là ở tại hai cửa “tài sắc,” nếu có thể phá được chúng, thì chúng ta sẽ không chấp trước vào bất cứ gì. Người đời có câu nói mỉa mai rằng: “Người xuất gia không thích tiền - nhưng có càng nhiều càng tốt!”

Người xuất gia chúng ta nên phản tỉnh, nên kiểm điểm lại, xem mình có thứ tư tưởng như thế không? Nếu có thì nên sửa đổi, còn không thì ráng mà tránh. Hy vọng mọi người đề cao cảnh giác và tự lực cánh sinh, nên học theo lời răn bảo của thiền sư Bách Trượng: “Một ngày không làm là một ngày không ăn.” Như quả ai cũng làm được như thế, thời người đời sẽ không còn châm biếm rằng: Kẻ xuất gia là con một gạo.

Người xuất gia ở chùa Kim Sơn biết tiền là vật không trong sạch, cho nên có người trì giới không giữ tiền bạc. Tức là tay họ không đụng chạm đến tiền, họ tuyệt nhiên không có liên hệ



qua lại đến tiền bạc. Để tôi kể một câu chuyện có thật cho quý vị nghe. Tôi có đệ tử là con độc nhất của một ông triệu phú. Chú này chẳng những không muốn tài sản của cha, mà khi được cha giới thiệu cho một cô bạn gái, chú cũng cự tuyệt luôn. Rồi sau đó chú quyết định tìm đến chùa Kim Sơn xuất gia tu hành. Bởi vậy tôi mới đặt pháp danh cho chú là Hằng Không. Một ngày kia, cha chú gọi điện thoại hỏi: “Con cần tiền không? Cha có thể gọi cho con mà.” Nhưng chú không chịu nhận tiền của cha. Hành động đó thật là xứng với danh, đệ nhất đại ngu xuẩn. Chú giữ giới không đụng tiền, danh và quả thật phù hợp, vì một xu chú cũng không dính túi. Người không tham tài sắc tức sẽ không bị nhiễm ô. Nếu ai có hành vi như vậy thì nhất định sẽ được thành tựu.

Giảng ngày 10 tháng 10 năm 1980

## Quả báo sát sanh

H.T Tuyên Hoá

**S**ự thù oán lớn nhất của thế giới không gì hơn là “sát sanh”. Cho nên nói: “Giết người đền mạng, thiếu nợ trả tiền.” Nếu quý vị giết cha, anh của người ta thì người ta sẽ giết cha, anh của quý vị. Cứ như vậy mà tàn sát lẫn nhau, không bao giờ chấm dứt. Bởi nhân sát sanh quá nhiều, cho nên quả báo đến rất mau, gọi là: “hiện thể hiện báo” tức quả báo hiện tiền.

Tại sao người thời nay hay phát sanh nhiều chứng bệnh lạ kỳ như vậy? Nói tóm lại một câu, đó là từ sát sanh mà ra. Quý vị giết mạng chúng sanh, thì chúng sanh sẽ tìm đến quý vị để đòi mạng. Đối với những thứ bệnh tật kỳ quái đó, bác sĩ cũng đành bó tay thôi. Thế thì quý vị nên làm sao đây? Tức là quý vị phải nên thành tâm sám hối, sửa đổi lỗi lầm để làm lại con người mới và làm nhiều việc công đức có lợi ích cho chúng sanh, như thế mới có thể tiêu trừ được các tội nghiệp từ xưa nay. Nếu quý vị không làm như thế, e rằng quý vị sẽ không dễ gì lành bệnh được. Đây là chân lý chứ không phải là mê tín đâu.

### 1. Mọt Nhọt Mặt Người Đòi Hiện Tại

Hôm nay tôi sẽ kể hai công án về chuyện sát sanh. Vào khoảng năm 1945, có Hòa Thượng Đại Minh, trụ trì chùa Thừa Thiên, tỉnh Tô Châu, Trung Hoa. Hòa Thượng này tuy là người theo đạo Phật, nhưng tin theo ngoại đạo và trong chùa lại thờ cúng Tiên Hồ Ly. Do đó hồ ly ở chùa này ra vào tự do mà không bị

ai xua đuổi, và nó cũng không sợ người. Người và hồ ly cùng ở chung một cách bình an.

Lúc bảy giờ, Hòa Thượng đang bế quan nhập thất ở chùa này để duyệt đọc Đại Tạng kinh. Hồ ly cũng đến phòng Hòa Thượng cùng tu. Trong lúc Hòa Thượng đọc kinh, nó nằm ngủ trên tấm đệm lạy Phật của Hòa Thượng. Đến khi Hòa Thượng muốn lạy Phật thì Hòa Thượng nói với nó: “Ta muốn lạy Phật, mày ra ngoài đi!” Lúc đó hồ ly bèn ngoan ngoãn bước ra khỏi phòng. Chờ khi Hòa Thượng lễ xong, nó lại trở vào và tiếp tục ngủ trên tấm đệm bái Phật. Ngày nào cũng như vậy, trải qua một thời gian dài và hai bên trở thành như bạn đạo.

Một ngày kia, Hòa Thượng có chút hơi nóng tính. Đến lúc muốn lễ Phật, Hòa Thượng bảo nó: “Mày mà không đi ra ngay, tao sẽ đánh chết mày đấy!” Hồ ly trừng mắt nhìn một cái như không màng gì đến Hòa Thượng, rồi nó lại nhắm mắt ngủ tiếp. Có lẽ nó nghĩ đại khái là: Dù sao người xuất gia cũng có hoài bão từ bi, dùng phương tiện làm cửa ngõ. Cho nên nó không đi.

Thế là lúc bảy giờ, Hòa Thượng phát giận nói: “Sao lại thế! Thật quả là khách mà muốn lán át luôn cả chủ nhà à! Tao đánh chết mày đây!” Nói xong Hòa Thượng lấy cây gậy ra oai để dọa cho nó đi. Nhưng hồ ly vẫn không thềm để ý đến. Đang trong cơn nóng giận, Hòa Thượng quơ gậy quất xuống một hơi. Không ngờ trật tay, Hòa Thượng đánh bẻ đầu hồ ly, khiến máu chảy nhuộm đỏ cả tấm đệm lễ Phật. Quả thật là Hòa Thượng đã đánh chết nó rồi. Hòa Thượng vì phạm tội sát sanh, cho nên trong lòng hồi hận vô cùng và không biết giải quyết thế nào cho ổn thỏa. Nghiệp tội này làm sao tiêu được đây? Nghĩ qua nghĩ lại, cũng nghĩ không ra cách nào. Bỗng nhiên linh tánh Hòa Thượng chợt nhớ có người đã nói là: nếu đánh chết hồ ly và đem thịt nó cho người khác ăn thì sẽ tiêu được nghiệp sát. Thế là Hòa Thượng lột da hồ ly và đem thịt nó cho người khác ăn thì sẽ tiêu được nghiệp sát. Thế là Hòa Thượng lột da hồ ly và đem thịt cho mấy người làm công ăn - tương như vậy là đã xong chuyện.

Không ngờ bảy ngày sau, linh hồn hồ ly đến nói với Hòa Thượng rằng: “Tôi đã đến Diêm Vương tố cáo ông rồi, ông phải đền mạng cho tôi!” Hòa Thượng đang trong lúc thiền định mà nghe như vậy, cho nên kinh sợ muôn phần. Thế là Hòa Thượng bắt đầu niệm chú Đại Bi. Nhờ

sức gia trì của bài chú, hồ ly không thể đến gần Hòa Thượng, cho nên nó không có cách nào làm hại được ông. Nhưng nó cũng không chịu bỏ đi, và lúc nào nó cũng đến quấy nhiễu ông. Bảy ngày sau, hồ ly biết là tự mình không thể báo thù, nên nó đi xin viện binh. Quý vị đoán thử xem, nó xin viện binh nào đây? Thì là âm hồn binh sĩ Nhật Bản chết trận trong thời Nhật Bản xâm lăng Trung Hoa. Hồ ly chiêu tập được rất nhiều đội quân đến, rồi chúng dùng đại bác bắn vào thân Hòa Thượng. Nhưng chúng oanh tạc rất nhiều ngày cũng bắn không trúng Hòa Thượng. Tại sao? Bởi vì Hòa Thượng lo tập trung hết tinh thần để tụng trì chú Đại Bi, không rời khỏi chỗ ngồi, cho nên đạn pháo bắn không trúng mà cứ rớt rơi chung quanh Hòa Thượng.

Trải qua nhiều ngày không ăn, không uống, Hòa Thượng thực sự đã sức cùng lực kiệt. Trong phút chốc, Hòa Thượng cảm thấy tinh thần mơ màng hốt hoảng và chẳng may đầu gối bên phải của Hòa Thượng bị trúng pháo. Thế là âm binh Nhật Bản liền rút lui ngay. Hòa Thượng thoát được trận uy hiếp pháo kích, cho nên trong lòng sung sướng vô cùng vì tưởng đã hết chuyện. Vừa mới nghĩ như thế, Hòa Thượng cảm thấy đau nhức ngay chỗ bị trúng pháo. Hòa Thượng cúi đầu nhìn xuống thì thấy đầu gối bên phải mọc lên một mụn nhọt giống hình mặt người, cũng có miệng, có răng. Vết thương vừa sưng, vừa đau nhức, không thuốc men nào chữa khỏi.

Vào một ngày kia, có người nói với Hòa Thượng: “Lấy thịt mỡ đắp lên miệng mụn nhọt thì sẽ hết đau.” Hòa Thượng thử làm theo và quả nhiên có hiệu quả. Nhưng khi miếng thịt mỡ bị mụn nhọt mặt người ăn hết, Hòa Thượng lại bắt đầu bị đau nhức trở lại. Và cứ vậy mà Hòa Thượng bị mụn nhọt hành hạ hoài, khổ không kể xiết. Trải qua nhiều ngày đau đớn, Hòa Thượng chợt giác ngộ rằng: chỉ có tiêu diệt hết nghiệp chướng mới có thể khỏi khổ đau. Thế là Hòa Thượng hết lòng lo tu hành và không đếm xỉa đến sự đau nhức nữa. Hòa Thượng cố nhẫn chịu trăm phần đau đớn và nhất tâm lo lễ Phật, sám hối nghiệp sát sanh. Trải qua ba năm sau, Hòa Thượng mới hết bệnh.

Hòa Thượng này là vị chân thật tu hành, Ngài đã thường đi các nơi tham vấn, học hỏi cùng các bậc Thiện tri thức và cũng từng đi triều bái bốn ngọn núi lớn danh tiếng (Ngũ Đài Sơn, Nga Mi Sơn, Cửu Hoa Sơn, Phổ Đà Sơn) và tám ngọn đại tiểu sơn ở Trung Hoa. Hòa Thượng là vị rất có đạo hạnh. Tuy lỡ tay đánh chết hồ ly, nhưng Hòa Thượng cũng phải sám hối lễ Phật mới tiêu trừ được nghiệp chướng. Do đó

chúng ta nên biết nghiệp báo sát sanh là tệ hại nhất. Quý vị chú ý đây! Không được sát sanh mà nên làm nhiều công đức phóng sanh. Nếu quý vị tùy ý sát sanh thì sẽ bị mấy thứ bệnh kỳ quái, không cách nào chữa trị được, hoặc nữa sẽ thành người tàn phế, rồi hối hận trọn đời!

## Xuất gia

Trích Luận Tỳ Bà Sa của Bồ Tát Long Thọ

Bồ-tát nếu vào chùa  
Nên hành các oai nghi  
Cung kính và lễ bái  
Cúng dường các Tỳ-kheo.

**B**ồ-tát tại gia này nếu vào chùa Phật, đầu tiên lúc sắp vào, nơi ngoài cổng chùa, năm vóc gieo xuống đất suy nghĩ như vậy: Đây là trụ xứ của người thiện, là trụ xứ của người tu hành Không, là trụ xứ của người hành Vô tướng, là trụ xứ của người hành Vô nguyện. Đây là trụ xứ của những người hành từ bi hỷ xả, là trụ xứ của những người chánh hành, chánh niệm. Nếu thấy các Tỳ-kheo oai nghi đầy đủ, nhìn ngắm tường tận, thu giữ y bát, đi đứng, ngồi nằm, ngủ nghỉ, ăn uống, nói năng, im lặng, tới lui thư thái, đều nên xem xét. Nếu thấy Tỳ-kheo tu hành bốn niệm là xứ, hành trì của bậc Thánh, trì giới thanh tịnh, đọc tụng kinh pháp, thuần tư duy tọa thiền, thấy rồi phải nghiêm trang, tâm cung kính lễ bái, gần gũi hỏi han. Nên nghĩ như vậy:

Nếu ta Hằng sa kiếp  
Luôn ở đền thờ trời  
Thí lớn không nghĩ, bỏ  
Chẳng bằng một xuất gia.

Lúc ấy, Bồ-tát này nên nghĩ như vậy: Nếu ta mong cầu có tài sản đúng như pháp để luôn hành bố thí lớn trong Hằng sa kiếp, thì phước đức của những bố thí như vậy cũng hãy còn không bằng phát tâm xuất gia, huống gì là đã xuất gia thật. Vì sao? Vì nơi tại gia có vô số lỗi lầm xấu ác. Xuất gia có khả năng thành tựu vô lượng công đức. Tại gia thì ồn ào, xuất gia thì thanh vắng. Tại gia thì gắn liền với ô trược, xuất gia thì không bị lệ thuộc. Tại gia là nơi chốn hành ác, xuất gia là nơi chốn hành tác thiện. Tại gia thì nhuộm đủ bụi nhơ, xuất gia thì lia khỏi các thứ trần cấu. Tại gia thì ngập

trong bùn lầy năm dục, xuất gia thì lìa khỏi bùn lầy năm dục. Tại gia khó có được thọ mạng thanh tịnh, xuất gia thì dễ có được thọ mạng thanh tịnh. Tại gia thì nhiều kẻ oán, xuất gia thì không có kẻ oán. Tại gia thì nhiều phiền phức trở ngại, xuất gia thì không phiền phức trở ngại. Tại gia là nơi chốn lo buồn, xuất gia là nơi chốn vui mừng. Tại gia là cửa của đường ác, xuất gia là cửa của lợi ích. Tại gia là trói buộc, xuất gia là giải thoát. Tại gia thì lo sợ đủ thứ, xuất gia thì không lo sợ điều gì. Tại gia thì bị đánh đập, xuất gia thì không bị đánh đập. Tại gia có đao, kiếm, xuất gia thì không có đao, kiếm. Tại gia có hối tiếc, nóng nảy, xuất gia thì không có hối tiếc, nóng nảy. Tại gia mong cầu nhiều nên khổ, xuất gia không mong cầu nên vui. Tại gia thì cười đùa ồn ào, xuất gia thì vắng lặng. Tại gia thì đáng thương xót, xuất gia thì tránh khỏi đáng thương xót. Tại gia thì sâu lo, xuất gia thì không sâu lo.

Tại gia thì thấp kém, xuất gia thì cao quý.

Tại gia thì vầy vùng, xuất gia thì tịch tĩnh.

Tại gia là kẻ khác, xuất gia tức là chính mình.

Tại gia thì ít có uy lực, xuất gia thì có nhiều uy lực.

Tại gia thì tùy thuận cửa nhơ, xuất gia thì tùy thuận cửa tịnh.

Tại gia vướng nhiều gai góc, xuất gia thì phá trừ gai góc.

Tại gia thì thành tựu pháp nhỏ, xuất gia thì thành tựu pháp lớn.

Tại gia thì hành tạo bất thiện, xuất gia thì tu thiện.

Tại gia thì có hối tiếc, xuất gia thì không hối tiếc.

Tại gia thì tăng thêm biển nước mắt, sữa, máu, xuất gia thì làm khô biển nước mắt, sữa, máu.

Tại gia thì bị chửi Phạt, Phạt-bích-chi, Thanh-văn quở trách, xuất gia thì được chửi Phạt, Phạt-bích-chi, Thanh-văn khen ngợi.

Tại gia thì không biết đủ, xuất gia thì biết đủ.

Tại gia thì ma vui, xuất gia thì ma lo.

Tại gia thì về sau có suy tàn, xuất gia thì không có suy tàn.

Tại gia thì dễ bị phá, xuất gia thì khó bị phá.

Tại gia là nô bộc, xuất gia là làm chủ.

Tại gia thì ở mãi nơi sinh tử, xuất gia thì hoàn toàn đến Niết-bàn.

Tại gia thì rơi vào hầm sâu, xuất gia thì ra khỏi hầm sâu.

Tại gia thì tối tăm, xuất gia thì sáng tỏ.

Tại gia thì không thể hàng phục các căn, xuất gia thì có khả năng hàng phục các căn.

Tại gia thì kiêu mạn lắm lời, xuất gia thì khiêm tốn.

Tại gia thì thô lậu, xuất gia thì tôn quý.

Tại gia thì có nguyên do, xuất gia thì không có nguyên do.

Tại gia thì bận rộn nhiều việc, xuất gia thì ít việc.

Tại gia thì quả nhỏ, xuất gia thì quả lớn.

Tại gia thì đua nịnh, quanh co, xuất gia thì chân chất, ngay thẳng.

Tại gia thì nhiều lo toan, xuất gia thì nhiều hoan hỷ.

Tại gia thì như tên bắn vào thân, xuất gia thì thân thoát khỏi tên bắn.

Tại gia thì có bệnh tật, xuất gia thì như bệnh đã lành.

Tại gia hành pháp ác nên mau già, xuất gia hành pháp thiện nên trẻ mạnh.

Tại gia thì phóng dật là chỗ chết, xuất gia thì có đời sống trí tuệ.

Tại gia thì lừa dối, xuất gia thì chân thật.

Tại gia thì mong cầu nhiều, xuất gia thì ít mong cầu.

Tại gia thì uống nước xen độc, xuất gia thì uống nước cam lồ.

Tại gia thì bị nhiều thứ xâm hại, xuất gia thì không bị xâm hại.

Tại gia thì bị suy tổn, xuất gia thì không bị suy tổn.

Tại gia thì như trái cây độc, xuất gia thì như trái cam lồ.

Tại gia thì oán ghét hòa hợp, xuất gia thì lìa khỏi cái khổ do oán ghét phải gặp nhau.

Tại gia thì khổ vì ái biệt ly, xuất gia thì thân ái hòa hợp.

Tại gia thì si mê trầm trọng, xuất gia thì si mê nhẹ.

Tại gia thì mất hạnh tịnh, xuất gia thì được hạnh tịnh.

Tại gia thì thâm tâm bị phá, xuất gia thì thâm tâm thành tựu.

Tại gia thì không ai cứu vớt, xuất gia thì được cứu độ.

Tại gia thì hoàn toàn cô độc, xuất gia thì không còn cô độc.

Tại gia thì không có nhà, xuất gia thì có nhà.

Tại gia thì không có nơi quay về, xuất gia thì có nơi quay về.

Tại gia thì nhiều giận dữ, xuất gia thì nhiều từ bi.

Tại gia thì mang gánh nặng, xuất gia thì bỏ gánh nặng.

Tại gia thì sự việc không cùng, xuất gia thì không có sự việc.

Tại gia thì tội hội tụ, xuất gia thì phước hội tụ.

Tại gia thì khổ não, xuất gia thì không khổ não.

Tại gia thì có nóng bức, xuất gia thì không nóng bức.  
Tại gia thì có tranh cãi, xuất gia thì không có tranh cãi.

Tại gia thì có nhiệm chấp, xuất gia thì không có nhiệm chấp.

Tại gia thì có ngã mạn, xuất gia thì không có ngã mạn.

Tại gia thì quý tiền của, xuất gia thì quý công đức.

Tại gia thì có tai họa xâm hại, xuất gia thì không có tai họa xâm hại.

Tại gia thì giảm mắt, xuất gia thì tăng ích.

Tại gia thì dễ được, xuất gia thì khó gặp, ngàn vạn kiếp mới gặp một lần.

Tại gia thì dễ làm, xuất gia thì khó làm.

Tại gia thì xuôi dòng, xuất gia thì ngược dòng.

Tại gia thì trôi nổi, xuất gia thì nương nơi bờ.

Tại gia thì bị phiền não nhận chìm, xuất gia thì có cầu bước qua.

Tại gia là bờ bên này, xuất gia là bờ bên kia.

Tại gia thì bị trói buộc, xuất gia thì lìa trói buộc.

Tại gia thì mong kết hận, xuất gia thì lìa kết hận.

Tại gia thì theo pháp quan, xuất gia thì theo pháp Phật.

Tại gia thì có những biến cố, xuất gia thì không có biến cố.

Tại gia thì có quả khổ, xuất gia thì có quả vui.

Tại gia thì vội vã hấp tấp, xuất gia thì oai nghi cẩn trọng.

Tại gia thì dễ được bạn, xuất gia thì khó được bạn.

Tại gia thì lấy vợ làm bạn, xuất gia thì lấy tâm kiên định làm bạn.

Tại gia thì bước vào vòng vây, xuất gia thì mở bỏ vòng vây.

Tại gia thì cho xâm hại người là quý, xuất gia thì cho đem lợi ích cho người là quý.

Tại gia thì quý tài thí, xuất gia thì quý pháp thí.

Tại gia thì nắm giữ cờ ma, xuất gia thì nắm giữ cờ Phật.

Tại gia thì có xứ quay về, xuất gia thì phá bỏ hết xứ quay về.

Tại gia thì tăng trưởng thân, xuất gia thì lìa thân.

Tại gia thì đi vào bụi rậm, xuất gia thì ra khỏi bụi rậm.

Lại nữa:

Lại nơi người xuất gia  
Tâm nên hâm mộ sâu.

Bồ-tát tại gia này suy nghĩ về công đức của hạnh xuất gia như vậy, đối với người xuất gia tâm nên hâm mộ: Biết đến lúc nào ta mới được xuất gia, có được công đức như vậy?

Biết đến lúc nào ta mới được xuất gia, để thứ lớp hành trì pháp của Sa-môn như: Thuyết giới, an cư, bố tát, tụng, ngồi theo thứ bậc?

Biết đến lúc nào ta mới được mặc pháp y luân tu của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến mà Thánh nhân đã mặc?

Biết đến lúc nào ta mới được mang hình tướng Thánh nhân?

Biết đến bao giờ ta sẽ được sống nơi chốn Tông lâm thanh vắng?

Biết đến bao giờ ta mới được mang bình bát khát thực, được cho hay không được cho, nhiều ít, ngon dở, lạnh nóng, tuần tự thọ nhận để nuôi thân, như bôi mỡ vào xe?

Biết đến bao giờ ta mới có thể đối với tám pháp thế gian tâm không lo, mừng?

Biết đến bao giờ ta mới đóng chặt cửa sáu căn,

như buộc giữ chó, nai, cá, rắn, khi, chim. Chó thì ưa ở thôn xóm, nai thì ưa núi đầm, cá thì ưa sông ở ao hồ, rắn thì ưa ở hang, khi thì ưa nơi rừng sâu, chim thì nương nơi hư không. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thường ưa thích sắc thanh hương vị xúc pháp, không phải là hàng phạm phu trí cạn, chí yếu kém có thể hàng phục được. Chỉ có bậc trí tuệ, kiên tâm, chánh niệm, mới có khả năng

hàng phục lũ giặc sáu căn này, không cho chúng gây tai họa, tự tại, không lo sợ?

Biết đến bao giờ ta mới vui thích được tọa thiền, đọc tụng kinh pháp, vui thích cắt đứt phiền não, tu những pháp thiện, vui mặc áo xấu chỉ đủ để che thân. Nhớ lại lúc trước, khi còn ở tục, hành nhiều phóng dật. Nay được lợi mình lại lợi người, nên phải siêng năng tinh tấn?

Biết đến bao giờ ta mới thuận theo đạo pháp của Bồ-tát đã hành trì?

Biết đến bao giờ ta mới được cũng vì thế gian làm phước điền vô thượng?

Biết đến bao giờ ta mới lìa khỏi nẻo tội tử của ân ái?

Biết đến bao giờ ta mới được ra khỏi địa ngục gia đình?

## Mộng

Bao năm tích góp đồ mờ hôi  
Bổng hóa tay không chẳng mấy hồi  
Người của lợi danh nào khác mộng  
Sáng còn tối mất có rồi không  
Quả đúng như lời kinh Phật dạy  
Kiếp sống trần ai giấc mộng dài !

Nguyễn Phước Huệ



Như nói:

Lễ kính các chùa tháp  
Nhờ Phật sinh ba tâm.

Bồ-tát tại gia này đã kính mộ người xuất gia. Nếu khi vào tháp chùa kính lễ Phật nên sinh ba tâm là:

1. Biết đến khi nào ta mới được nhận lãnh sự cúng dường của các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân?
2. Biết đến bao giờ ta mới được thần lực như Xá-lợi lưu hành khắp thế gian tạo lợi ích cho chúng sinh?
3. Hôm nay, tâm sâu xa của Ta hành tinh tấn lớn, sẽ được quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thành Phật rồi sẽ nhập Niết-bàn vô dư.

Lại nữa:

Khi đến các Tỳ-kheo  
Theo nơi hành phụng sự  
Im lặng nghe lời dạy  
Giúp kẻ thiếu không tiếc.

Sau khi kính lễ tháp xong, Bồ-tát này lại đến cầu hành tác nơi các Tỳ-kheo thuyết pháp, nơi người trì luật, người đọc tụng kinh điển Phật, người đọc tụng Tạng Luận, người đọc tụng Bồ-tát, người sống ở Alan-nhã, người mặc nạp y, người khát thực, người ăn một bữa trong ngày, người ngồi yên, người quá ngộ không uống nước, người chỉ có ba y, người mặc y vải thô, người trải tòa ngồi tùy thuận, người ở bên gốc cây, người ở gò mả, người ở chỗ đất trống trải, người ít dục, người biết đủ, người xa lìa, người ngồi thiền, người khuyến hóa v.v... Tất cả các vị ấy, Bồ-tát đều nên phụng sự đúng theo pháp hành của các Tỳ-kheo.

## tam bộ nhất bái

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

**Ngày 23 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:**

**H**ôm nay tương đối không có chuyện gì xảy ra, vài người ngừng lại hỏi chuyện chúng tôi. Mưa rơi từng cơn, lúc có lúc không. Những ngày bình thản như vậy thì khó mà diễn tả được, dù vậy chúng vẫn có sự quan trọng như thường nhật. Sự quan trọng đó chính là phải luôn tinh tấn. Tinh tấn đứng hàng thứ tư của Lục Độ Ba La Mật. Tinh Tấn Ba La Mật có nghĩa là sau khi chọn được pháp môn hoặc phương pháp tu hành thích hợp thì ta phải cương quyết thực hành. Chẳng hạn như phải có cái

nhìn xa về lợi ích của sự tọa thiền đều đặn theo đúng thời gian quy định, hơn là hôm nay ngồi thật lâu, rồi ngừng cho đến hai, ba ngày sau mới tiếp tục. Thật ra nên giống như từng bước đi vững vàng đều đặn theo nhịp độ trong lúc lễ lạy vậy. Nhưng những bước tiến mạnh mẽ này sẽ bị tổn hao mỗi khi có sự ngừng thối, dù chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Tinh tấn không có nghĩa là chạy vòng vòng để rồi tán loạn khí lực trong mê sảng, mà nên dụng công bền bỉ như cái chìa khóa để khai mở. Nếu tu trì giới luật thì sự tinh tấn cũng sẽ luôn tăng tiến. Chúng ta sẽ ngủ ít hơn và nhanh chóng biết cách khổng chế nguồn năng lực mới phát hiện này.

Con đường dẫn vào nội địa rất ngoằn ngoèo vì những bờ dốc núi vịnh Thái Bình Dương. Nó bị ngắt đứt một khoảng thành khe hở rất rộng ngay chỗ giòng suối Elk chạy đổ ra biển. Nhưng khi qua khỏi suối thì con đường lại uốn vòng trở về phía biển. Thấy có căn chòi, dù không cửa nẻo, nhưng mái nhà cũng còn kha khá nên chúng tôi dọn vào để được một đêm nghỉ ngơi khô ráo.

**Ngày 24 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:**

Chúng tôi ra khỏi quận Elk vào sáng thứ bảy đầy nắng ấm. Vài người ngừng lại hỏi chuyện, hoặc chào hỏi, không có gì đáng xảy ra. Tuy nhiên trên đường ra khỏi quận, mấy bánh xe bằng nhôm nhựa của chiếc xe kéo trung thành của tôi bị xẹo mẹp xuống. Nó không chịu nổi sức nặng của đồ đạc, hoặc vì mỗi ngày chúng tôi lo kiếm chỗ cắm trại nên đã rời đường cái và lồi nó đi trên những nơi gập ghềnh lồi lõm chồm. Tôi phải dọn hết đồ trong xe ra và tìm nơi cất dấu, rồi sau đó đi ngược trở lại chỗ sửa xe ở Elk. Tôi bày cách ông thợ máy dùng bánh xe máy cắt cỏ để lấp thế vào. Ông thợ kể lể rằng: Trong đời ông đã từng thấy qua mấy cuộc du hành kỳ cục trên tuyến lộ này rồi. Chẳng hạn như có lần ông sửa chữa một thùng đựng bia mà người ta đã lặn từ San Francisco tới vùng Olympia ở Washington. Và bây giờ thì sửa cái xe kéo của chúng tôi. Chỗ sửa xe này cũng là nơi tụ tập của dân rảnh rang trong quận, kế bên lại là quán rượu. Lúc bấy giờ có một số người đã bắt đầu kéo đến để nghe ngóng "chuyện" chúng tôi. Có ông nói việc chúng tôi làm là tuyệt diệu, ông khác lại đưa ý rằng Thầy Hằng Cự dùng vải để bao đầu gối, cách đó

có vẻ như là gian lận. Tôi lễ phép bảo rằng mọi người làm việc theo nhiều cách khác nhau, và khi Thầy Hằng Cụ phát nguyện lay một ngàn dặm thì Thầy có thể tùy ý thực hiện bằng bất cứ phương pháp nào.

Hôm nay chiếc xe kéo đã được sửa xong. Chúng tôi cắm trại gần bên con suối, về hướng bắc quận này. Tôi đến tôi tắm toàn bằng nước lạnh như đá. Ái da!

### **Ngày 25 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Do viết:**

Chúng tôi chậm chậm tiến về hướng bắc, đến mỗi tỉnh nhỏ, tôi như càng quen thuộc hơn với những tiệm giặt và buru điện, vì thường đến đó là để sấy khô đồ đạc, hoặc điện thoại liên lạc về Kim Sơn.

Hôm nay Pháp Sư Hằng Thủ và hai vị Ưu Bà Tắc là Quả Quy và Quả Hồi đến lúc giờ ăn trưa. Khoảng mười phút sau gia đình Klein cũng đến để cúng dường bữa ăn. Sau đó Quả Hồi ở lại cùng chúng tôi lễ lay được một khoảng đường.

Tôi lật bản đồ ra nghiên ngắm và cố ghi lại trong tâm địa điểm hiện tại, đồng thời cũng xem xét đường xa phía trước. Những giới luật mà Phật tử trì giữ bằng nhiều cách ví như tắm bản đồ vậy. Khi chúng ta muốn đến một nơi nào thì bản đồ sẽ chỉ dẫn trực thẳng đường hướng. Cũng như chúng ta quyết tâm tìm giác ngộ cứu cánh thì những lời chỉ dạy của những bậc Hiền Thánh cũng giống như sự hướng dẫn đưa đường cho chúng ta vậy. Giới luật này còn có thể gọi là "Bản đồ dẫn đạo," nó chỉ rõ cho chúng ta con đường trực chỉ nhất để đến quả vị Phật. Một khi theo đúng lời chỉ dẫn, chúng ta sẽ tránh được những lầm lẫn và khỏi phải lãng phí công sức.

Giới luật là những điều răn có tính cách luân lý đạo đức, nhằm ngăn ngừa những hành động có thể làm tổn hại chính bản thân hoặc kẻ khác. Giới luật cũng là nền căn bản thực hành thiền định để phát sanh trí huệ, đã được giảng rõ trong Tam Tạng Kinh Luật Luận. Cách tốt nhất để học giới luật là phải đăng đàn thọ giới từ những bậc cao tăng tịnh hạnh, đã có công phu tu tập từ hai mươi hoặc ba mươi năm. Vì những vị này đã tu trì những giới đức tịnh hạnh thuần thực nên tâm đã không còn dính mắc,

phân biệt. Các thầy Tỳ Kheo ở Trung Hoa, sau khi thọ giới thường có ít nhất năm năm đầu, phải chuyên tâm tu học để tận tường giới luật và biết cách áp dụng vào những sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày. Sau đó họ mới được phép bước chân vào thiền đường.

### **Ngày 26 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cụ viết:**

Tôi và Quả Hồi lay được bốn dặm thì phải dừng lại, vì mục nhọt ở đầu gối tôi bị sứt bể. Chúng tôi đành quay về căn chòi nhỏ, vốn là một cái vỏ mục nát, nằm trên bờ dốc cao ba trăm feet (khoảng 91 mét), hướng thẳng xuống bãi cát. Thầy Hằng Do dọn dẹp gọn ghẽ được một phòng, phần còn lại thì không khác gì cái chuồng heo. Có cái giường sắt đã hư gãy nằm nghiêng ngả trên mấy khúc cây gần bên cửa sổ phía tây. Xưa kia chắc đã có những cặp tình nhân từng ngồi đây ngắm nhìn bờ biển mênh mông. Bây giờ thì lại là những dây leo mỏng mảnh bằng ngón tay, bò dấn sát xuyên vào những khe cửa kiếng bể. Ngoài phòng khách có cặp nệm mục nằm im lìm trên sàn nhà, chung quanh đầy những đĩa bể, muông nia rỉ sét và những cái lon không. Tôi dọn sạch được cái ghế bành để ngồi nghỉ, khi ngoài kia tiếng gió đêm đang vi vu len lỏi vào chòi.

### **Ngày 27 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cụ viết:**

Đêm qua tôi mơ thấy mình lội qua một con sông sâu thăm thẳm, và khi tới giữa sông thì bị nước xoáy cuốn nhận chìm lìm xuống. Tôi nhớ là khi nhìn lên thì thấy mặt nước từ từ xa dần, xa dần, rồi chìm sâu xuống cả hàng trăm hải lý. Được một lúc tôi chợt có ý nghĩ là mình đã chết, nhưng đó chẳng là vấn đề vì tôi không đau đớn chi mà chỉ cảm thấy rất an lạc. Sau đó tôi từ từ trôi lên mặt nước và đi trở lại chỗ có nhóm người đang tụ họp. Việc đầu tiên tôi cảm

nhận rằng mình như khác hẳn, và thấy những người đó vẫn còn đang vẫy vùng khổ sở trong thế giới mộng ảo của chính họ. Riêng tôi khi trở về từ nơi sâu thẳm, sau khi rời bỏ cái chết của chính mình, nên mới được tự do. Vẫn trong sự hiểu biết này tôi giựt mình thức giấc và thấy

## **Căn trần thức**

Tâm Phật định không duyên trần thức

Thân người đời dụng hết cả ba

Nghiệp theo trần thức mà ra

Căn trần thức vọng dẫn ta luân hồi

Muốn tìm an lạc thành thoi

Bỏ duyên trần thức về nơi Niết Bàn.

Nguyễn Phước Huệ

mình còn ngồi chờ trong chòi. Bây giờ việc lễ lạy một ngàn dặm chỉ là chuyện nhỏ nhoi thôi.

Vì cơn bão vẫn hoành hành nên chúng tôi ở lại trong chòi để dựng công tham thiền.

**Ngày 28 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cụ viết:**

Chúng tôi vẫn còn kẹt lại trong chòi vì trận bão. Ồ! Dĩ nhiên là trong lúc này chúng tôi mới hiểu được bài học biết ơn về giá trị quý báu của bốn bức tường và một mái nhà. (còn tiếp)

## **Hành hương tứ động tâm Ấn Độ- Miến Điện từ ngày 30/10 đến ngày 25/11/2011**

Vào tháng 11 năm 2011, Chùa Kim Quang dự định sẽ hành hương chiêm bái trở lại Tứ Động Tâm quê hương của Đức Phật. Mặc dù đã đến đánh lễ chiêm bái vài lần rồi, nhưng đất Phật vẫn có một sức hút mãnh liệt đối với những người con Phật. Cho nên mỗi năm vào mùa thu cho đến mùa xuân, hàng ngàn người con Phật khắp nơi trên thế giới đều đến đánh lễ chiêm bái, tu tập. Mặc dù đã trải qua hơn 25 thế kỷ, bây giờ chỉ còn là những Thánh tích, hoang tàn, nhưng mỗi lần đến lễ bái, có một cảm giác an lạc linh thiên kỳ lạ khó tả được, chỉ có sự cảm nhận trong tâm của mỗi người. Những nơi này là Thánh địa của chư Phật, đều thị hiện tu hành ở đây, mặc dù chỉ còn là Thánh tích, nhưng chỉ có những người hữu duyên mới đến được. Có những người muốn đi, nhưng gặp không ít trở ngại, khó khăn, vẫn không đến được. Cho nên những người đi đến được, đều là những người hữu duyên, nên mừng cho sự may mắn của mình. Mỗi lần đi hành hương, không đơn thuần là hành hương, mà còn có sự tu tập, và đức Phật cũng đã từng nói, sau này nếu có những ai đến đánh lễ chiêm bái Tứ Động Tâm, nơi Đức Phật Đản Sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, vào Niết Bàn, được sự lợi lạc không thể nghĩ bàn. Là Phật tử nên đi đến đánh lễ chiêm bái Tứ Động Tâm ít nhất là một lần trong đời, nếu ai có phương tiện đến nhiều lần thì càng tốt.

Cho nên để tạo phương tiện cho những người nào đã từng đi, hoặc chưa đi, muốn đến đánh lễ chiêm bái Tứ Động Tâm Ấn Độ, nên Chùa Kim Quang sẽ tổ chức chuyến hành hương sắp đến vào tháng 11/2011.

Và lần này có dự định ghé đến Miến Điện, để hành hương chiêm bái đánh lễ Xá Lợi Phật và các Chùa ở

Miến Điện. Miến Điện cũng là xứ Phật giáo nam truyền, có rất nhiều chùa chiền và chư Tăng.

**Chương trình hành hương:**

- **30/10/2011** : Khởi hành đi Ấn Độ ✈.

- **31/10/2011** : Các đoàn đến phi trường New Delhi. Đón các vị về khách sạn nghỉ ngơi.

- **01/11/2011** : Đánh lễ xá lợi Phật tại viện Bảo Tàng quốc gia, tham quan tòa nhà quốc hội, công India Gate và các thắng cảnh tại New Delhi. Nghỉ tại khách sạn.

- **02/11/2011**: Đi tham quan kỳ quan Taj Mahal và công trình kiến trúc Thành Đô vĩ đại của tại Agra. Chiều trở về New Delhi, nghỉ tại khách sạn.

- **03/11/2011** : Ra phi trường ✈ New Delhi bay đến Thành Ba La Nại. Chiêm bái tháp Chuyển Pháp Luân tại vườn Lộc Uyển (nơi Đức Phật thuyết Pháp lần đầu tiên cho năm anh em Ngài Kiều Trần Như). Đánh lễ Xá Lợi Phật. Nghỉ tại khách sạn.

- **04/11/2011** : Thành Ba La Nại, sáng sớm đi tham quan sông Hằng (Một trong những con sông lớn nhất Ấn Độ, và rất nổi tiếng trong Phật giáo). Nghỉ tại khách sạn.

- **05/11/2011** : Rời thành Ba La Nại đến thành Xá Vệ. Chiêm bái Tịnh Xá Kỳ Viên, Vườn Cấp Cô Độc. Nghỉ tại khách sạn.

- **06/11/2011**: Rời thành Xá Vệ đi đến Vườn Lâm Tì Ni. Chiêm bái đánh lễ Vườn Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật đã thị hiện ra đời và viếng thăm các Chùa Việt Nam tại đây. Nghỉ tại khách sạn.

- **07/11/2011** : Viếng thăm các Chùa Tây Tạng, Chùa Hàn Quốc .v.v... và thành Ca Tỳ La Vệ, chân núi Hy Mã Lạp Sơn. Nghỉ tại khách sạn.

- **08/11/2011**: Rời Vườn Lâm Tì Ni, đi đến Thành Tỳ Xá Ly (Kinh đô của nước Xá Vệ thời xưa). Viếng thăm các Chùa và các Thánh tích tại đây. Nghỉ tại khách sạn.

- **09/11/2011**: Rời Lâm Tì Ni đi đến Câu Thi Na. Chiêm bái Chùa Đại Niết Bàn, nơi Đức Phật thị hiện vào Niết Bàn, Bảo tháp Ramabhar tưởng niệm nơi trà tỷ nhục thân Đức Phật, và các Chùa thắng tích Phật giáo tại đây. Nghỉ tại khách sạn.

- **10/11/2011**: Rời Câu Thi Na đến Thành Vương Xá. Tham quan thành Vương-Xá nước Ma-Kiệt-Đà (Trung tâm văn hoá Phật giáo bậc nhất thời Phật tại thế). Chiêm bái hương thất Đức Phật trên núi Linh Thú, thạch thất của hai

Tôn giả Xá-Lợi-Phất và A-Nan, nền nhà Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang, Thăm tháp Hoà Bình, nhà tù nơi vua A-Xà-Thế nhốt vua cha Tần-Bà-Sa-La, Trúc Lâm Tinh xá, Đại học Nalanda, nhà kỷ niệm Ngài Huyền Trang (Huyền Trang Kỷ Niệm Đường) .v.v... Nghỉ tại khách sạn.

- **11/11/2011:** Rời Thành Vương Xá đi đến Bồ Đề Đạo Tràng. Chiêm bái Đại Tháp Giác Ngộ, Bồ Đề Linh thọ, Kim Cang Toà nơi Đức Phật nhập Đại Định và thành Phật. Nghỉ tại khách sạn hoặc Chùa Viên Giác.

- **12/11/2011:** Đi tham quan làng Sujata nơi Đức Phật nhận bát cháo sữa, và sông Ni-Liên Thiên, khổ hạnh lâm, nơi đức Phật tu khổ hạnh sáu năm. Nghỉ tại khách sạn hoặc Chùa Viên Giác.

- **13/11/2011:** Tại Bồ Đề Đạo Tràng. Sáng sớm ngồi thiền, tụng kinh, đánh lễ xá lợi Phật ở Chùa Miến Điện, tham quan các Chùa các nước tại Bồ Đề Đạo Tràng. Nghỉ tại khách sạn hoặc Chùa Viên Giác.

- **14/11/2011:** Ra phi trường ✈ đi Rangoun (Miến Điện). Đến Miến Điện, về khách sạn nghỉ ngơi. Sau đó đi đánh lễ Đức Phật nằm Chaukhatatgyi dài 70 mét, cao 17 mét, dưới bàn chân có 108 tướng, và Chùa Sulé ở trung tâm thành Phố, tham quan Công viên Đông Phương. Tối nghỉ tại khách sạn.

- **15/11/2011:** Khởi hành đi tham quan Đá Vàng, Chùa và thắng cảnh nổi tiếng cách thủ đô khoảng 250 cây số. Tối nghỉ tại khách sạn.

- **16/11/2011 :** Trở về Rangoun tham quan Chùa Shwemawdaw ở thành phố Bago, ngôi chùa cao nhất nước, với tượng Phật nằm dài 55 mét, cao 16 mét, và 4 tượng Phật ngồi. Thành phố Bago là cổ đô xưa của triều đại nhà Mon trải dài 16 thế kỷ. Tối nghỉ tại khách sạn.

- **17/11/2011 :** Ra phi trường ✈ bay tới Bagan, cổ đô của Miến Điện có hơn 3.000 ngôi chùa và tháp cổ. Tham quan Chùa Dhamayazigha, Chùa vàng Payathonezu từ thế kỷ thứ 13, Chùa Tayokepyay của triều đại Kyatkan và làng Minnanthu. Chùa Manuha, Chùa Nanpaya và Chùa Shwesandraw. Tối nghỉ tại khách sạn.

- **18/11/2011 :** Tại Bagan đi tham quan Chùa Shwezigon, Chùa Gubyaukgyi, Chùa Htilominlo, Chùa Ananda rất đẹp từ thế kỷ 18 và các Chùa Dhamayangyi, Chùa Pyatthagyi. Tối nghỉ tại khách sạn.

- **19/11/2011:** Khởi hành đi Mont-Popa (70 km, đi xe bus khoảng 1 tiếng rưỡi). Tham quan các thắng cảnh và hãng xưởng của thành phố. Tối nghỉ tại khách sạn.

- **20/11/2011 :** Ra phi trường Bagan ✈ bay đến Mandalay - Amarapura, thành phố cổ từ cuối thế kỷ

thứ 18, triều đại vua chúa cuối cùng của Miến Điện. Tham quan Chùa Mahagandayon có khoảng 1200 vị Sư ở đây. Tham quan cây cầu gỗ dài nhất thế giới (1,2 km). Trên đường đi tham quan hãng tơ lụa làm bằng thủ công nghệ. Tối nghỉ lại khách sạn.

- **21/11/2011 :** Lên thuyền đi tham quan Chùa có Chuông Vàng nặng 90 tấn, chuông nặng nhất ở Miến Điện. Trở về Mandalay bằng thuyền. Tham quan hãng chế tạo lá bằng vàng, có tượng Phật Thích Ca dát khoảng hơn 10 ngàn lá vàng do Phật tử cúng, trải qua nhiều thế kỷ. Tham quan Chùa Shwenandaw, Chùa gỗ đẹp nhất xứ Miến Điện và Chùa Kuthodaw, có "thư viện đá" với khoảng 729 tấm đá hoa cương trắng khắc Kinh lên. Ngắm hoàng hôn trên đồi Mandalay. Tối nghỉ tại khách sạn.

- **22/11/2011 :** Từ Mandalay ra phi trường bay ✈ về Rangoun. Về Rangoun đi khu siêu thị Bogyoke, mua sắm tượng Phật, chuỗi tràng, đồ kỷ niệm. v.v... Tham quan Chùa Vàng Shwedagon, nổi tiếng nhất ở Miến Điện. Nghỉ tại khách sạn.

- **23/11/2011 :** Tại Rangoun đi khu phố Tàu, tham quan các thắng cảnh nổi tiếng ở đây. Nghỉ ngơi. Nghỉ tại khách sạn.

- **24/11/2011:** Ra phi trường ✈ trở về bản xứ.

- **25/11/2011 :** Về đến bản xứ\*.

Quý vị nào muốn hành hương Đất Phật Tứ Động Tâm Ấn Độ, và Miến Điện xin liên lạc về Chùa Kim Quang để ghi danh, càng sớm càng tốt. Chi phí hành hương bao gồm vé máy bay khứ hồi, khách sạn 3 sao (phòng/2 người), ăn uống, di chuyển xe Car có máy điều hoà, 2 chuyến máy bay nội địa Ấn Độ và 3 chuyến bay nội địa Miến Điện, vé vào cửa đền Taj Mahal và cáp treo lên núi Linh Thứu, vé các cửa tham quan ở Miến Điện, visa, bảo hiểm, thuê phi trường, tổng cộng là 2680 Euros. Khi ghi danh đóng trước khoảng 1000 Euros. Và Hộ Chiếu (Passeport) phải còn giá trị ít nhất là 6 tháng, và 6 tấm hình (Visa Ấn Độ, Népal và Miến Điện). Phần còn lại đóng 2 tháng trước khi đi. Hạn chót ghi danh là 15/07/2008. Nên ghi danh càng sớm càng tốt, vì số người có giới hạn. Mọi chi tiết xin liên lạc về Chùa Kim Quang 75 Allée Circulaire - 93600 Aulnay Sous Bois - email: kimquangtu@hotmail.com - tel: 01.48.69.01.24.



# La clé de l'éveil

Vénérable Maître Hsuan-Hua

Que doit faire l'homme pour s'éveiller ? S'éveiller c'est comme ouvrir une serrure. On utilise une serrure pour fermer la porte de la maison interdisant toute entrée et sortie. C'est pourquoi, vous devez posséder une clé pour l'ouvrir. Sinon, vous restez enfermé à jamais, à l'intérieur. Mais alors, où est cette clé ? Elle se trouve juste en vous, facile à la trouver. Et comment faire pour la chercher ? En pratiquant sérieusement la méditation, la récitation du nom du Bouddha, du Mantra, vous êtes en train de la chercher. Quand est-ce qu'on la trouvera ? Cela dépend de votre capacité pratiquante pour pouvoir en décider. Celui qui progresse rapidement la trouvera en très peu de temps. Par contre, celui qui se laisse aller, qui se



relâche, ne la trouvera jamais, non seulement, le long de cette vie, mais également dans la vie future. C'est une théorie toute simple.

Si vous êtes enfermé dans votre conscience, vous êtes dans l'obscurité, cela s'appelle : ignorance (manque de lumière). Cette ignorance cache, voile la lumière de votre conscience et la transforme en une conscience obscure (souillée). Face à des circonstances, si vous n'êtes pas doué suffisamment de clairvoyance de sagesse pour juger, distinguer le bien du mal, alors vous agiriez d'une façon plus au moins insensée. Mais si vous aviez pratiqué d'une façon intensive, de toutes vos forces, vous arriveriez à briser cette ignorance. Vous auriez trouvé votre clé, votre conscience enfermée jusque là s'ouvrirait, deviendrait transparente. Apparaîtrait alors la lumière de la sagesse qui vous aiderait à résoudre tous les problèmes sans le moindre souci.

Que veut dire ignorance ? C'est tout simplement : ténèbres, obscurité, pas de connaissance. Ignorant la vérité, l'homme s'enferme dans cette conscience, c'est pourquoi, il ne s'éveille jamais. Sous la dynastie des Đường, à l'époque du roi Tống-Đế, il existait un eunuque nommé Ngu-Triêu-Ân. Celui-ci, un jour, posait au conseiller du roi la question suivante : « Que veut dire ignorance ? ». Ce dernier lui répondit : « Vous n'êtes qu'un simple esclave, vous n'êtes pas en mesure de poser des questions concernant le Bouddha dharma ? » Ayant à peine entendu ces paroles, l'eunuque se mit en colère. Tout en souriant, le conseiller lui répondit : « Voilà, c'est

précisément le sens du mot : ignorance ». On dit aussi que : « Le feu de l'ignorance peut détruire toute une forêt de bénédictions ».

Celui qui a réuni toutes les conditions pour s'éveiller dans cette vie, c'est parce qu'il avait déjà planté de bonnes

Thất của đức Phật trong vườn Cấp Cô Độc

semences durant plusieurs vies

précédentes. Sinon il ne se serait jamais éveillé dans cette vie. Vous voulez tous vous éveiller, n'est-ce pas ? Tout d'abord, vous devriez vous préparer et vous mettre à pratiquer, c'est votre seule chance qui puisse vous aider à vous éveiller.

Pourquoi Bouddha Sakyamuni est-il devenu Bouddha durant cette vie ? En réalité, durant trois Asamkhyaskalpas, Bouddha avait pratiqué des bénédictions et sagesse, et durant cent Grands Kalpas il avait pratiqué pour obtenir trente-deux traits divins et quatre-vingt signes magnifiques. De ce fait, en s'asseyant au pied de l'Arbre Boddhi, et au milieu de la nuit, en regardant l'étoile du matin scintillant dans le ciel, Il s'éveilla. S'Il n'avait pas pratiqué dans ses vies antérieures, Il ne se serait jamais éveillé dans cette vie présente.

Conférence donnée le 12-07-1980

# La science : bonheur ou malheur?

## Une invention bénéfique ou une tasse de thé empoisonnant?

Vénérable Maître Hsuan-Hua

**L**a science n'est, en aucun cas, l'objectif de l'humanité et n'apporte jamais le vrai bonheur ni sur le plan matériel ni sur le plan spirituel. Pourtant tout le monde n'apprécie pas cette théorie. Pourquoi ? Car l'homme, à force de rester dans l'obscurité, ne se réveille jamais. Même si vous menez une campagne pour proclamer cette théorie, vous échouerez certainement car personne ne vous approuverait. Comparées aux autres découvertes, les nouvelles inventions scientifiques possèdent des pouvoirs de séduction les plus forts. Il existe beaucoup de gens qui savent très bien que la science a des problèmes mais ils persistent à l'encourager, à en faire éloge. En ce monde, tout ce qui possède des avantages, possède forcément des inconvénients ; plus les avantages sont considérables, plus grands sont les inconvénients.

Regardez ! La maladie du cancer se propage dans tout l'univers. Car, à force de développer de nouvelles techniques, nouvelles inventions, la science engendre en même temps une multitude de substances nuisibles qui polluent l'atmosphère. Respirant cet air pollué, l'homme contracte forcément le cancer. Il n'est pas possible que les scientifiques ne s'en rendent pas compte, mais ils refusent d'y réfléchir profondément, ne reconnaissant pas cette théorie. Résultat, actuellement, le monde est tombé dans un état où la maladie s'est métastasée jusqu'aux os, jusqu'à la moelle, impossible de guérir. Malgré le manque de remèdes, nous essayons de toutes nos forces afin d'aider les gens à faire face devant l'arrivée foudroyante de cet ouragan. Ce n'est pas parce que nous voulons nous révolter contre les scientifiques mais il nous faudrait aussi connaître cette vérité. Toute chose, ou tout objet qui possède des avantages, possède forcément des inconvénients ; par exemple, une personne parvient à monter jusqu'à la lune ; arrivée à la lune que compte-t-elle faire ensuite ? Supposons que le gouvernement déciderait d'y cacher des bombes atomiques afin de détruire l'univers entier ou bien, un jour, ces

bombes s'exploseraient et détruiraient la lune elle-même, etc. Si, en ce monde la lune n'existait pas, qu'est-ce qui se serait passé. Ceci est un seul exemple mais vous devriez comprendre l'idée maîtresse de cette théorie.

En somme, plus la science progresse, plus la vie humaine s'expose à des dangers. Les progrès de la science favorisent les progrès du poison. Autrefois, à l'époque où la science n'a pas encore été développée, l'humanité vivait dans la joie, la satisfaction. Au lever du soleil, l'homme partait travailler et au coucher du soleil, il rentrait et se reposait, se contentant de ce qu'il possédait. Aujourd'hui, avec les progrès de la science, l'humanité contracte une multitude de maladies étranges qu'aucun médicament n'arrive à guérir, devant lesquelles, les médecins restent impuissants. Ainsi, la science, indirectement a causé tous ces dangers. Sachons qu'en ce monde, là où existe le bien, existe aussi le mal, où se présente l'avantage, se présente inévitablement l'inconvénient là où l'on gagne, on y perd, tout est relatif, rien n'est absolu.

Conférence du 06-10-1980

## Séance d'ouverture à l'occasion du Vesak

Vénérable Maître Hsuan-Hua conférence à la cité des dix mille Bouddhas : le 01-Mai-1982

**D**ans le passé lointain, Bouddha Sakyamuni, pendant trois Asamkhyas Kalpas avait pratiqué des bénédictions et sagesse, et pendant des centaines de Kalpas avait pratiqué afin d'obtenir une beauté physique divine. Il avait ensuite pendant six ans pratiqué l'ascétisme, accompli des actes que personne ne peut accomplir ; pratiquant l'endurance, il avait supporté des choses que personne ne peut supporter, pour le profit des êtres vivants, développé son esprit Boddhi, acquis toutes les connaissances au risque de sa vie afin d'instruire les êtres vivants et les sauver. De kalpa en kalpa, Il avait dû endurer la misère, la patience, manger des choses que personne ne veut manger, céder des choses que personne ne veut céder ; c'est pour cela qu'il avait réussi à certifier le fruit du Boddhi, et devenir Bouddha.

Bouddha n'avait pas pratiqué un jour et une nuit pour devenir Bouddha. Il avait pratiqué durant trois Asamkhyas Kalpas, ensuite apparut sous huit différentes formes l'une après l'autre avant d'être Éveillé dans notre monde. En quoi consistent ces huit formes et cet Eveil ? La première forme était celle d'apparaître dans le ciel Tusita. Le ciel Tusita c'est l'endroit où les futurs Bouddhas résident et tournent la roue du Dharma, se préparent pour devenir Bouddhas. La deuxième est celle où le futur Bouddha fut conçu. Dans le ventre de la Sainte Mère, Il continuait à tourner la roue du Dharma afin d'éduquer tous ceux qui avaient une certaine affinité avec Lui, car c'était pour eux qu'Il avait pratiqué la prédication. La troisième forme était celle de sa naissance. Bouddha fut né le huitième jour du quatrième mois lunaire. Juste après sa naissance, le futur Bouddha, pointant d'une main le ciel et de l'autre, la terre, déclara :

« Dans le ciel et sur la Terre,  
Moi, seul, suis le plus honoré ! ».

Est-ce un geste de fierté ou d'orgueil de sa part ? Absolu ment pas. Je ne plaide pas en sa faveur, mais en vérité, Bouddha mérite dignement d'être le plus hautement honoré de tout l'univers. Pourquoi, à peine arrivé en ce monde, avait-il déclaré ces paroles ? Parce qu'il voulait initier les êtres vivants à la Religion. A sa naissance, apparurent neuf dragons crachant de l'eau pour le baigner. Grandi dans le palais royal, il apprenait toutes les sciences, toutes les techniques d'arts martiaux du monde humain. Disons qu'Il apprenait mais en réalité Il les connaissait déjà à fond sans la moindre hésitation.

Un jour, au cours d'une promenade et en sortant par les quatre portes du palais, Il avait rencontré : une naissance, un vieux, un malade, et un mort, Il réalisa que la vie humaine est une suite continue de souffrances, que tout ce qui existe doit passer par la naissance, l'existence, le changement et la destruction, ou bien : la formation, l'existence, la détérioration et le néant. Réalisant que : la naissance, la vieillesse, la maladie et la mort n'apportent que des afflictions, des souffrances, que l'existence humaine n'a rien d'intéressant, n'a aucun sens, il décida d'abandonner tout : richesse, royaume, et de partir à la recherche du bonheur éternel. C'était l'une des huit formes d'Eveil.

Bouddha avait pratiqué l'ascétisme, on peut dire qu'il était le meilleur ascète. Pendant son séjour à

la montagne Tuyét Son, il s'investissait totalement dans la pratique ascétique, ne mangeait qu'un grain de sésame pour pouvoir subsister sans prendre de vitamine A, ni B, ni C. Ensuite, après avoir bu un bol de lait de chèvre offert par une paysanne, il s'installa au pied de l'Arbre Bodhi et médita formulant le vœu suivant : « Je ne me lèverais ni ne bougerais tant que je n'obtienne pas l'Eveil ». Il méditait. Après quarante-neuf jours, le fruit a mûri, en pleine nuit voyant apparaître l'étoile du matin, il s'éveilla, certifia l'état non-né, non-mort, non plus, non moins, non sain, non malsain, atteignit le vrai visage originel, la merveilleuse, éclatante et suprême Vérité.

En tant que disciples du Bouddha, en cette période de décadence du Bouddha dharma, soyons de vrais fils du Bouddha. Sachons que, par le passé, Bouddha et les Patriarches ont eu beaucoup de mal à pratiquer la religion. Aujourd'hui, quoique nous ne mangions pas un grain de sésame par jour, ne soyons pas trop gourmands de gastronomie, ne nous bourrons pas de vitamines, ni de fortifiants. Sachons que ce corps n'est qu'un sac de chairs puantes, formé de quatre éléments assemblés provisoirement, artificiellement, il n'y a rien de précieux. Ne vous transformez pas en chevaux, en buffles, en esclaves pour servir cette enveloppe puante ! Savez-vous que depuis combien de temps avez-vous agi de cette façon, combien de mauvais Karmas avez-vous créés ? Jusqu'à ce jour, vous refusez toujours à y voir clair pour vous en libérer, au contraire, vous continuez toujours à vous transformer en esclave, en chevaux, en buffles ! Quels gâchis ! Vous devriez revenir à vos origines !

Apprendre le Bouddhisme, pratiquer le Bouddha dharma c'est pour réaliser que la vie humaine est souffrance pour ensuite devenir Bouddha, c'est précisément le but de la vérité. Aussi, aujourd'hui en ce jour de la naissance du bouddha, nous devrions agir selon les instructions du Bouddha, autrement dit : prendre le corps du Bouddha comme le nôtre ; ses actions comme les nôtres ; l'esprit du Bouddha comme le nôtre ; les vœux du Bouddha comme les nôtres ; la volonté du Bouddha comme la nôtre ; nous devrions nous perfectionner, endurer les misères surmonter tous les obstacles. S'il en était ainsi tout le monde

deviendrait Bouddha, libéré du cycle de renaissances et de morts.

En vue de parvenir à la connaissance parfaite, Bouddha s'est totalement investi, corps et âme, dans la pratique. Aujourd'hui, si vous êtes incapables de supporter la misère, la peine, comment voulez-vous devenir Bouddha ? Une fois devenus moines, si vous ne pratiquez pas sérieusement, honnêtement, vous trahiriez ainsi la confiance des Bouddhas, des Bodhisattvas et des Patriarches. Si vous n'arriviez pas, ne serait-ce qu'un jour, à vous débarrasser de votre cupidité, de votre rivalité, de votre intéressement, de votre égoïsme qui ne cessent de s'amplifier, comment pourriez-vous vous présenter devant Bouddha, devant vos parents, vos ancêtres ? Ne vous préoccupez pas de votre propre corps mais plutôt de celui d'autrui. Progressez, progressez dans votre pratique, ne gaspillez pas votre temps inutilement. Le démon de la mort peut survenir à tout moment. S'il arrivait, il vous serait impossible de prolonger votre vie, ne serait ce que pour quelques jours :

*« N'attendez pas d'être vieux pour pratiquer la Voie »*

*« Le cimetière est rempli de tombeaux de jeunes, et de très jeunes »*

Dans la vie, toute naissance est suivie de la mort, puis la mort suivie de la naissance, si on ne vit pas dignement on se réincarne en animal. Une fois ce corps perdu, il nous serait très difficile, ou quasi impossible de la récupérer. Aussi, ne vous vous trompez pas, ne plaidez pas en votre faveur, en pensant à tort et à travers que vous n'avez même pas besoin de pratiquer, car un jour Bouddha viendrait vous aider à devenir Bouddha. Même au Vénérable Ananda qui était le petit frère du Bouddha, CELUI- Ci ne lui avait pas accordé le Samadhi, mais il a fallu qu'Ananda lui-même s'invertît de toutes ses forces dans la pratique pour réussir.

C'est la raison pour laquelle aujourd'hui vous venez à la cité des dix mille Bouddhas, comme si vous arrivez dans un centre de concours pour devenir Bouddha, vous devriez vous investir entièrement dans vos pratiques, et en travaillant dur, vous auriez une chance de réussir. N'attendez pas d'avoir échoué, ce serait trop tard pour regretter !

## Conséquences (karma) de l'acte de tuerie

Vénérable Maître Hsuan-Hua

**L**a plus grande vengeance en ce monde résulte, la plupart du temps de l'acte de tuerie. On dit aussi souvent : « Un meurtrier paye son meurtre, un endetté paye ses dettes ». Si vous tuez le père, le frère d'une personne, on tuera votre père, votre frère, et ainsi de suite, on s'entretue perpétuellement sans jamais s'arrêter. Puisque les causes de la tuerie sont infiniment nombreuses. Les conséquences qui en résultent sont forcément imprévisibles et immédiates, c'est ce qu'on appelle : « Karma (conséquences) immédiat ».

Pourquoi en ce monde actuel apparaissent des maladies étranges ? En résumé, c'est uniquement le résultat de l'acte de tuerie. C'est normal, vous prenez la vie des êtres vivants, ceux ci vous cherchent et vous réclament leur vie. Face à ces étranges maladies, même les médecins sont impuissants. Que devez-vous faire alors ? Vous devriez vous repentir du fond du cœur, vous réformer pour devenir meilleurs, accomplir des actes bienfaisants, utiles, profiter vos prochains. Vous pourriez alors neutraliser vos mauvais Karmas accumulés depuis de nombreuses générations. Si vous n'agissiez pas de cette façon, vous n'auriez aucune chance d'échapper à ces étranges maladies. Ceci est une vérité pas une superstition.

### **Un furoncle au visage humain du temps moderne :**

Aujourd'hui, je vais vous raconter deux expériences à propos du Karma de l'acte de tuerie. Vers l'année 1945, il existait un moine nommé Đai Minh, vénérable supérieur de la pagode Thừa Thiên située à Tô Châu en Chine. Ce vénérable, quoique moine Bouddhiste, croyait pourtant en des religions hétérodoxes, et vénérait dans sa pagode l'ange du renard. De ce fait, celui-ci allait et venait librement dans la pagode sans que personne ne le chassât. Il n'avait peur de personne. Ainsi, l'animal et l'homme cohabitaient paisiblement dans la pagode.

A cette époque, le vénérable pratiquait la retraite, il se retirait dans sa cellule pour relire



minutieusement « Les trois recueils de l'immense Sutra » du Bouddha. Le renard venait aussi dans la cellule du vénérable et pratiquait ensemble la retraite avec lui. Pendant que le vénérable lisait les Sutras, il dormait sur la natte servant de prosternations du vénérable. Chaque fois que celui-ci voulait se prosterner, il lui disait : « Je vais me prosterner, veux tu sortir ? ». Sagement, le renard sortit de sa cellule et attendit jusqu'à ce qu'il ait fini et revint se rendormir sur la natte du vénérable comme de vrai amis bouddhistes.

Un jour, le vénérable se sentait un peu nerveux ; au moment où il voulait se prosterner il lui disait : « Si tu ne sors pas immédiatement je te bats jusqu'à ce que tu meures ». Le renard écarquilla ses grands yeux, le regarda fixement et froidement referma yeux et continua à se rendormir. Il pensait probablement qu'un moine devrait être compatissant, ne ferait jamais de mal à qui que ce soit. Aussi il ne bougea pas.

Devant une attitude aussi têtue, le vénérable entra dans une colère noire, cria : « Comment est-ce possible ! L'invité veut opprimer l'hôte maintenant ! Je te bats jusqu'à ce que tu meures ! ». Sitôt dit, le vénérable saisit un bâton et voulut le menacer. Le renard ne bougea toujours pas. Devant cette attitude provocante, dans un accès de colère, le vénérable le roua de coups, fendit la tête de l'animal, le sang coula tellement que la natte du vénérable en fut rougie. L'animal fut véritablement mort sous les coups mortels du vénérable ; celui-ci a enfreint le précepte de tuerie ; profondément navré, ne sachant comment résoudre le problème, comment neutraliser un si mauvais Karma ; réfléchissant, retournant le problème dans tous les sens, soudain, il se souvint des paroles de quelqu'un qui disait : « Si on tue un renard, et qu'on donne sa chair à quelqu'un qui la mange,



cela pourrait neutraliser son Karma de tuerie ».

Le vénérable se mit alors à dépecer l'animal et le donna à ses employés ; croyant qu'ainsi son Karma serait effacé.

Mais, surprise, sept jours plus tard, l'esprit du renard survint devant le vénérable qui était en train de méditer et lui dit : « J'ai déjà porté plainte auprès du roi Yama, vous devez me rendre la vie ». Pris de panique et de peur, il se mit à réciter le Mantra de l'Immense Compassion. Grâce à la Bénédiction du Mantra, le renard ne pouvait pas l'approcher, donc il ne pouvait pas lui nuire. Mais ne voulant absolument pas abandonner, il cherchait toujours à l'ennuyer. Sept jours plus tard, sachant que seul, il ne pouvait pas se venger, il lui faut du renfort. Savez-vous où il va demander de l'aide ! Devinez ! Auprès des esprits des soldats Japonais morts durant la guerre contre les Chinois. Le renard réussit à mobiliser beaucoup de ces esprits qui, utilisant des grands canons bombardèrent le corps du Vénérable. Ils bombardaient ainsi durant plusieurs jours, mais impossible de le toucher .Pourquoi ? Car le Vénérable se concentrait totalement : corps et âme dans la récitation du « Mantra de l'Immense Compassion » sans bouger ; de ce fait il était bien protégé, les bombes tombaient autour de lui sans jamais l'atteindre.

Plusieurs jours s'écoulèrent, n'ayant ni mangé ni bu, le vénérable se sentait véritablement au bout de ses forces, extrêmement fatigué. Dans un moment de relâche, il sombrait dans une vague inquiétude ; juste à ce moment, une balle le toucha au genou droit. Les esprits japonais se retirèrent .Le vénérable se sentit soulagé, heureux, croyant qu'il a pu s'échapper de ce terrible bombardement, qu'il était hors de danger. A peine cette pensée effleura son esprit qu'il sentit une douleur à l'endroit où la balle a touché. Le vénérable baissa la tête et vit, à son genou droit pousser un furoncle ayant un visage humain avec une bouche et des dents. La blessure s'enfla, douloureuse, aucun médicament n'arriva à la guérir.

Un jour, quelqu'un lui conseillait de recouvrir la blessure à l'aide d'un morceau de lard et de chair

pour soulager la douleur. Le vénérable exécutait comme cela avait été dit ; la méthode était effectivement efficace, mais dès que le morceau de chair et de lard fut mangé par le furoncle au visage humain, la douleur revint de plus en plus intense, il en souffrait atrocement. Plusieurs jours ainsi passèrent, le vénérable comprit enfin cette vérité : la seule façon de mettre fin à ces souffrances : c'est de neutraliser, d'anéantir son mauvais Karma. Le vénérable se mit alors à pratiquer de tout son cœur, ne se souciant plus de ses souffrances, multipliant ses efforts pour endurer la douleur, s'invertissant entièrement dans les prières, les prosternations, les séances de repentirs. Pratiquant ainsi durant trois ans, le furoncle disparut. Le vénérable fut enfin complètement guéri.

Ce vénérable était un moine respectable, il voyageait partout, pratiquant la Voie, s'instruisant, consultant auprès de bons amis bouddhistes, accomplissant des pèlerinages sur les quatre montagnes célèbres (Ngũ Đai Sơn, Nga Mi Sơn, Phở Đà Sơn) et les huit grandes montagnes en Chine. Doué d'une conduite exemplaire extrêmement vertueuse, toutefois, par mégarde, il avait causé la mort d'un renard, pour se racheter il a dû pratiquer des prosternations, des séances de repentances pour pouvoir neutraliser son Karma. De ce fait nous pouvons en déduire que le Karma de tuerie est le pire des Karmas. Aussi, soyez vigilants ! Ne tuez pas les êtres vivants mais plutôt libérez les ! Si vous continuez à tuer délibérément, tôt ou tard vous attraperez ces étranges maladies incurables qui vous rendront à jamais infirmes, vous en regretterez durant toute votre vie.

## Vie et œuvre prédicante du Vénérable Maître Hsuan-Hua la suite

### 4. Le guide des ignorants :

**L**a nuit du 19<sup>ème</sup> jour du 2<sup>ème</sup> mois lunaire, c'était l'anniversaire du Bodhisattva Avalokiteçvara, il avait 12 ans et fit un rêve étrange. Dans son rêve, il s'égara dans un champ désert, il n'y avait que de l'herbe verte poussant en broussailles, levant la tête, pas de ciel, regardant autour de lui, pas l'ombre d'une personne, marchant

sur un chemin criblé de fossés et de grottes plus ou moins profonds, extrêmement périlleux, il y avait des gouffres grandes comme des tables tellement profondes qu'on ne voyait pas le fond, mais que du noir. Personne ne survivrait si on y tombait. Pris de panique et de peur, il n'osait ni avancer, ni reculer, ne sachant où mettre ses pieds. Terriblement effrayé, impossible d'appeler à l'aide, il n'y avait personne, tremblant de peur, soudain il pensa : « Si je mourais aujourd'hui, je ne pourrais pas réaliser mon vœu de conversion, et qui s'occuperait de mes parents s'il m'arrivait quelque malheur ? » A peine ces pensées effleurèrent son esprit, il s'est mis à pleurer fortement. Soudain, apparut devant lui une vieille femme d'apparence bienveillante. Il releva la tête et vit qu'elle portait des vêtements de moine, un bâton en bambou dans la main, des sandales de pailles aux pieds. Elle avait l'air pensive, les yeux brillants, un sourire sur les lèvres, elle lui demanda :

- « Eh ! Mon garçon, pourquoi pleures-tu si fort ainsi ? Ne t'inquiète pas, tu n'as qu'à suivre mes pas, tu ne t'égareras pas, je te guiderai jusqu'à chez toi ; la route est encore très longue, des milliers de miles à parcourir, sois extrêmement vigilant pour ne pas glisser et tomber dans le ravin ! »

La vieille femme avança, il la suivit, elle le guida. En un instant, ils sortirent de ce chemin dangereux et tombèrent sur un grand chemin clair uni et régulier, encore un petit instant et sa maison apparut. Il fut fou de joie : « Ah ! Enfin chez moi ! C'était vraiment un chemin terriblement périlleux ! »

Jetant un regard sur le chemin dangereux, il découvrit qu'il y en avait d'autres qui le prenaient aussi : des jeunes, des vieux, des hommes, des femmes, des moines, des lettrés ; surpris, il demanda à la vieille femme :

- « Madame, qui sont-ils ? D'où viennent-ils et où vont-ils ? »

- « Ces gens-là ont une certaine affinité avec toi, ils sont en train de suivre tes pas pour franchir tous les obstacles dangereux, car ils veulent aussi rentrer chez toi. »

Ensuite, la vieille dame continua : « La route est encore longue, tu devrais les guider consciencieusement. J'ai d'autres occupations à

faire ailleurs, je reviendrai dans très peu de temps. Maintenant, je te dis au revoir et à bientôt ! »

Il voulait connaître son nom et son domicile mais elle lui a répondu : « Nous sommes compatriotes, tu sauras quand tu seras chez toi, ne pose pas tant de questions ! »

A ces paroles, elle se retourna et disparut. Il continua à les guider jusqu'à chez lui sains et saufs. A peine arrivé chez lui, il se réveilla le cœur rempli de joie et de satisfaction.

### **5. La prise de refuge auprès des 3 Joyaux :**

Dans son rêve, le fait de s'égarer sur un chemin rempli de fossés et de gouffres terriblement dangereux lui a donné l'impression d'avoir affronté la naissance et la mort. Grâce à la vieille dame il a été sauvé. Après le rêve, il se sentait extrêmement ému car il s'est rendu compte qu'il ne s'agissait pas d'un rêve ordinaire car il avait toujours pensé : « La naissance et la mort sont des problèmes grandioses, personne ne connaît son destin, une fois ce corps perdu, il nous serait extrêmement difficile, même en traversant des milliers de Kalpas, de le récupérer ». Grâce à cette pensée, sa décision de se convertir pour pratiquer la Voie s'est renforcée de plus en plus. Il alla voir ses parents, leur présenta sa décision. Ses parents l'ont acceptée. Il commença alors son voyage à pieds, se renseigna auprès de plusieurs personnes dans plusieurs endroits, finalement, il rencontra le vieux moine vénérable Thường-Trí. En présence du Vénérable, il avait l'impression de le connaître depuis longtemps. Il le sollicita de lui apprendre une discipline qui lui permettrait de mettre fin au cycle de morts et de renaissances. Le Vénérable lui répondit :

- « Tu devrais exercer consciencieusement et assidûment la doctrine « Bât-Nhị » (ni deux ni un) qui te guidera vers le seul et unique Véhicule, lequel te permettra de devenir Bouddha ».

Après avoir entendu ces paroles, le cœur rempli de joie, il se jeta à genoux et se prosterna devant le Vénérable Thường-Trí, l'honorant comme son maître et demanda officiellement refuge auprès des 3 Joyaux. Vénérable Thường-Trí était non seulement doué de très hautes qualités vertueuses mais il était aussi parvenu à certifier des fruits inimaginables. Quoiqu'il n'ait jamais appris ni à lire ni à écrire, et pourtant, ses disciples l'avaient entendu prêcher et réciter les prières très

couramment. S'il possédait ces capacités, c'est parce qu'il était parvenu à l'éveil de la nature sereine du Bouddha.

### **6. Période d'apprentissage et d'éducation :**

A 16 ans, le jeune homme commençait ses études dans une école privée. Au début, il apprenait à faire des sentences parallèles, il était très doué, très motivé. Plus il apprenait, plus il se sentait enthousiasmé. Dans sa classe, il y avait une trentaine d'élèves. Ceux-ci, chaque fois qu'ils venaient lui demander de l'aide, il était toujours prêt à les aider de bon cœur. C'était pour lui l'occasion d'exercer son intelligence et d'élargir sa compassion, sa générosité. En moins de 2 ans et demie, non seulement il connaissait parfaitement les principales doctrines contenues dans tous les Livres Classiques Chinois mais en plus, il apprenait la médecine, les plantes médicinales, la physique et l'astrologie. Il se concentrait surtout sur la théorie et la pratique contenues dans les livres et les Sutras bouddhiques. Il dépassait tous ses camarades de classe, capable de réciter par cœur un texte après l'avoir lu une seule fois. C'est pourquoi, à 15 ans, il a commencé à enseigner à une trentaine d'élèves qui étaient tous des enfants pauvres. Il pensait que c'était sa mission, son devoir.

### **7. Sa vie ne tenait qu'à un fil :**

Parmi sa trentaine d'élèves, soudain, une quinzaine tombèrent malades. Ils attrapèrent une maladie appelée « variole de poils de mouton » extrêmement contagieuse ; elle a contaminé presque tout le village et pourrait être mortelle si le malade n'était pas soigné à temps. Après 3 jours, il mourrait. Et s'il se faisait soigner à temps, il guérirait. La maladie débutait par une terrible migraine, heureusement, le Vénérable connaissait la méthode pour vaincre la maladie. Pour le traitement, il prit le bout d'une allumette, le pressa sur un bouton enflé ; si cet endroit s'enfonça et laissa une trace, il s'agissait certainement de la variole. Ensuite, se servant d'un objet pointu comme une aiguille, piqua directement sur l'enflure, l'entailla et l'extraya. Si on examinait bien la peau de cette enflure enlevée, on voyait plusieurs poils semblables à ceux d'un mouton, d'où son nom. Tout malade devait se faire soigner de cette façon pour guérir. Il n'y en avait pas d'autres moyens.

Parmi ses élèves, il y en avait un qu'il aimait particulièrement, parce que, non seulement, il était discipliné mais il excellait dans toutes les matières. C'était pourquoi il l'a nommé chef de classe. Cet élève a malheureusement attrapé cette maladie. Il existe une phrase disant : « Trop impliqué, on perd ses moyens ». Extrêmement soucieux pour son élève, il s'en occupait corps et âme. Résultat : il contracta lui-même la maladie.

Quand les autres tombaient malades, il pouvait les soigner mais cette fois-ci, c'était lui qui attrapait la maladie. Qui va le soigner ? Comment faire ? Si l'enflure se trouvait sur la poitrine, il pourrait se l'opérer mais si l'enflure se trouvait sur son dos, comment faire ? Sa tête semblait s'éclater, il pensait : « J'ai consacré toute ma vie à servir le Bouddha Dharma ; si aujourd'hui mes Seigneurs Honorés Bouddhas pensaient que je n'étais plus d'aucune utilité pour les êtres vivants, j'accepterais avec joie de quitter ce monde, mais si les êtres vivants avaient encore besoin de moi, j'ai la ferme conviction que je guérirais sans me faire soigner ».

Après avoir fait cette réflexion, il se plongea dans un sommeil profond, rien qu'un instant, et il se réveilla, sentit que sa gorge fut bloquée, il eut du mal à respirer. Il eut l'impression que sa tête enfla. Utilisant toutes ses forces, il essaya de cracher ; après quelques quintes de toux, il vomit des crachats et en même temps une touffe de poils. Il en fut guéri complètement. Durant toute son existence, c'était l'une des expériences où il a échappé de justesse à la mort. A partir de ce jour, il se consacrait entièrement dans la responsabilité de propager le Bouddha Dharma, se considérait comme missionnaire du Bouddha.

#### Pratique instantanée et pratique de longue durée

Après avoir pris refuge auprès des 3 Joyaux, avec le Vénérable Thường Trí, il s'investissait entièrement dans la pratique de la méditation, considérant tous les Sutras du Bouddha comme des

joyaux, étudiant, examinant chaque mot, chaque phrase, il les lisait, y réfléchissait profondément et les apprenait par cœur. A 16 ans, après une année d'études, il commençait à prêcher les Sutras du Bouddha, notamment Sutra Pháp-Bảo-Đàn « Dharma Ratna » (Joyau du Dharma), Sutra Kim-Cang (Sutra du Vajra-Prajna-Paramita) et beaucoup d'autres Sutras, pour les moines de la pagode du village qui ne savaient ni lire ni écrire, ne fréquentaient aucune école.

En étudiant le Sutra Pháp-Bảo-Đàn, il se sentait plein de motivation. Lisons ces mots écrits par les disciples du 6<sup>ème</sup> patriarche dans le Sutra Pháp-Bảo-Đàn :

- « Nous sommes une vraie et officielle branche de méditation. Dans le Nord, notre école du Grand Véhicule enseignait la pratique d'éveil instantané. Notre maître, le Vénérable Huệ-Năng était l'héritier de cette branche ».

Tandis que dans le Sud, les disciples du Vénérable Thần-Tú préconisaient : la pratique de longue durée. Ceux-ci déclaraient :

- « Toute l'œuvre prêchée par le 5<sup>ème</sup>

Patriarche Hoàng-Nhân a été transmise à notre maître le Vénérable Thần-Tú ».

C'était la raison pour laquelle les 2 écoles n'arrêtaient pas de se quereller.

Devant cette situation, le Vénérable Hsuan-Hua pensa : « Comment est-ce possible qu'il y ait une pratique d'éveil instantané et une pratique d'éveil de longue durée ? Existe-t-il 2 méthodes différentes ? ».

Pour exprimer sa pensée devant les disciples du 6<sup>ème</sup> Patriarche et ceux du Vénérable Thần-Tú, il lit le verset suivant :

*« Quoique la pratique instantanée et celle de longue durée soient différentes, le résultat est le même.*

*Pourquoi distinguer le Nord du Sud ?*



Buổi sáng trên sông Hằng



*Profane et saint quoique différents  
possèdent tous la même nature originelle »*

Đôn veut dire devenir Bouddha instantanément, immédiatement. Tiêm signifie devenir Bouddha après une longue durée de pratiques difficiles, hardues. Toutefois, une fois devenu Bouddha, il n'y a plus de Đôn (instantané) ni de Tiêm (longue durée). Pourquoi distinguer la branche du Nord du 6<sup>ème</sup> Patriarche de celle du Sud du Vénérable Thân-Tú ?

Pour la simple raison que celui qui a déjà pratiqué le Bouddha Dharma dans le passé, s'éveille instantanément et obtient immédiatement le fruit de la Bouddhité. « Le Saint » désigne un Bouddha, tandis que « le Profane » désigne un être vivant. Ces 2 opinions semblent différentes, mais la nature de tous les êtres vivants est identique. Un Bouddha est un être vivant suprêmement et parfaitement éveillé et les êtres vivants sont des Bouddhas en puissance (à devenir), qui ne sont pas encore éveillés. Après avoir atteint l'Illumination au pied de l'arbre Bodhi, Bouddha Sakyamuni déclara : « Comme c'est merveilleux ! Comme c'est merveilleux ! Tous les êtres vivants possèdent la nature du Bouddha, sont capables de devenir Bouddhas, seulement, à cause des illusions, des désirs passionnés, ils ne sont pas encore parvenus à l'Eveil ». C'est pourquoi le Vénérable Hsuan-Hua disait :

- « Ne dites pas que Bouddha Amitaba réside à l'Ouest, tandis que l'Est est réservé aux êtres vivants. Ne faites pas cette distinction. Si vous avez bien compris le Bouddha Dharma vous verriez qu'il n'y a pas de différence car la nature originelle du Bouddha et celle de tous les êtres vivants sont identiques. Si vous continuez à vous quereller, vous garderez encore des attachements, vous ne comprendrez jamais le Bouddha Dharma. Ne proclamez pas trop non plus vos maîtres en disant par exemple : « Mon maître vient de Chine. Il apporte le Véritable Recueil du Dharma, le vrai et juste Bouddha Dharma ». Au lieu de proclamer ainsi, vous feriez mieux de dire : « Tout ce que dit mon maître n'est qu'illusion. Car l'enseignement du Dharma du Bouddha ne peut être exprimé par des paroles, d'ailleurs au fond, il n'y a rien qui soit vrai ou faux, juste ou injuste. Ne vous lancez pas dans des discussions futiles, n'agissez pas comme les disciples du 6<sup>ème</sup> Patriarche et ceux du Vénérable Thân-Tú ». (à suivre)

## Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

Le 14 novembre 1973. Hằng-Do écrit :

Depuis quatre jours, il semble qu'il y ait une nouvelle sensation en train de grandir dans mon âme. Ces quelques heures de froid intense, d'humidité, de tâtonnement dans la nuit noire sur une route montagneuse menant aux territoires des Indiens suffisent clairement pour que je puisse m'exprimer.

Il ne s'agit pas d'une émotion, ni du résultat d'une philosophie, mais quelque chose de plus important. J'ai l'impression qu'elle est plus profonde par rapport à celle que j'éprouve habituellement, ce serait probablement une « expérience ». Elle ne s'encombre pas de détails insignifiants, ni d'incidents, mais plutôt une sensation d'indifférence, de détachement, me permettant de m'assurer que nous allons réussir notre pèlerinage. A partir d'aujourd'hui, nous ne serons plus tourmentés par la question : allons-nous surmonter ou non les obstacles. Mais la question est : comment affronter, comment réagir quand se présentent des obstacles imprévus dans les prochains jours.

Nous avons dépassé, toujours en pratiquant des prosternations, le quartier de Stewarts Point, puis passé la nuit dans une vieille cabane ; de temps en temps, une souris passa en courant sur le corps du Bhiksu Hằng-Cự, le réveillant à chaque fois et cela a duré toute la nuit.

Le 15 Novembre 1973 - Hằng Cu écrit :

La pluie recommençait à tomber. D'après le plan, l'autoroute devait longer le bord de la mer sur une distance d'environ 80 miles ; ensuite elle contournait pour entrer dans le territoire du Rock port. De temps en temps, on rencontrait une maison, mais la plupart du temps, il n'y avait que d'immenses vallées vertes et la mer naturellement. La circulation était clairsemée.

Ce soir, nous nous prosternions dans la région du Searanch, une bourgade bien développée au bord

de la mer. Il y avait des dizaines de maisons construites avec des matériaux naturels sur des parcelles de terre espacées régulièrement, ce qui donnait une très belle vue. Pendant que Vénérable Hăng Đô me devançait pour chercher un endroit pour camper, une vieille Ford survint et freina en grinçant ses freins à côté de moi. A bord de la voiture, il y avait cinq hommes complètement ivres. De mon côté, je continuais à me prosterner, me concentrant dans ma prière : Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát (Namô Bodhisattva Avalokitecvara) comme m'avait enseigné mon Maître. Malgré cela, je sentis monter en moi une puissante énergie qui s'amplifia de plus en plus, tous les organes dans mon corps furent prêts à entrer en combat. Juste à ce moment je me souvins d'un poème que mon Maître avait souvent récité : « La religion monte d'un décimètre, le diable monte de 10 mètres. La religion monte de 10 mètres, le diable monte sur nos têtes ». La voiture roulait lentement à côté de moi, les ivrognes passant leur tête à travers les vitres, vociféraient des grossièretés insoutenables. Cela a duré quelques minutes, ne voyant aucune réaction de ma part, la voiture s'arrêta définitivement, l'un des quatre ivrognes en descendit, commença à me suivre. Je ne savais pas s'il allait ou non me donner un coup de pied, car il était complètement soûl, il s'écria :

« Eh ! Quelle singerie es-tu en train de faire ? Quel intérêt y gagnes-tu ? »

N'y prêtant aucune attention je me concentrais totalement dans ma pratique de prosternations. Etrange ! A ce moment là, je ne ressentais plus aucune peur, aucune colère ; mon esprit était absolument serein. Ce Dharma était vraiment merveilleux et efficace !

Quelques minutes passèrent, je savais que lui aussi était en train de se calmer car il disait :

- « Eh ! Qu'est-ce que vous faites ? Vous faites cela depuis combien de temps ? »

Finalement, j'arrêtai mes prosternations, me relevai, et me dirigeai lentement en sa direction. Je lui ai répondu dans une attitude calme, familière. Voyant le comportement d'un homme ivre orgueilleux, en quelques instants se transformer en un homme sérieux, calme complètement réveillé, je pensais qu'au fond, il était un homme bon. Après quelques minutes de conversation, il rejoignit ses

amis qui l'attendaient dans la voiture, impatients de connaître le résultat de l'entretien. Quand la voiture me dépassa, j'entendis une voix qui sembla crier : « Cent miles ! Depuis San Francisco ! » Au cours de cet incident, une dame à bord d'un Volkswagen semblait s'y intéresser, prête à intervenir s'il y avait violence ou agression. Ensuite, elle roula, s'arrêta devant nous et se présenta Mme Judy Bruff, adepte d'une nouvelle religion Quaker en Angleterre, demeurant actuellement sur la colline. Elle disait qu'il était interdit de camper dans la région du Sea-Ranch car c'était une propriété privée, et nous invita à passer la nuit chez elle, quant à elle, elle alla se réfugier chez un membre de sa famille.

Le 16 Novembre 1973 - Hăng Cu écrit :

Dépassant les frontières de l'arrondissement Sonoma Mendocino, sur le chemin menant à Gualala, un homme à bord d'une voiture de luxe, dernière modèle, ralentit puis s'arrêta au bord de la route, scruta attentivement Vénérable Hăng Cu en train de se prosterner, puis il roula lentement derrière lui afin de l'observer plus minutieusement. Après, il s'arrêta définitivement au bord de la route et m'attendit .Il était âgé d'environ cinquante ans, des cheveux grisonnants sur les deux tempes. A travers son comportement, ses vêtements soignés, il avait l'air d'un commerçant.

Il demanda prudemment : « Excusez-moi de vous poser une question, que fait votre compagnon ? »

Je lui donnais une brève explication à propos de notre pèlerinage de prosternations tout en affirmant que nous irions jusqu'au bout de notre expédition. Il avait l'air douter de notre capacité d'accomplir un tel pèlerinage. Il posa une autre question : « Vous n'avez pas d'autre pratique pour réaliser vos vœux en dehors de celle-ci ? Pourquoi vous affligez-vous de telles austérités ? »

Mon collègue continuait toujours à se prosterner ; ses chaussures et ses gants frottaient le sol, provoquant un bruit de froissement comme pour confirmer la question de cet homme.

Je répondis : « Le bonheur ou le malheur ne sont que de simples vocabulaires, l'important réside dans votre regard jeté sur les choses. Par exemple, vous portez des lunettes dont les verres

sont rouges, le monde qui vous entoure sera coloré en rose fraîche. Si vous pensez que ce que vous faites vous apporte souffrance, alors vous souffrez. Mais pour moi, je ne pense pas que ce que je fais en ce moment m'apporte souffrance, quoique je sois complètement trempé sous la pluie, car après tout, ce n'est qu'un simple mouillement. Pour illustrer cette pensée, je récite le vers que mon Maître avait souvent récité :

- « Subir les souffrances, celles-ci s'épuisent et s'achèvent finalement ». De même :

« Profiter des bénédictions, celles-ci s'épuisent et s'achèvent également »

Je voulais lui donner plus d'explications à propos de ce vers, qui prouve la vérité du karma et la loi du noyau et des fruits, et aussi pour effacer son doute. Mais il jeta un coup d'œil aux alentours, me coupa la parole, s'excusa, me remercia, et dit qu'il était ravi de discuter avec moi, remonta dans sa voiture et roula à toute vitesse. Peut être, j'aurais dit quelque chose qui l'a blessé ? Ou bien, aurait-il entendu tout ce qu'il voulait entendre ? Ou encore, se rappelait-il un rendez-vous qu'il aurait oublié ? Je commençais à réaliser que l'être humain est comparable à une carafe d'eau. Il y en a qui contiennent beaucoup d'eau, d'autres très peu. Quand la carafe est presque pleine d'eau, on a l'impression d'être inquiet, quand la carafe déborde, c'est souvent le moment où l'on change de destin. On peut lâcher autant qu'on peut garder. Jusqu'au moment où on peut lâcher tout, alors on obtiendra tout.

(à suivre)

## Le monde d'obscurité ignorance

Nguyễn Phước Huệ

Bouddha, dans le passé, durant son existence humaine,

Apparut en ce monde, dans un corps formé de quatre éléments.

Comme nous, Bouddha aussi avait subi :

La naissance, la vieillesse, la maladie, la mort ainsi que la séparation.

Notre corps et celui du Bouddha sont identiques.

Seulement Bouddha est éveillé, alors que nous, nous restons toujours dans l'obscurité.

Bouddha éveillé atteint la Sagesse suprême. Tandis que nous autres ignorants, nous nous résignons toujours dans notre obscure destinée, Menant une existence humaine éphémère de quelques dizaines d'années,

Plongés dans les plaisirs artificiels oubliant complètement le chemin de retour.

Bouddha arrive, Il va et vient librement baigné dans la béatitude.

Tandis que nous, nous arrivons, puis nous nous en allons pour toujours.

Nous montons, puis descendons, circulons sans cesse dans le courant des six mauvais sentiers, Pataugeant ainsi depuis des milliers d'années dans cet immense océan de souffrances,

Dans l'obscurité ignorance de ce monde terrestre de poussières,

Traînant ce corps, vagabondant sur d'interminables et infinis chemins,

Passionnant de richesses, de célébrités : purs rêves et illusions,

Passant notre vie entière à la recherche de toutes sortes de ruses et d'artifices,

Afin de servir, d'entretenir un corps artificiel.

Semant ainsi par nous-mêmes de mauvaises graines,

Nous récolterons un jour sûrement de mauvais fruits.

La vie future paye le Karma commis dans la vie passée.

Sans cesse, indéfiniment, on n'arrête pas de s'endetter, de payer, de s'endetter à nouveau, de payer,

De naître, de mourir, de renaître, de monter et de descendre dans les six mauvais sentiers,

Plongés indéfiniment dans des souffrances, incapables de sortir du cycle de morts et de renaissances.

Que celui qui s'éveille, prenne conscience que la vie est une mer de souffrances,

Se dépêche de prendre refuge auprès du Juste Dharma du Bouddha,

Utilisant la lumière du Bouddha comme guide pour l'aider à trouver le chemin de la libération.

## Peser le pour et le contre

Nguyễn Phước Huệ

« Messieurs dames ! Ecoutez attentivement ceci !

Pour vos actes de malveillance commis dans le passé, soyez-en désolés ! Repentez-vous en !  
Pour le futur, soyez vigilants, accomplissez de bonnes actions. »

Ces vers nous ont été laissés par les anciens.  
Ils nous conseillent dans notre vie quotidienne  
D'agir en pensant toujours aux conséquences de nos actes,

De peser le pour et le contre avant d'agir,  
De prendre les principes moraux comme bagages le long de notre existence.

A l'égard d'autrui, soyons humains et reconnaissants,  
Acceptons la pauvreté tout en gardant l'âme pure,  
Acceptons notre sort plutôt que se lancer dans des actes malveillants.

Les richesses matérielles du monde terrestre, aussi grandes soient-elles,  
Réfléchissons bien, ne font que nourrir un corps artificiel.

Un jour, quand vos yeux se fermeront pour toujours.

Votre corps formé de quatre éléments, se décomposera,  
Et les quatre éléments retourneront à leurs origines.

Laissant tout derrière : richesse, fortune, célébrité.

Emportant seulement avec vous : le Karma que vous avez créé.

Selon la loi naturelle du noyau et des fruits ;

On récolte ce qu'on a semé : on sème le bonheur, on récolte le bonheur ;

On sème le malheur on récolte le malheur.

Le bonheur ou le malheur, c'est nous seuls qui les semons et les récoltons.



Tháp tưởng niệm nơi trà tỳ nhục thân đức Phật

# Efforcez-vous par vous-mêmes

Nguyễn Phước Huệ

Notre Seigneur Honoré nous a clairement expliqué :

Qu'Il est seulement notre Guide qui nous montre le chemin.

D'après ses instructions contenues dans les Sutras :

Les êtres vivants doivent être lucides en pratiquant le Bouddhisme  
Afin de trouver le chemin de la Libération.

Ce n'est pas la peine de solliciter auprès des Bouddhas quoique ce soit dans vos prières.

Car le bonheur ou le malheur, la joie ou la tristesse,

Les fruits de notre Karma ont toujours été créés par nous mêmes.

Évidemment Bouddha compatit tout être vivant mais Il n'est pas un génie

Qui utilise ses pouvoirs surnaturels pour sauver les êtres vivants.

Pratiquer ou non, cela ne tient qu'à nous.

Si nous ne pratiquons pas, personne ne peut le faire pour nous,

Nous avons déjà un Maître qui nous montre comment faire pour détruire notre ignorance.

C'est à nous d'utiliser toutes nos forces pour nous en libérer.

## **ỦNG HỘ BÁO PHẬT PHÁP DÀI HẠN, GÓP PHẦN VÀO VIỆC TRUYỀN BÁ PHẬT PHÁP JE FAIT UN DON POUR LA REVUE BOUDDHADHARMA.**

Họ và Tên / Nom et prénom : .....

Địa Chỉ / Adresse : .....

Điện Thoại / Téléphone : .....

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ : .....

Votre don : .....





Hình Tết Tân Mão 2011







Chùa/Pagode Kim Quang  
 75, Allée Circulaire  
 93600 Aulnay Sous Bois-France  
 Tel./Fax : 01.48.69.01.24  
 e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
 website: chuakimquang.com



### Phật Pháp/Bouddhadharma 39

- Tờ Phật Pháp/La revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ bốn ngày lễ lớn trong năm/Edition les quatre grandes fêtes dans une année.
- Chủ Nhiệm: vén. Thích Minh Định-Hằng Lý.
- Những bài dịch tiếng Pháp và bài kệ: Cô Lý Thị Minh Nguyệt, chú Phan Ngọc Anh.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, cô Giác Vân, cô Diệu Hải, cô Giác Hào, cô Nisha, cô Vi, cô Hồng, cô Giác Xuân, chú Giác Lâm, cô Đồng Thu, anh chị Phát, cô Giác Thủy, cô Vân, cô Nuôi, cô Liên, chú Phước Huệ....
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng Tuyên Hoá, để chúng ta nghiên cứu, tu học, lợi mình, lợi người.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, là góp phần nhỏ vào việc truyền bá Phật pháp, công đức vô lượng.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang  
 75, Allée Circulaire  
 93600 Aulnay Sous Bois-France  
 Tel./fax : 01.48.69.01.24  
 e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
 website: chuakimquang.com

### Trong số này/Sommaire

Kinh Hoa Nghiêm giảng giải	3
Kinh Pháp Hoa giảng giải	6
Chú Lăng Nghiêm giảng giải	8
Chú Đại Bi giảng giải	10
Kinh Bát Nhã	13
Pháp ngữ thiền sư Hư Vân	16
Hám Sơn đại sư tự truyện	19
Cuộc đời H. T Tuyên Hoá	21
Khai thị nhân ngày Phật Đản	26
Chìa khoá khai ngộ	28
Khoa học : Phước hay hoạ	28
Tiền	29
Quả báo sát sinh	31
Xuất gia	32
Tam bộ nhất bái	35
Hành hương Ấn Độ và Miến Điện	37
La clé de l'éveil	39
La science : Bonheur ou malheur	40
Séance d'ouverture à l'occasion Vesak	40
Conséquences de l'acte de tuerie	42
Vie et oeuvre prédicante du Vén...	44
Une prostration tous les trois pas	47
Le monde d'oscure ignorance (poésie)	49
Peser le pour et le contre (poésie)	49
Efforcez-vous par vous-même	50